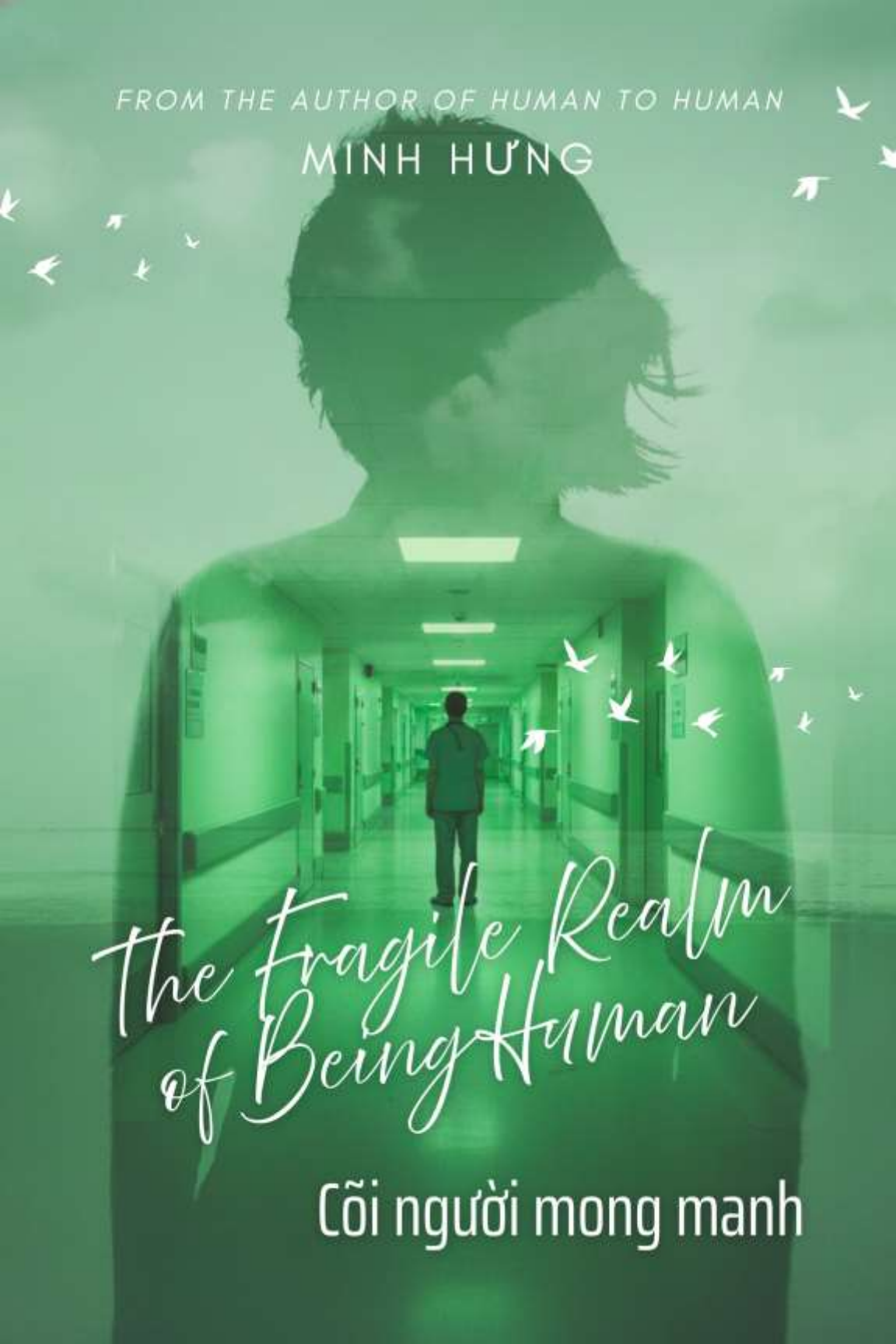
FROM THE AUTHOR OF HUMAN TO HUMAN
MINH HƯNG
The Fragile Realm of Being Human
Cõi người mong manh

# The Fragile Realm of Being Human:

# CÕI NGƯỜI MONG MANH

**A Collection of Short Stories - Humanistic Contemplations**

Tuyển tập truyện ngắn - Chiêm niệm nhân văn

Minh Hưng

© 2025 Minh Hưng.

All rights reserved. Excerpts for the purposes of research, teaching, and the dissemination of humanistic knowledge may be used, provided that the source is clearly cited.

For permissions or copyright issues, please contact author at: **donghungdr@gmail.com**

**The Fragile Realm of Being Human**: CÕI NGƯỜI MONG MANH

Author: **Minh Hưng**

Translator: **Đặng Đức Anh**

First Edition: October 2025

ISBN:

# Dedication

Xin biết ơn các thầy cô, đồng nghiệp, điều dưỡng, kỹ thuật, bảo vệ, lao công những người ngày đêm giữ cho bệnh viện sáng đèn; cảm ơn các bệnh nhân và gia đình đã cho tôi cơ hội được đi cùng một đoạn đường. Cảm ơn gia đình và những người bạn đã kiên nhẫn chịu đựng các ca trực của tôi, và đã nhắc tôi ăn, ngủ, thở, khi tôi quên.

**My deepest gratitude to the teachers, colleagues, nurses, technicians, security guards, and cleaners those who keep the hospital lights burning through every night; to the patients and their families, thank you for allowing me to walk beside you, even for a short stretch of your journey. To my family and friends, thank you for your patience through countless night shifts, for reminding me to eat, to sleep, to breathe, when I forgot how.**

# About the author

Nguyễn Đông Hưng (bác sĩ) / **Nguyen Dong Hung, M.D.**

Bút danh / **Pen name:** Minh Hưng

Sinh / **Born**: Việt Nam / **Vietnam**

Quốc tịch / **Nationality**: Việt Nam / **Vietnamese**

Nghề nghiệp / **Occupation**: Bác sĩ, phẫu thuật viên, nhà nghiên cứu y học nhân văn, nhà văn, giảng viên / **Physician, surgeon, medical humanities researcher, author, lecturer**

Lĩnh vực hoạt động / **Fields**: Ngoại khoa, Niệu khoa, Ngôn ngữ học lâm sàng, Y học nhân văn, Khoa học ý thức, Thiền học / **Surgery, urology, clinical linguistics, medical humanities, consciousness studies, meditation studies**

Tác phẩm tiêu biểu / **Notable work(s)**: Giữa người với người (Tản văn y học nhân văn, 2025) / **Human to Human (Essays on Medical Humanities, 2025)**

Minh Hưng, tên thật là Nguyễn Đông Hưng, M.D. là bác sĩ ngoại khoa, phẫu thuật viên Niệu khoa, cựu sĩ quan Quân đội và nhà nghiên cứu y học nhân văn. Anh từng tham gia công tác hỗ trợ điều trị trẻ khuyết tật tại Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng, đồng thời là cựu cán bộ Cục Bảo trợ xã hội, nơi anh làm việc ở tuyến chính sách đối với nhóm yếu thế.

**Minh Hưng, his realname is Nguyen Dong Hung, M.D., is a urological surgeon, a former military officer, and a researcher in medical humanities. He has supported the treatment of children with disabilities at the Hospital for Orthopedics and Rehabilitation and is a former official at the Department of Social Protection, where he worked on policy for vulnerable groups.**

Bên cạnh đào tạo y khoa, anh tốt nghiệp Cử nhân Ngôn ngữ Anh tại Đại học Hà Nội và từng là nghiên cứu sinh

chuyên ngành Ngôn ngữ học, tập trung nghiên cứu rối loạn giao tiếp ngôn ngữ ở trẻ em Việt Nam trong phổ tự kỷ. Hành trình lâm sàng và nghiên cứu đa ngành giúp anh quan sát một sự thật bền vững. Kỹ thuật và phác đồ chỉ phát huy trọn vẹn khi được đặt trên nền hiện diện bình an, lắng nghe chân thành và những hành động nhỏ nhất quán mỗi ngày.

**In addition to his medical training, he holds a Bachelor's degree in English Language from Hanoi University and was a doctoral candidate in Linguistics, focusing on language and communication disorders in Vietnamese children on the autism spectrum. This interdisciplinary journey in clinical practice and research has led him to observe an enduring truth: techniques and protocols are only fully effective when grounded in a calm presence, sincere listening, and consistent, small daily actions.**

Từ nhận thức đó, anh phát triển hướng Y học của Tâm thức tích hợp khoa học thần kinh, tâm lý học, triết học thực hành và thiền, nhằm phục vụ con người toàn vẹn. Công việc của anh xoay quanh ba trụ cột.

**From this understanding, he developed the "Medicine of Consciousness" approach, integrating neuroscience, psychology, practical philosophy, and meditation to**

**serve the whole person. His work revolves around three pillars:**

- Nhận biết để thấy đúng trạng thái thân tâm và bối cảnh thật.

**Awareness: To see the true state of the body-mind and the real context.**

- Yêu thương với ranh giới lành mạnh để bảo vệ chất lượng quan hệ trị liệu và phòng kiệt sức nghề nghiệp.

**Compassion with healthy boundaries: To protect the quality of the therapeutic relationship and prevent professional burnout.**

- Trí tuệ thực hành để chuyển hiểu biết thành hành động nhỏ lặp lại được trong đời sống thật.

**Practical Wisdom: To translate insight into small, repeatable actions in real life.**

Anh giảng dạy khoa học ý thức, thiết kế các chương trình thực hành thở, lắng nghe, phản chiếu, tập trung và khởi sự

dự án có ý nghĩa cho thầy thuốc, nhà trị liệu, giáo viên và phụ huynh. Các bài viết và bài giảng của anh mời người đọc quay về hiện tại, tôn trọng phẩm giá con người và xây dựng những thói quen bền vững cho một nền chữa lành nhân bản.

**He teaches the science of consciousness and designs practical programs on breathing, listening, reflection, and focus, as well as initiating meaningful projects for physicians, therapists, teachers, and parents. His writings and lectures invite readers to return to the present moment, honor human dignity, and build sustainable habits for a foundation of humane healing.**

*Hiểu tâm là con đường vững nhất để chăm sóc thân.*

***Understanding the mind is the surest path to caring for the body.***

1. Phong cách và ảnh hưởng / **Style and Influence**

Nguyễn Đông Hưng được biết đến với văn phong dung dị, chính xác và nhân hậu, kết hợp giữa tư duy y học hiện đại và chiêm nghiệm nội tâm sâu sắc.

**Nguyen Dong Hung is known for his accessible, precise, and compassionate prose, which blends modern medical thought with deep introspection.**

Tác phẩm của ông thể hiện sự giao thoa giữa tinh thần Thiền Trúc Lâm đời Trần và tư tưởng nhân bản của y học thế kỷ XXI, góp phần định hình xu hướng y học nhân văn và chữa lành bằng ý thức tại Việt Nam đương đại.

**His work embodies the intersection of the spirit of Trúc Lâm Zen from the Trần Dynasty and the humanistic ideals of 21st-century medicine, contributing to shaping the movement of medical humanities and consciousness-based healing in contemporary Vietnam.**

2. Bút danh và triết hiệu / **Pen Name and Philosophical Motto**

Bút danh: *Minh Hưng*, nghĩa là *"ánh sáng dẫn khởi"*, biểu trưng cho tinh thần minh triết khai sáng và phục hưng nhân tâm.

**Pen Name: *Minh Hưng*, meaning *"the guiding light,"* symbolizing the spirit of enlightened wisdom and the revival of the human heart.**

Triết hiệu cá nhân: *"Hiểu tâm là con đường vững nhất để chăm sóc thân."*

**Personal Motto: *"Understanding the mind is the surest path to caring for the body."***

3. Nguồn gốc tư tưởng và ảnh hưởng dòng họ ngoại, truyền thống nhà Trần / **Intellectual Origins and Influence from the Maternal Lineage, The Trần Dynasty Tradition**

Theo tư liệu gia đình, dòng họ ngoại của Nguyễn Đông Hưng có nguồn gốc hậu duệ của một chi họ thuộc dòng tộc nhà Trần tại vùng duyên hải Bắc Bộ. Từ thời nhỏ, ông được nuôi dưỡng trong môi trường trọng chữ, trọng đạo, chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng Trần triều, đặc biệt là tinh thần Thiền phái Trúc Lâm:

**According to family accounts, Nguyen Dong Hung's maternal lineage descends from a branch of the Trần clan in the coastal region of Northern Vietnam. From a young age, he was raised in an environment that honored both literature and moral principles, and was deeply influenced by the philosophy of the Trần**

**Dynasty, particularly the spirit of the Trúc Lâm Zen school:**

*“Cư trần lạc đạo, tuỳ duyên hành đạo, lấy trí tuệ và lòng từ làm gốc.”*

***"To live in the world while finding joy in the Way; to practice the Way as conditions unfold; and to take wisdom and compassion as one's foundation."***

Tinh thần này được ông diễn giải lại trong bối cảnh y học hiện đại, trở thành triết lý cốt lõi của Y học của Tâm thức:

**This spirit is reinterpreted by him in the context of modern medicine, becoming the core philosophy of his "Medicine of Consciousness":**

*“Hiểu tâm để chữa thân”*, tương ứng với quan niệm Trúc Lâm về *“phản quan tự kỷ”*.

***"Understanding the mind to heal the body,"* corresponding to the Trúc Lâm concept of *phản quan tự kỷ (introspective self-reflection)*.**

*“Y đạo hợp nhất nhân đạo”*, gợi lại tư tưởng *“vô vi nhi trị”* của Trần Nhân Tông, nơi sự an nhiên chính là phương thuốc.

***"The medical path is one with the humane path,"* echoing the ideal of *vô vi nhi trị (effortless action or healing through non-striving)* of Emperor Trần Nhân Tông, where tranquility itself is the remedy.**

*“Trí tuệ thực hành”*, tiếp nối dòng triết học thực tiễn của Trần Thái Tông trong Khoá Hư Lục, xem minh triết là nền tảng cho hành động cứu đời.

***"Practical wisdom,"* continuing the stream of practical philosophy from Emperor Trần Thái Tông's Khoá Hư Lục (A Guide to Emptiness), which regards profound insight as the foundation for compassionate action.**

Từ sự kế thừa này, ông định hình phong cách riêng: hành nghề y như một con đường tu tập, và viết văn như một phương tiện khai sáng nhận thức cộng đồng.

**Drawing on this heritage, he has shaped a unique style: practicing medicine as a spiritual path and writing as a means to enlighten public awareness.**

Các tác phẩm của ông mang âm hưởng minh triết Trần triều – dung hòa giữa đạo và đời, tri thức và từ bi, hành động và thiền định.

**His works carry the resonance of Trần Dynasty wisdom—harmonizing the spiritual and the secular, knowledge and compassion, action and meditation.**

4. Tư tưởng của tác giả và sự kế thừa tinh thần Trần triều / **The Author's Philosophy and the Legacy of the Trần Dynasty Spirit**

Tư tưởng của bác sĩ Nguyễn Đông Hưng, bút danh Minh Hưng, bắt nguồn từ nền văn hóa, minh triết và tinh thần nhập thế của triều đại nhà Trần, thời kỳ huy hoàng của Đại Việt kéo dài từ năm 1225 đến 1400. Dòng họ Trần không chỉ dựng nên một triều đại cường thịnh, mà còn để lại một di sản tư tưởng, thi ca, nghệ thuật và đạo học sâu sắc, kết tinh trong những tác phẩm, lời dạy và hành động của các bậc minh quân và hiền triết.

**The philosophy of Dr. Nguyen Dong Hung (pen name: Minh Hưng) is rooted in the culture, profound wisdom, and spirit of worldly engagement of the Trần Dynasty, a golden age of Đại Việt that lasted from 1225 to 1400. The Trần clan not only built a prosperous dynasty but**

**also left behind a deep legacy of thought, poetry, art, and spiritual teachings, which crystallized in the works, teachings, and actions of its enlightened monarchs and sages.**

Triều Trần là thời đại dung hòa được ba dòng tư tưởng lớn: Phật học thiền tông, Nho học nhập thế và Đạo học vô vi, tạo nên một hệ thống triết lý sống động vừa hướng nội, vừa nhập thế. Tư tưởng ấy được thể hiện rõ trong các tác phẩm của Vua Trần Thái Tông (niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình, Nguyên Phong), người khai sáng triều Trần và là tác giả của Khoá Hư Lục, một kiệt tác kết hợp giữa triết lý trị quốc và đạo học giác ngộ. Tác phẩm này xem minh triết và tự quán là con đường để vừa làm người, vừa làm vua, vừa làm đạo.

**The Trần era was a time that harmonized three major philosophical traditions: Zen Buddhism, worldly Confucianism, and the Daoist philosophy of vô vi (non-action), creating a vibrant philosophical system that was both introspective and engaged with the world. This spirit is clearly expressed in the works of Emperor Trần Thái Tông (reign titles: Thiên Ứng Chính Bình, Nguyên Phong), the founder of the Trần Dynasty and the author of Khoá Hư Lục (A Guide to Emptiness), a masterpiece that combines the philosophy of**

**governance with the spiritual teachings of enlightenment. This work presents profound wisdom and self-reflection as the path to integrate one's humanity, kingship, and spiritual practice.**

Sau đó, Vua Trần Thánh Tông (niên hiệu Thiệu Long) và Vua Trần Nhân Tông (niên hiệu Thiệu Bảo, Trùng Hưng) tiếp tục phát triển tinh thần ấy. Đặc biệt, Vua Trần Nhân Tông, sau khi lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông thắng lợi, đã từ bỏ ngai vàng, lên Yên Tử tu hành, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền mang bản sắc Việt Nam, kết hợp hài hòa giữa đạo và đời, giữa trí tuệ và từ bi, giữa vô ngã và nhập thế. Tác phẩm Cư Trần Lạc Đạo Phú của Ngài thể hiện sâu sắc tinh thần "ở đời mà vui với đạo", coi mỗi việc thiện, mỗi hơi thở, mỗi hành động giữa đời là một pháp tu.

**Subsequently, Emperor Trần Thánh Tông (reign title: Thiệu Long) and Emperor Trần Nhân Tông (reign titles: Thiệu Bảo, Trùng Hưng) continued to develop this spirit. Notably, after leading two victorious resistance wars against the Mongol invasions, Emperor Trần Nhân Tông abdicated the throne, went to Yên Tử Mountain to practice as a monk, and founded the Trúc Lâm Zen school, a Zen lineage with a distinct Vietnamese identity that harmoniously blended the**

**spiritual with the secular, wisdom with compassion, and non-self with worldly engagement. His work, Cư Trần Lạc Đạo Phú (An Ode to Finding Joy in the Way While Living in the World), profoundly expresses the spirit of "living in the world while finding joy in the Way," viewing every good deed, every breath, and every worldly action as a spiritual practice.**

Tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ (Trần Tung), anh ruột của Vua Trần Thánh Tông, cũng có ảnh hưởng lớn đến Minh Hưng. Trong Ngữ Lục, Tuệ Trung nói: "Phản quan tự kỷ, bản tâm thị Phật", hãy quay lại soi sáng tâm mình, vì trong tâm ấy đã đủ mọi pháp. Nguyễn Đông Hưng tiếp nhận tinh thần này để hình thành tư tưởng "Hiểu tâm để chữa thân", nền tảng của học thuyết Y học của Tâm thức.

**The thought of Tuệ Trung Thượng Sĩ (Trần Tung), the elder brother of Emperor Trần Thánh Tông, also had a significant influence on Minh Hung. In his Ngữ Lục (Recorded Sayings), Tuệ Trung stated: "Phản quan tự kỷ, bản tâm thị Phật", "Turn inward to illuminate the self; the original mind is Buddha." Nguyen Dong Hung draws upon this spirit to formulate his concept of "Understanding the mind to heal the body," the foundation of his "Medicine of Consciousness" doctrine.**

Tinh thần Trần triều còn được thể hiện trong hành động của Vua Trần Anh Tông (niên hiệu Hưng Long), người nối tiếp triều đại thịnh trị; Vua Trần Minh Tông (niên hiệu Đại Khánh, Khai Thái, Khai Hựu), bậc quân vương trọng hiền, chuộng học; và Vua Trần Dụ Tông (niên hiệu Thiệu Phong, Đại Trị), người bảo trợ cho nhiều danh sĩ và thiền sư, dù thời cuộc đã chuyển sang suy yếu.

**The spirit of the Trần Dynasty was also embodied in the actions of Emperor Trần Anh Tông (reign title: Hưng Long), who continued the prosperous reign; Emperor Trần Minh Tông (reign titles: Đại Khánh, Khai Thái, Khai Hựu), a monarch who revered the wise and cherished learning; and Emperor Trần Dụ Tông (reign titles: Thiệu Phong, Đại Trị), a patron of many renowned scholars and Zen masters, even as the era began to decline.**

Đặc biệt, những vị anh hùng như Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, hay Trương Hán Siêu đều là những ngôi sao sáng của trí dũng và nhân nghĩa, biểu hiện cho "văn võ song hành", nơi đạo và nghiệp hợp nhất trong phụng sự quốc gia.

**Notably, heroes such as Grand Prince Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn), Prince Chiêu Minh (Trần Quang Khải), and Trương Hán Siêu were all shining examples of wisdom, courage, and benevolence, representing the ideal of văn võ song hành (the harmony of literary and martial prowess), where the spiritual path and one's career merged in service to the nation.**

Nguyễn Đông Hưng cho rằng, tinh thần ấy, tinh thần của các Vua và hiền sĩ nhà Trần, là một nguồn năng lượng văn hóa chưa bao giờ tắt. Trong đó, con người không chạy trốn thế gian để tìm đạo, mà sống giữa thế gian để hành đạo. Ông kế thừa trực tiếp từ tinh thần "Cư trần lạc đạo", mở rộng thành nguyên lý "Hành nghề y như hành đạo". Với ông, nghề y không chỉ là cứu thân bệnh mà còn là cứu tâm bệnh, không chỉ là chẩn đoán và điều trị mà còn là giúp con người nhìn lại chính mình để sống lành mạnh, an tĩnh và ý nghĩa hơn.

**Nguyen Dong Hung posits that this spirit, the spirit of the Trần monarchs and sages, is an unextinguished source of cultural energy. In this spirit, one does not flee the secular world to find the Way, but lives within it to practice the Way. He inherits directly from the ideal of Cư trần lạc đạo ("Finding joy in the Way while living in the world"), expanding it into the principle of**

**"Practicing medicine as practicing the Way." For him, the medical profession is not only about healing the physical body but also the mind's ailments; it is not just about diagnosis and treatment but also about helping people reflect on themselves to live healthier, more tranquil, and more meaningful lives.**

Nếu Vua Trần Thái Tông dạy rằng "đạo không ở ngoài tâm, tìm ở ngoài tâm là lầm", thì Nguyễn Đông Hưng nói rằng "sức khỏe không ở ngoài ý thức". Nếu Vua Trần Nhân Tông dạy "tùy duyên mà hành đạo", thì ông dạy "tùy duyên mà chữa lành, nhưng không buông xuôi số phận". Nếu Tuệ Trung Thượng Sĩ nói "Phật và tâm không hai", thì ông nói "bệnh và tâm cũng không hai".

**If Emperor Trần Thái Tông taught that "the Way is not outside the mind; to seek it elsewhere is a mistake," Nguyen Dong Hung states that "health is not outside of consciousness." If Emperor Trần Nhân Tông taught "to practice the Way according to conditions," he teaches "to heal according to conditions, but not to passively surrender to fate." If Tuệ Trung Thượng Sĩ said, "Buddha and mind are not two," he says, "illness and mind are also not two."**

Từ cội nguồn ấy, ông xây dựng triết lý Y học của Tâm thức, một hướng tiếp cận đặt ý thức, tình thương và hành động đúng làm ba trụ cột của chữa lành. Trong đó, ý thức là nền tảng để nhìn rõ thực tại, tình thương là động lực để nuôi dưỡng quan hệ con người, và hành động đúng là biểu hiện cụ thể của trí tuệ.

**From these roots, he has built the philosophy of the "Medicine of Consciousness," an approach that places consciousness, compassion, and right action as the three pillars of healing. In this framework, consciousness is the foundation for seeing reality clearly, compassion is the motivation for nurturing human relationships, and right action is the concrete expression of wisdom.**

Nguyễn Đông Hưng kế thừa ba phẩm chất lớn từ tinh thần Trần triều. Thứ nhất là sự tĩnh lặng trong hành động, khi quyền năng và khiêm nhường cùng tồn tại. Thứ hai là tính thực hành của minh triết, vì tri thức chỉ có giá trị khi trở thành hành động mang lại lợi ích cho người khác. Thứ ba là mỹ cảm nhân văn, nơi mỗi hành vi nghề nghiệp, dù nhỏ nhất, đều mang vẻ đẹp của lòng nhân ái.

**Nguyen Dong Hung inherits three great qualities from the spirit of the Trần Dynasty. First, a serenity in action, where authority and humility coexist. Second,**

**the practical nature of wisdom, for knowledge is valuable only when it becomes action that benefits others. Third, a humanistic aesthetic, where every professional act, no matter how small, carries the beauty of compassion.**

Với ông, bác sĩ cũng là một nghệ sĩ của lòng từ bi, và mỗi ca điều trị, nếu được thực hiện với ý thức sáng suốt, đều là một tác phẩm nghệ thuật sống. Tư tưởng ấy nối liền truyền thống văn học thiền thời Trần với y học nhân văn hiện đại, nơi chữ và hành, đạo và nghề, đều hòa trong một dòng chảy duy nhất.

**For him, a physician is also an artist of compassion, and every treatment, if performed with lucid awareness, is a living work of art. This philosophy bridges the literary Zen tradition of the Trần era with modern medical humanities, where words and action, the spiritual path and the profession, all merge into a single, seamless current.**

Nguyễn Đông Hưng xem hành nghề y là một pháp thiền hành hiện đại. Mỗi lần thăm khám, mỗi cuộc trò chuyện với bệnh nhân, mỗi giây phút cầm dao phẫu thuật là một bài thực hành tỉnh thức. Từ đó, nghề y trở thành con đường

tu tập, còn việc chữa bệnh trở thành cách gieo ánh sáng vào thân và tâm con người.

**Nguyen Dong Hung views the practice of medicine as a form of modern thiền hành (walking meditation). Every consultation, every conversation with a patient, every moment holding a scalpel becomes an exercise in mindfulness. Thus, the medical profession becomes a spiritual path, and the act of healing becomes a way of sowing light into the human body and mind.**

Nếu Vua Trần Thái Tông tu trong chính sự, thì Nguyễn Đông Hưng tu trong y học. Nếu Vua Trần Nhân Tông chuyển pháp luân trên đỉnh Yên Tử, thì ông chuyển hóa ý thức giữa phòng mổ và bệnh viện. Nếu Tuệ Trung Thượng Sĩ phản quan tự kỷ để tìm đạo, thì ông quán chiếu tâm lý và thân thể để tìm phương thuốc chữa lành cho con người toàn vẹn.

**If Emperor Trần Thái Tông practiced spirituality within his governance, Nguyen Dong Hung practices it within medicine. If Emperor Trần Nhân Tông turned the Dharma wheel atop Yên Tử Mountain, he transforms consciousness amidst the operating room and the hospital. If Tuệ Trung Thượng Sĩ looked inward to find the Way, he contemplates the psyche**

**and the body to find a remedy for healing the whole person.**

Tư tưởng của Nguyễn Đông Hưng, Minh Hưng là sự tiếp nối sống động của minh triết Trần triều trong hình thức hiện đại. Nó là lời mời gọi con người trở về với nguồn sáng của ý thức, là hành trình khai minh trong đời sống thường nhật, là sự phục hưng tinh thần Việt nơi trí tuệ song hành với lòng nhân.

**The philosophy of Nguyen Dong Hung, Minh Hưng is a vibrant continuation of Trần Dynasty wisdom in a modern form. It is an invitation to return to the source-light of consciousness, a journey of enlightenment in daily life, and a renaissance of the Vietnamese spirit where wisdom walks hand-in-hand with benevolence.**

Tên gọi Minh Hưng nghĩa là "sáng để hưng khởi". Đó không chỉ là bút danh, mà còn là triết hiệu của một con người nối dài ánh sáng của các Vua và hiền sĩ nhà Trần trong thế kỷ XXI.

**The name Minh Hung means "Illumination for Flourishing." It is not merely a pen name, but the philosophical motto of one who extends the light of the Trần kings and sages into the 21st century.**

Hiểu biết để soi sáng, yêu thương để nâng dậy, tỉnh thức để hồi sinh – đó chính là di sản tinh thần Trần triều đang tiếp tục được thắp sáng qua một người thầy thuốc của thời đại mới.

**Understanding to illuminate, compassion to uplift, and mindfulness to revive—this is the spiritual legacy of the Trần Dynasty, kept alight through a physician of a new age.**

# Foreword

Tôi đã sống nhiều năm trong bệnh viện, nơi ngày và đêm đôi khi không còn ranh giới, nơi mỗi tiếng máy thở cũng có thể gợi lên cảm giác của một hơi người đang giữ lại mình giữa bờ sinh tử. Ở nơi ấy, con người nhỏ bé lạ thường, nhưng cũng vĩ đại theo một cách rất riêng đó là vĩ đại trong sự chịu đựng, trong cách họ nhìn nhau, nắm tay nhau, và im lặng cùng nhau đi qua cơn đau. Tôi bắt đầu viết "Cõi người mong manh" từ chính những đêm như thế, khi tiếng bước chân khẽ vang trong hành lang dài, ánh đèn cuối cùng vẫn sáng, và tôi thấy mình không chỉ là bác sĩ, mà còn là người đang được học lại cách làm người.

**I have lived many years in the hospital, where the line between day and night often disappears, where even the sound of a ventilator can feel like the breath of someone trying to hold on between the edges of life and death. In that place, people seem so small, yet so extraordinary in their own quiet way. Extraordinary in their endurance, in the way they look at one another, hold each other's hands, and walk silently together through pain. I began writing "The Fragile Realm of Being Human" on nights like those, when my footsteps echoed softly down long corridors, when the last light**

**still burned, and I felt that I was not only a doctor, but a person learning again how to be human.**

Trong những năm làm nghề, tôi đã gặp nhiều khuôn mặt, nhiều đôi mắt, nhiều câu nói mà tôi không bao giờ quên. Có người bệnh mỗi sáng lắc chuông đầu giường chỉ để nói rằng: "Tôi vẫn còn ở đây." Có cụ ông mỗi chiều xin được đẩy xe ra cuối hành lang để ngồi nhìn một bóng đèn vàng cũ kỹ, thứ ánh sáng không bao giờ thay đổi. Có cô điều dưỡng trẻ mỗi tối đi tắt bớt đèn trong phòng bệnh, rồi nói nhỏ: "Ánh sáng cũng cần liều, nhiều quá là đau." Những điều tưởng nhỏ nhặt ấy lại trở thành hơi ấm nuôi sống cả một nơi mà người ta tưởng chỉ có dao kéo, kim tiêm và tiếng thở gấp gáp.

**Throughout my years in medicine, I have seen many faces, many eyes, many words I will never forget. There was the patient who rang a small bell each morning, just to say, "I'm still here." There was the old man who asked every afternoon to be wheeled to the end of the hall, to sit beneath a flickering yellow light that never changed. And there was the young nurse who turned off extra lamps at night and whispered, "Even light needs the right dose. Too much, and it hurts." Small gestures like these have kept warmth alive in a place**

**often defined by scalpels, needles, and the sound of hurried breathing.**

Bệnh viện là nơi con người nhìn thấy rõ nhất sự thật về mình. Ở đó, không có ai hoàn hảo, chỉ có những người đang cố gắng giữ một phần nhân tính trong công việc lặp đi lặp lại giữa áp lực và mệt mỏi. Có những ca mổ thành công không chỉ vì kỹ thuật, mà vì cả kíp mổ đã thở cùng một nhịp. Có những lúc tôi đứng lặng bên giường bệnh, không biết nói gì, chỉ đặt tay lên vai người nhà để họ biết rằng mình không một mình. Và cũng có những lần tôi rời phòng mổ, bước ra hành lang, ngồi xuống ghế, cảm giác mình vừa đi qua một kiếp người.

**A hospital is where people see the truth of themselves most clearly. There is no perfection here, only those trying to preserve a piece of humanity amid repetition, fatigue, and pressure. Some surgeries succeed not only because of skill, but because the whole team breathes in rhythm. There are times I have stood silently beside a bed, unsure what to say, resting a hand on a shoulder so someone would know they were not alone. And there are nights I have left the operating room, walked into the hallway, and sat down with the quiet feeling that I had just passed through another lifetime.**

Cõi người mong manh không phải là một cuốn sách viết về nghề y. Nó là những lát cắt của đời sống mà bệnh viện chỉ là phông nền. Tôi không viết để kể công, cũng không để dạy ai điều gì. Tôi chỉ muốn ghi lại những khoảnh khắc làm mình lặng người, những ánh nhìn khiến mình thay đổi, và những bàn tay vẫn còn ấm sau một đêm dài. Mỗi câu chuyện trong tập này đều có thật, dù tên người có thể đã đổi. Thật không phải vì tôi ghi chép chính xác từng chi tiết, mà vì cảm xúc trong đó không thể giả được nỗi sợ, sự biết ơn, lòng thương, và cả im lặng.

**The Fragile Realm of Being Human is not a book about medicine. It is a collection of life's small cross-sections, with the hospital as its backdrop. I do not write to claim credit or to teach. I write to remember the moments that left me wordless, the glances that changed me, the hands that still held warmth after a long night. Every story in this book is true, though names may have been changed. True not because every detail was recorded precisely, but because the feelings within them cannot be fabricated: fear, gratitude, compassion, and silence.**

Con người thật ra rất mong manh. Một cơn gió, một tiếng máy, một kết quả xét nghiệm cũng có thể đổi cả cuộc đời. Nhưng chính trong sự mong manh đó, tôi lại thấy sức

mạnh lớn nhất, sức mạnh của lòng nhân ái. Một người cha ký tờ giấy đồng ý phẫu thuật cho con mình mà tay vẫn run. Một người vợ lau mồ hôi cho chồng dù biết anh có thể không qua khỏi. Một đồng nghiệp mệt nhoài vẫn cố cười để trấn an bệnh nhân "hàng xóm". Tất cả những hình ảnh ấy gom lại thành một điều duy nhất: con người vẫn đẹp, ngay cả khi đau đớn. rã rời, mỏi mệt nhất.

**Human beings are fragile. A gust of wind, the sound of a machine, or a lab result can change an entire life. Yet within that fragility, I have found the greatest strength, the strength of kindness. A father signs a surgical consent form for his child with trembling hands. A wife wipes the sweat from her husband's forehead, knowing he may not survive. A colleague, exhausted, still manages a smile to reassure a frightened patient in the next bed. All these images come together into one truth: people remain beautiful, even when they are in pain, weary, and broken.**

Tôi nhớ có đêm trực, trời mưa, hành lang dột. Cô điều dưỡng lấy chậu hứng nước, rồi đứng đó nửa tiếng để nhắc người qua đường: "Đi vòng nhé, trơn lắm." Tôi hỏi sao không để bảng mà về, cô cười: "Bảng không biết mỉm cười." Câu nói đó theo tôi suốt nhiều năm, vì nó nhắc tôi

rằng lòng tốt cũng cần có mặt, không thể thay thế bằng biển báo.

**I remember one rainy night on duty when water leaked from the ceiling in the hallway. A nurse placed a basin under the leak and stood there for half an hour, reminding people to walk around it. I asked why she didn't just leave a sign and go rest. She smiled and said, "A sign cannot smile." That sentence stayed with me for years because it reminded me that kindness also needs to be present; it cannot be replaced by a notice.**

Tôi tin rằng, trong bất cứ nghề nào, nếu còn giữ được một tấm lòng biết rung động trước nỗi đau của người khác, thì nghề ấy vẫn còn đáng sống. Và nếu cuốn sách này có thể giúp ai đó chậm lại một chút, lắng nghe sâu hơn, hoặc chỉ đơn giản là nhìn một người khác với ánh mắt dịu dàng hơn, thì có lẽ nó đã làm xong phần việc của nó.

**I believe that in any profession, if we can still feel moved by another person's pain, that work is still worth doing. And if this book can help someone slow down a little, listen a little more deeply, or simply look at another person with gentler eyes, then perhaps it has fulfilled its purpose.**

Cõi người mong manh là một cuốn sách viết ra từ hơi thở, từ nước mắt, từ ánh sáng vàng rơi trên nền gạch cũ. Nó là lời cảm ơn gửi đến những người đã đi và những người còn ở lại, đến những bàn tay đã chạm vào nhau giữa những giờ khắc cuối cùng, đến cả sự mong manh vì nhờ có nó, chúng ta mới biết dịu dàng với nhau hơn.

**The Fragile Realm of Being Human is written from breath, from tears, from the golden light that falls on old tiles. It is a note of gratitude to those who have gone and those who remain, to the hands that have touched in the final moments, and to fragility itself, for it is through fragility that we learn tenderness.**

Tôi viết để nhớ rằng, giữa cái ranh giới mỏng manh giữa sống và chết, điều làm ta còn người chính là khả năng vẫn biết thương, biết cúi đầu, và biết nói lời cảm ơn.

**I write to remember that on the thin line between life and death, what keeps us human is the ability to care, to bow our heads, and to say thank you.**

TP. Hồ Chí Minh, 2025

**Ho Chi Minh City, 2025**

# Table of Contents

**Dedication** ..... **1**

**About the author** ..... **2**

**Foreword** ..... **23**

**Table of Contents** ..... **30**

**PART I: THE FIRST BREATHS** ..... **33**

1. A Drop Of Light In The Stillness ..... 35
2. The Day I Met Myself ..... 43
3. Dust in the Sunlight ..... 51
4. The Rain That Cleansed the Soul ..... 59
5. The Flower Beyond the Moss Wall ..... 67
6. Spring in the Hospital Room ..... 74
7. The Child and the Stethoscope ..... 82
8. A Cup of Tea Still Warm ..... 90
9. The First Breath ..... 98
10. Sunlight Behind the Window ..... 105

**PART II: AMID THE CURRENT OF IMPERMANENCE** ..... **112**

11. When the Doctor Cries ..... 114
12. The Mother in the Emergency Room ..... 122
13. A Letter to Someone No Longer Here ..... 131
14. The Truth Behind the Diagnosis ..... 140

15. The Child in the Recovery Room ..... 149
16. The Hospital for the Healthy ..... 157
17. The Light at the End of the Hallway ..... 166
18. The Midnight Surgery ..... 174
19. The Doctor on Saturday Night Duty ..... 181
20. My Father's Hands ..... 188
**PART III: WHEN PEACE ARRIVES ..... 195**
21. The Last Eyes I Stitched ..... 197
22. One Life Gone, A Thousand Awakened ..... 204
23. The Bells of the Hospital ..... 211
24. Behind a Touch ..... 218
25. The Hands That Stayed Warm ..... 224
26. The Woman Who Lights the Night ..... 229
27. Tomorrow Will Bloom ..... 236
28. The Photograph Left on the Operating Table ..... 242
29. The Man in Bed Number Nine ..... 247
30. The Note in My White Coat Pocket ..... 253
**PART IV: UNDER THE STILL MOON ..... 260**
31. The Stranger in God's Dream ..... 261
32. The Sound After the Last Heartbeat ..... 268
33. The Day the Robot Learned to Pray ..... 275
34. Beyond Fear ..... 283
35. The Last Breath of the Wind ..... 289
36. When Time Stops Counting ..... 294

37. The Doctor and the Soul.....300
38. The Fragile Realm of Being Human .....306
39. A Song for Those Who Stay.....313
**Epilogue.....319**

# PART I:
# THE FIRST BREATHS

Dẫn nhập / **Introduction:**

Phần I mở ra bằng những khoảnh khắc rất nhỏ mà đời sống ban cho: vệt nắng dài xuyên qua từng kẽ lá để rong ruổi trên bờ tường cũ, tiếng mưa tí tách gợn lại từng ký ức xưa.

**Part I begins with the smallest of moments that life quietly grants us: a long ray of sunlight weaving through the leaves, wandering across an old wall; the gentle patter of rain stirring forgotten memories.**

Ở đó, người bác sĩ hay "người kể chuyện" học lại cách thở chậm, nhìn kỹ, lắng nghe. Những câu chuyện dưới đây đều bắt đầu từ điều bình thường nhất để rồi mở ra những lối đi từ mệt mỏi tới bình tâm, từ hoang mang sang thấu hiểu, từ vô cảm trở về với lòng nhân từ.

**In that stillness, the doctor or "the storyteller" learns once again to breathe slowly, to see clearly, to listen**

**deeply. Each story that follows begins from the most ordinary things, and from there, new paths unfold: from weariness to calm, from confusion to understanding, from indifference back to kindness.**

# 1. A Drop Of Light In The Stillness

Buổi sáng, khi bệnh viện còn chưa tỉnh hẳn, tôi đi ngang qua khu vườn nhỏ phía sau khoa hồi sức. Trên chiếc lá trầu bà mọc sát tường, một giọt nước đọng lại như hạt thủy tinh. Ánh nắng đầu ngày rọi qua tán cây, giọt nước bừng lên trong im lặng. Tôi đứng lại, bỗng thấy lòng mình chậm lại theo nhịp sáng tối lấp lánh ấy.

**Morning comes quietly, the hospital not yet fully awake. I walk past the small garden behind the intensive care unit. On a pothos leaf pressed against the wall, a droplet of water clear as glass rests. The first light of day filters through the branches, and the droplet flares up in silence. I stop, feeling my heartbeat slow to the rhythm of its shimmering light and shadow.**

“Bác sĩ lại dậy sớm vậy à?” cô lao công cười, tay cầm chiếc chổi đã mòn cán. Tôi gật đầu. “Cô nhìn giọt nước này xem,” tôi nói, “nó sáng như một ngọn đèn vậy.” Cô

nhìn theo, rồi bảo: “Thứ nhỏ xíu vậy mà làm sáng cả bầu trời.” Tôi bật cười. Câu nói giản dị mà nghe như một lời giảng.

**“Up early again, doctor?” The cleaning lady smiles, her broom worn smooth from years of use. I nod. “Look at this drop,” I say, “it’s like a tiny lantern.” She follows my gaze and replies, “Such a small thing, yet it light up the whole sky.” I laugh. Her words, simple as they are, sound like a lesson.**

Khoa hôm nay dày lịch mổ. Trong đầu tôi, những con số, kết quả xét nghiệm, các bước xử lí… chạy như băng chuyền. Nhưng chỉ cần nhìn giọt sáng kia, tôi thấy mình, ít nhất là lúc này, không bị cuốn đi. Tôi nhớ lần đầu bước vào nghề, thầy dặn: “Làm nghề này phải học im lặng. Im lặng để nghe.” Tôi hỏi nghe gì, thầy bảo: “Nghe người khác thở. Rồi nghe chính mình thở.”

**Today’s schedule is full surgeries stacked one after another. Numbers, lab results, procedures spin through**

**my head like a conveyor belt. And yet, that droplet of light keeps me still, at least for a while. I remember my teacher's voice when I first entered this profession: "To be a doctor, you must learn silence. Silence, so you can listen." I asked, "Listen to what?" He said, "To others breathe. And then, to yourself."**

Cuối hành lang, bác bảo vệ đẩy chiếc cáng trống. Ông dừng lại, nhìn tôi, hỏi nhỏ: "Ca hồi đêm được chứ bác sĩ?" Tôi nói: "Ổn rồi bác ạ." Ông gật đầu, thở phào, rồi lại đẩy cáng đi. Tôi bỗng hiểu, trong bệnh viện này, ai cũng là một sợi chỉ nhỏ nối vào tấm vải lớn gọi là sự sống.

**At the end of the corridor, the security guard pushes an empty stretcher. He pauses, looks at me, and asks softly, "Was the night case okay, doctor?" "It's stable now," I say. He nods, exhales a quiet breath, and moves on. I suddenly understand in this hospital, each of us is a single thread woven into the vast fabric of life.**

Khi quay vào, tôi gặp một người đàn ông ngồi trước cửa phòng mổ, hai tay đan vào nhau. Anh ngẩng lên: “Bác sĩ, vợ tôi…” Tôi đặt tay lên vai anh: “Chúng tôi sẽ làm hết sức.” Ánh mắt anh thấp thoáng một tia ấm, đủ để tôi biết câu nói ấy có ý nghĩa. Tôi đi tiếp, nghe tiếng giày mình chạm nền gạch, đều đặn như nhịp tim.

**As I return inside, a man sits outside the operating room, fingers interlaced. He looks up: “Doctor, my wife…” I place a hand on his shoulder: “We’ll do everything we can.” A faint warmth flickers in his eyes enough to remind me that such words matter. I walk on, listening to my footsteps tap the tiled floor steady as a heartbeat.**

Trong phòng thay đồ, tôi soi gương. Mắt quầng thâm, tóc rối. Tôi hít một hơi dài. “Im lặng,” tôi nhắc mình, “rồi làm.” Khi bước vào phòng mổ, các đồng nghiệp đã sẵn sàng. Đèn phẫu thuật mở lên, trắng sáng. Tiếng máy theo

dõi, tiếng dụng cụ va nhẹ, tiếng điều dưỡng gọi nhau bằng ánh mắt… Tất cả tạo thành một bản nhạc không lời.

**In the changing room, I face the mirror: dark circles, messy hair. I inhale deeply. "Be still," I tell myself, "And begin." Inside the operating room, my colleagues are ready. The surgical lights blaze white. The monitors hum. Instruments clink softly. Nurses signal each other with their eyes. It is a symphony without sound.**

Ca mổ kéo dài hơn dự tính. Có khoảnh khắc mạch đao động, chúng tôi căng như dây đàn. Rồi tín hiệu dần ổn. Tôi buông tay dao, vặn vai, nghe khớp xương kêu khẽ. Khi khâu mũi cuối cùng, tôi bỗng nghĩ tới giọt nước buổi sớm. Nó giờ chắc đã tan, không để lại dấu vết nào trên lá. Nhưng hình ảnh ấy nằm yên trong tôi, như một hạt giống nhỏ.

**The operation lasts longer than planned. At one point, the patient's pulse flickers make all of us tighten, taut**

**as strings. Then the signal steadies. I lower my scalpel, stretch my shoulders, and hear the soft pop of a joint. As I close the final stitch, I think of that morning droplet. By now it must have vanished, leaving no trace on the leaf. Yet its image remains inside me, like a seed waiting quietly to grow.**

Rời phòng mổ, tôi ghé qua khu vườn. Chiếc lá đã khô ráo, ánh nắng lên cao, tiếng chim chích chòe ríu rít. Cô lao công không còn ở đó. Tôi đứng một lát, thấy lòng mình nhẹ đi, như vừa đặt xuống một gánh nặng vô hình. Tôi chợt nghĩ, có lẽ mỗi ngày ta đều cần một "giọt sáng" như vậy để nhắc rằng, giữa đám âm thanh ồn ã, có một nơi cho sự im lặng.

**Leaving the OR, I pass through the garden again. The leaf is dry now, the sun high, a magpie chirping nearby. The cleaning lady is gone. I stand for a moment, feeling a weight lift, something invisible but real. Maybe each**

**day, I think, we all need a drop of light to remind us that, amid all the noise, there is still a place for silence.**

Một bác học việc trẻ chạy đến: “Thầy ơi, phòng 304 cần thầy xem lại phim.” Tôi gật đầu. Trước khi rời đi, tôi chạm vào chiếc lá, chỉ một cái chạm khẽ, như lời chào cảm ơn. Giọt sáng đã tan, nhưng bài học của nó còn nguyên: bám vào một điều nhỏ, để ôm được điều lớn. Bám vào sự im lặng, để nghe được tiếng đời.

**A young intern runs up. “Doctor, Room 304 needs you to review the scan.” I nod. Before leaving, I touch the leaf, just lightly like a silent thank you. The droplet is gone, but its lesson remains: hold on to something small, to embrace something vast. Hold on to silence, to truly hear life.**

Buổi trưa, tôi ký vào hồ sơ xuất viện của một bệnh nhân đã chiến thắng cơn nguy. Ông nắm tay tôi: “Cảm ơn bác sĩ.” Tôi đáp: “Cảm ơn bác đã cố gắng.” Trong khoảnh khắc ấy,

tôi biết vì sao mình vẫn chọn ở lại, dù đôi khi tưởng như chẳng còn sức. Vì ở đây, mỗi giọt sáng bé nhỏ đều có thể cứu cả một ngày dài.

**At noon, I sign the discharge papers of a patient who has beaten the odds. He grips my hand. “Thank you, doctor.” I reply, “Thank you for fighting.” And in that brief moment, I remember why I stay even when I think I can’t go on. Because here, each tiny drop of light can save an entire day.**

# 2. The Day I Met Myself

Ca mổ kết thúc lúc gần ba giờ sáng. Tôi tháo găng, nhìn những vết hằn đỏ trên cổ tay. Tấm gương trong phòng thay đồ phản chiếu một gương mặt mệt mỏi, đôi mắt như có sương. Tôi vịn vào bồn rửa, nước lạnh chảy qua từng ngón tay tê rát. “Anh là ai?” câu hỏi bật ra, nghe thật buồn cười nhưng cũng thật...

**The surgery ends close to three in the morning. I peel off my gloves and look at the red marks around my wrists. The mirror in the changing room reflects a weary face, eyes misted over. I lean on the sink. Cold water runs over my numb fingers. “Who are you?” the question slips out, half absurd, half sincere.**

Cửa phòng bật mở, Hạnh, điều dưỡng trưởng, nhón chân bước vào, đặt ly sữa nóng lên bệ: “Uống đi bác sĩ, cho ấm người.” Tôi cười: “Cảm ơn em.” Hạnh nhìn tôi, như đoán được điều gì: “Hôm nay anh lại cứu được thêm một người

nữa rồi. Đừng quên điều đó.” Tôi im lặng. Có lúc, lòng người giống như hành lang bệnh viện: dài, trắng, và đầy bóng đèn không tắt.

**The door opens softly. Hanh, the head nurse, tiptoes in and sets down a cup of warm milk. “Drink this doctor, it’ll warm you up.” I smile. “Thank you.” She looks at me, as if reading my thoughts. “You saved another life today,” she says. “Don’t forget that.” I nod in silence. Sometimes, the human heart feels like the hospital corridor: long, white, and lit by lights that never go out.**

Tôi ngồi xuống ghế, ôm ly sữa. Hơi ấm truyền nhẹ vào đôi tay vừa tháo găng. Trong tiếng máy monitor vọng lại từ xa, tôi nghe trái tim mình đập chậm. Bất giác, tôi nhớ tới mình ngày mới vào trường y: chàng trai gầy gò, mang theo chiếc ống nghe rẻ tiền, tin rằng mỗi ca trực là một cuộc phiêu lưu đẹp. Tôi đã đi xa đến mức nào để lạc mất người đó?

**I sit down, holding the cup. The warmth seeps into hands still marked by gloves. From somewhere far**

**down the hall, the monitor beeps slow, steady. I can hear my own heartbeat echoing it. Suddenly I remember my first days in medical school: a thin young man with a cheap stethoscope, believing that every night shift was an adventure. How far had I gone, I wondered, to lose sight of him?**

Sáng hôm sau, khi mẹ bệnh nhân tỉnh lại, anh chồng ôm mặt khóc. Anh nắm tay tôi, bàn tay run như đứa trẻ. “Tôi tưởng mất vợ rồi,” anh nói. Tôi dặn anh giữ sức, ăn chút gì đó. Anh gật đầu, lí nhí: “Cảm ơn bác sĩ.” Lời cảm ơn đơn sơ ấy đánh thức một tiếng động mơ hồ trong tôi. Tiếng bước chân của chàng trai năm ấy.

**The next morning, the patient’s wife wakes up. Her husband bursts into tears, his hands trembling like a child’s as he grips mine. “I thought I’d lost her,” he whispers. I tell him to eat something, to rest. He nods, murmuring, “Thank you, doctor.” That simple**

**gratitude stirs a faint sound within me. The footsteps of that young man returning.**

Trưa, tôi tranh thủ về nhà tắm một lát. Khi mở tủ, tôi thấy chiếc hộp cũ chứa những bức thư tự viết cho mình hồi năm nhất. Một bức có dòng chữ nguệch ngoạc: "Đông Hưng ơi, nếu một ngày mệt quá thì hãy nhớ mở tôi ra để đọc lại nhé." Tôi mở ra, thấy câu này: "Nếu quên lý do khởi đầu, mọi vinh quang chỉ là lớp sơn." Tôi ngồi lâu, căn phòng lặng thinh như đáy biển.

**At noon, I go home to shower. Opening my closet, I find an old box of letters I once wrote to myself during my first year of medical school. One envelope bears a shaky line: "Dong Hung, if you ever get too tired, open this and read." Inside, the words say: "If you forget your beginning, every glory is just paint." I sit there for a long time. The room silent feel deep as the ocean floor.**

Chiều, bệnh viện trở lại nhịp hối hả. Tôi đi ngang qua phòng khám, gặp cậu sinh viên thực tập loay hoay với bảng kê. Cậu ngẩng lên: "Thầy cho em hỏi chút được không ạ?" Tôi chỉ cậu vài mẹo nhỏ, rồi bỗng nói thêm: "Khi khám, đừng nhìn chỉ số trước khi nhìn người. Người trước, bệnh sau." Cậu gật đầu, ánh mắt cậu sáng lên. Đôi mắt ấy. Đôi mắt lấp lánh những hi vọng nhỏ. Đôi mắt mà tôi đã từng có.

**By afternoon, the hospital hums back to life. Passing the clinic, I see a young intern fumbling with the patient list. He looks up. "Doctor, may I ask you something?" I show him a few tricks, then add: "When you examine someone, don't look at the numbers before you look at the person. The person comes first, the illness comes after." He nods. In his eyes, I see a spark. The same light I once carried.**

Trong giờ hội chẩn, trưởng khoa hỏi: "Hưng, ý kiến của cậu là gì?" Tôi trình bày ngắn gọn, bình tĩnh đến lạ. Có lẽ

vì trong đầu tôi đã hiểu rõ một điều: “Nghề này không cần một người anh hùng, chỉ cần một người kiên trì. Đừng bỏ chạy, cũng đừng chối từ sự thật, chỉ cần từng chút một mỗi ngày.” Khi buổi họp kết thúc, tôi đi chậm qua hành lang, như đi qua chính những năm tháng của mình.

**During the case conference, the chief asks, “Hung, what’s your opinion?” I answer briefly, calmly, perhaps too calmly. But inside, I know this: Medicine doesn’t need heroes. It needs people who stay. Don’t run, don’t turn away, just move forward, one small step at a time. When the meeting ends, I walk slowly down the hallway as if walking through the years of my own life.**

Tối, trước khi ra về, tôi ghé phòng bệnh của chị vợ anh chàng lúc sáng. Chị đã ngủ, hơi thở đều như nhịp sóng nhỏ. Tôi kéo nhẹ tấm chăn qua vai chị. Anh chồng thì thầm: “Bác sĩ có mệt không?” Tôi mỉm cười: “Đỡ rồi.” Anh nói: “Cảm ơn bác sĩ. Nhờ có anh mà tôi đã có cơ hội

được gặp lại vợ mình. Còn bác sĩ thì sao? Anh có định gặp ai không?" Tôi nhìn ra cửa sổ: "Tôi nghĩ là có. Tôi nghĩ là hôm nay tôi đã gặp lại chính mình."

**That evening, before heading home, I stop by the patient's room. She's asleep, her breathing soft and even. I gently pull the blanket over her shoulder. Her husband whispers, "Doctor, aren't you tired?" I smile. "A little better now." He says, "Thank you. Because of you, I got to see my wife again. But what about you, doctor? Is there someone you hope to see?" I look out the window. "Yes," I say quietly. "Today, I think I saw myself again."**

Trên đường về, gió đêm thổi qua hàng cây, lá khua xào xạc. Tôi dừng xe dưới đèn, soi mặt kính chiếu hậu. Vẫn là gương mặt, quầng thâm và vài sợi tóc bạc ấy. Nhưng trong đôi mắt, tôi thấy một thứ ánh sáng mờ mà chắc. Không chói lóa, không ồn ào. Đủ để đi tiếp thêm một quãng dài, không cần ai vỗ tay.

**Outside, the night wind stirs the trees. I stop beneath a streetlamp, catching my reflection in the rearview mirror. The same face, dark circles, a few strands of gray. But in the eyes, a faint light glows steady, unshowy. Not dazzling, not loud. Just enough to keep walking, without applause.**

Khi bước vào nhà, tôi đặt chiếc ống nghe lên bàn, cạnh bức thư cũ. Tôi biết mai sẽ lại có ca mổ, lại có đêm trực, lại có mối bận tâm chồng chéo. Nhưng từ tối nay, tôi đã có lời nhắc của chính mình: "Hãy làm từng việc một, với lòng tử tế ban đầu". Chỉ vậy thôi cũng đủ thắng một ngày.

**At home, I set my stethoscope down beside the old letter. Tomorrow there will be more surgeries, more night shifts, more worries piled upon worries. But from tonight onward, I'll carry this reminder from myself: Do one thing at a time, with the kindness you began with. That alone is enough to win a day.**

# 3. Dust in the Sunlight

Buổi chiều, tôi mở cửa sổ phòng bệnh số 212 cho thoáng. Ánh nắng xiên qua làm hạt bụi bay trong không khí lấp lánh như những hạt sao. Ông cụ nằm trên giường nghiêng đầu: "Đẹp quá, bác sĩ." Tôi nói: "Bụi đấy ạ." Ông cười: "Dù có là bụi thì cũng có ngày đẹp được như thế mà." Câu nói khiến tôi nhớ đến những phận người lặng lẽ đi qua bệnh viện này.

**In the late afternoon, I open the window of Room 212 to let in some air. The sunlight slants through, and the dust begins to sparkling like tiny stars suspended in air. The old man on the bed tilts his head. "Beautiful, doctor" he says. "It's just dust" I reply. He smiles. "Even dust can be beautiful someday." His words linger, reminding me of the quiet lives that pass through this hospital every day.**

Ông cụ tên Bính, 78 tuổi, nhập viện vì suy tim. Con cháu bận, chỉ một người cháu gái ghé được một lần trong tuần. Tôi thường dừng lại lâu hơn cạnh giường ông. Ông kể chuyện những ngày trẻ, chèo thuyền trên sông, mùi bùn non mùa lũ, tiếng gọi nhau trên bờ đê. Những câu chuyện ấy không có thuốc, nhưng làm nhẹ hẳn những con số trên máy.

**His name is Mr. Binh, seventy-eight, admitted for heart failure. His family is busy; only a granddaughter visits once a week. I often linger a little longer by his bed. He tells me stories from his youth, rowing boats along the river, the smell of wet mud during flood season, the echoes of voices across the dikes. These stories have no medicine, but somehow they ease the numbers on the monitor.**

“Bác sĩ biết không,” ông nói, mắt dõi theo đàn bụi, “Tôi nghĩ đời mình như mấy hạt này. Chẳng ai để ý, cho đến khi có ánh sáng chiếu vào.” Tôi hỏi: “Ánh sáng là gì với

ông?" Ông đáp: "Là một người chịu ngồi xuống nghe." Tôi cười, thấy cổ họng mình ấm lên như uống chén trà nóng.

**"You know, doctor," he says, eyes following the swirl of dust, "I think my life is like these specks. No one notices until the light shines on them." "What is light to you?" I ask. He answers, "Someone who sits down and listens." I smile, my throat warming as if from a sip of tea.**

Hôm đó, một bác sĩ trẻ vội vàng đi qua, ngó nhanh vào màn hình rồi gật đầu, rời đi như cơn gió. Ông cụ nhìn theo, không giận, chỉ thở dài. Tôi bỗng thấy một khoảng cách mong manh giữa chúng tôi và người bệnh: khoảng cách của thời gian, của thủ tục, của nỗi sợ sai vô hình. Chỉ cần một câu chào, một câu hỏi "Bác ăn được không?" là khoảng cách ấy sẽ ngắn lại.

**That day, a young doctor hurries past, glances at the screen, nods, and leaves like a gust of wind. Mr. Binh**

**watches him go, not angry, just sighing softly. And I feel the thin distance between us and our patients: the distance of time, of protocol, of the invisible fear of being wrong. Sometimes all it takes is one greeting, one simple question "Have you eaten?" to bridge that gap.**

Tôi rút ghế ngồi. "Ông muốn nghe gì?" tôi hỏi. Ông nhắm mắt: "Kể tôi nghe hôm nay trời ngoài kia thế nào." Tôi kể về hàng bằng lăng đầu ngõ, bông tím rụng thành thảm, về người bán xôi đầu phố gọi khách bằng giọng lơ lớ miền Trung. Ông gật gù: "Cảm ơn cậu. Ánh sáng đã vào rồi." Tôi không biết đáp gì, đành lặng im, nghe tiếng máy thở trập trùng như tiếng sóng vỗ vào bờ.

**I pull up a chair. "What would you like to hear today?" I ask. He closes his eyes. "Tell me what the world outside looks like." So I tell him about the row of crape myrtle trees dropping their purple blossoms like carpets, about the xôi seller at the corner shouting cheerfully in her Central accent. He nods. "Thank**

**you," he whispers. "The light has come in." I say nothing, listening to the ventilator hum, like waves breaking on a distant shore.**

Hoàng hôn buông xuống. Ánh nắng rút dần và bụi cũng thôi bay, căn phòng trở lại màu trắng quen thuộc. Điều dưỡng vào đo huyết áp, bảo: "Bác cố ngủ chút nhé." Ông cười: "Cô cứ để tôi nhìn thêm chút nữa." Tôi bảo: " Để mai cháu lại mở cửa sớm cho ông." Ông nheo mắt: "Hứa nhé." Tôi gật đầu, lòng tự nhiên lại vui như một đứa trẻ được giao nhiệm vụ.

**Dusk falls. The sunlight fades, and the dust settles. The room returns to its familiar white. A nurse checks his pressure. "Try to sleep a bit, sir," she says. He smiles. "Let me watch a little longer." I promise, "Tomorrow I'll open the window early for you." He squints playfully. "Promise?" I nod and feel oddly joyful, like a child given an important task.**

Đêm ấy, khu cấp cứu có ca nặng. Tôi chạy đi chạy lại giữa hai đầu hành lang, trong đầu là phác đồ, thuốc, đường truyền. Nhưng giữa lúc vội, đâu đó trong tâm tôi vẫn còn nghĩ về chiếc cửa sổ mở hé, với đàn bụi vàng trong nắng. Cảm giác ấy giữ tôi khỏi co cứng người lại vì lo lắng. Nó như một nhịp thở sâu, đến đúng lúc.

**That night, the ER is busy. I rush back and forth, mind full of protocols, medications, and infusion rates. But somewhere beneath the noise, I still see that open window with the dust, the sunlight, the small miracle of stillness. The thought steadies me, like a deep breath taken just in time.**

Sáng hôm sau, tôi mở cửa sớm như đã hứa. Ông cụ nở nụ cười, mặt sáng như được đánh bóng. “Thấy chưa,” ông nói, “Bụi lại thành sao tiếp rồi.” Tôi kéo ghế, kể thêm về con mèo tam thể ở căn tin hay xin ăn, về anh bảo vệ trồng giàn bầu sau bãi xe. Ông lắng nghe chăm chú những câu

chuyện nhỏ nhặt ấy như thể một bản tin độc quyền dành cho riêng ông vậy.

**The next morning, I keep my promise and open the window early. Mr. Binh smiles, his face bright as polished bronze. "See?" he says. "The dust has turned into stars again." I sit by him, telling small stories about the calico cat begging for food at the cafeteria, about the guard growing gourds behind the parking lot. He listens as if these were the most important news of the day.**

Chiều, chỉ số của ông cải thiện. Bác sĩ trực ghi chú "tình trạng ổn hơn". Tôi đứng bên giường, không nói gì, chỉ nhìn những tia sáng đang đậu trên tay ông. Ông nói khẽ: "Bác sĩ này." Tôi "Dạ." Ông cười: "Cảm ơn vì đã làm ánh sáng." Tôi lắc đầu: "Không, con chỉ mở cửa sổ thôi."

**By afternoon, his numbers improve. The on-duty doctor writes, "Condition stable." I stand beside his bed, watching the sunlight rest gently on his hands.**

**“Doctor,” he says softly. “Yes?” He smiles. “Thank you for being the light.” I shake my head. “No. I only opened the window.”**

Khi tôi khép cửa lại, bụi đã lắng xuống. Nhưng trong tôi, một lời dặn vẫn còn treo lơ lửng trong tâm trí: “Hãy mở cửa sổ cho mỗi cuộc gặp, dù chỉ là một khe nhỏ. Bởi đôi khi, một hạt bụi cũng chỉ cần một tia nắng để biết mình vẫn đang sống.”

**When I close the door behind me, the dust has settled. But his words stay alight in my mind: “Always open a window for every meeting, even just a small one. Because sometimes, even a speck of dust only needs a ray of sunlight to remember it’s still alive.”**

# 4. The Rain That Cleansed the Soul

Trời đổ mưa ngay sau khi tôi rời phòng mổ. Cơn mưa đầu mùa, ập xuống như trút, làm khoảng sân bệnh viện trắng xóa. Tôi đứng nép dưới mái hiên, ngửi mùi đất ẩm bốc lên, vừa lạnh vừa thân. Người qua kẻ lại vội vàng, ôm túi hồ sơ vào ngực như ôm lấy những mảnh đời dễ vỡ.

**The rain began just as I left the operating room. The first downpour of the season, sudden and heavy, turning the hospital courtyard into a sheet of white. I stood beneath the awning, breathing in the smell of wet earth, cold, familiar, grounding. People hurried past, clutching folders to their chests as if holding onto fragile pieces of their lives.**

Một cậu bảo vệ trẻ chạy tới đưa tôi chiếc áo mưa mỏng: “Bác sĩ mặc tạm.” Tôi đẩy lại: “Em dùng đi, anh ở đây chút.” Cậu lắc đầu: “Em có rồi.” Tôi nhận, khoác lên, thấy cái lạnh đỡ nhói. “Ca nặng không anh?” cậu hỏi. “Cũng

tạm," tôi đáp, "nhưng còn phải theo dõi." Cậu gật đầu, đứng im cạnh tôi, cả hai nhìn mưa xóa nhòa hàng cây.

**A young security guard ran over and handed me a thin raincoat. "Here, doctor. You'll catch a cold." I shook my head. "You take it. I'll stay here for a while." He smiled. "I already have one." I put it on, feeling the sting of cold fade slightly. "Tough case?" he asked. "Manageable," I said. "But still needs watching." He nodded, and we both stood silently, watching the rain blur the line of trees.**

Dưới bậc thềm, một bà cụ ngồi chùm khăn, tay ôm túi đồ. Tôi hỏi bảo vệ: "Nhà bà ở đâu?" Cậu nói: "Ở tận huyện. Bà đưa cháu lên mổ ruột thừa, giờ mưa quá không về được." Tôi cởi áo mưa, đưa bà: "Bà khoác vào cho ấm." Bà cụ cười móm mém: "Bác sĩ giữ mà đi làm." Tôi nói: "Con đứng đây nghe mưa một lát."

**At the bottom of the steps, an old woman sat with a scarf over her head, a cloth bag clutched in her arms.**

**“Where’s she from?” I asked. “From the countryside,” the guard said. “She brought her grandson in for appendicitis. Now it too much rain for her to go home.” I took off my raincoat and handed it to her. “Here, ma’am. Wear this to keep warm.” She grinned, toothless but radiant. “You need it more than me, doctor.” I smiled. “I’ll just stand here a little longer.”**

Tiếng mưa rơi trên mái tôn như trăm ngàn ngón tay gõ nhịp. Tôi bỗng nhớ đến một ngày, cũng cơn mưa như vậy, tôi ngồi ở bậc cửa nhà trọ ôn thi lâm sàng. Mưa tẩy sạch cả bầu trời và những ý nghĩ rối ren trong đầu. Tôi viết vào sổ: “Nếu nhỡ không biết phải làm gì khi cơn mưa tới, sao không thử đi tắm mưa?” Sau này lớn lên, tôi quên bẵng câu ấy.

**Rain drummed on the tin roof like a thousand fingers keeping time. I suddenly remembered another rain, years ago, when I sat outside my dorm, cramming for clinical exams. That storm had washed the sky clean**

**and rinsed the clutter from my mind. I wrote in my notebook that day: "If you don't know what to do when the rain comes, maybe just walk into it." I had forgotten that line until now.**

Một điều dưỡng chạy tới gọi: "Bác sĩ ơi, người nhà phòng 305 đang hoang mang, anh lên nói giúp em." Tôi gật đầu, quay vào. Trên cầu thang, nước mưa theo giày người in thành dấu. Tôi bước qua những dấu ướt, thấy mình như vừa qua một dòng nước lạ, sạch hơn, bình tĩnh hơn.

**A nurse ran up, breathless. "Doctor, the family in Room 305 is panicking, can you talk to them?" I nodded and went inside. Rainwater marked footprints along the stairs. As I climbed, I felt as though I were crossing a small river, emerging on the other side, clearer somehow, steadier.**

Người nhà bệnh nhân là một chàng trai trẻ, mắt đỏ hoe: "Mẹ em… có qua khỏi không ạ?" Tôi giải thích tình trạng,

nói rõ các bước tiếp theo. Cậu hỏi: “Vậy bây giờ em nên làm gì?” Tôi bảo: “Ăn chút gì nóng, ngủ một giấc ngắn, để lát nữa còn vững.” Cậu gật đầu, thở một hơi dài như đã có một cái gì để bấu víu giữa cơn mưa.

**The patient’s son is a young man with red-rimmed eyes, asked: “Will my mother make it?” I explained her condition, step by step. He hesitated. “So… what should I do now?” I said, “Eat something warm. Sleep a bit. You’ll need your strength later.” He exhaled, as if those simple words gave him something to hold on to amid the storm.**

Khi trở lại hiên, mưa vẫn chưa dứt nhưng đã bớt dày. Bà cụ đã khoác áo mưa song vẫn ngồi dựa vào bờ tường với đôi mắt lim dim. Cậu bảo vệ lấy trong túi ra hai gói bánh, đưa tôi một gói: “Em vừa mua ở căn tin.” Tôi bóc, miếng bánh khô bỗng ngon kỳ lạ. Chúng tôi ăn chậm, như thể sợ làm mưa giận.

**When I returned to the awning, the rain had softened but still fell steadily. The old woman was leaning against the wall, eyes half-closed. The guard took two packets of biscuits from his pocket, offering me one. "From the canteen," he said. I took a bite dry, but oddly comforting. We ate slowly, as if afraid to disturb the rain.**

Đột nhiên, tiếng cười của mấy đứa trẻ vang lên từ hành lang, chúng chạy ra thò tay hứng nước, mẹ chúng mắng yêu: "Ướt hết bây giờ!" Tiếng cười ấy làm cơn mưa dường như bớt nặng nề. Tôi nói với cậu bảo vệ: "Cảm ơn em." Cậu ngạc nhiên: "Vì gì ạ?" Tôi chỉ tay ra mưa: "Vì nhắc anh rằng mưa cũng có thể vui."

**Then came laughter from a group of children running out into the hallway, stretching their hands to catch the drops. Their mother scolded them playfully, "You'll get soaked!" Their laughter made the rain seem lighter somehow. "Thank you," I said to the guard. He looked**

**puzzled. “For what, doctor?” “For reminding me,” I said, “that rain can be joyful, too.”**

Mưa ngưng dần, để lại những vệt nước long lanh trên lá. Tôi dặn bà cụ: “Bà giữ lấy, phòng khi trời còn rơi.” Bà nắm tay tôi, bàn tay lạnh nhưng ấm dần lên rất nhanh. “Bác sĩ tốt quá,” bà nói. Tôi lắc đầu: “Mưa tốt đó bà. Nó rửa sạch nhiều thứ.”

**The storm eased at last, leaving droplets glistening on the leaves. I turned to the old woman. “Keep the raincoat,” I told her. She took my hand, cold at first, then warming quickly. “You’re a good man, doctor.” I shook my head. “No, ma’am. The rain is good. It washes away more than we see.”**

Khi quay lại phòng làm việc, tôi nhìn thấy mình trong kính cửa: áo blouse ướt lấm tấm, tóc bết vì ẩm, nhưng ánh mắt nhẹ như sau một giấc ngủ dài. Tôi hiểu rằng không phải lúc nào cũng cần một bài học lớn để thay đổi. Đôi khi, chỉ

cần đứng yên dưới cơn mưa và để nó làm phần việc của nó: rửa sạch những phiền nhiễu trong lòng.

**Back in my office, I caught my reflection in the glass door: the damp coat, the hair flattened by humidity, the eyes lighter than before. And I understood: not every transformation needs a great revelation. Sometimes, you only have to stand still in the rain and let it do its work: cleansing the noise, until what's left is quiet and true.**

# 5. The Flower Beyond the Moss Wall

Sau dãy nhà cũ của bệnh viện có một bức tường rêu. Mùa mưa đến cũng là lúc mà rêu xanh thẫm, bốc mùi ẩm như đất thở. Cũng tại bức tường đó, một cây dại nhỏ trồi lên ở khe nứt dưới chân, bé như ngón tay. Tôi để ý thấy nó vào một buổi trưa nóng nực. Sau cơn mưa, nó có thêm một cái nụ. Rồi một tuần sau nữa, nụ bung ra, một bông hoa trắng bằng đồng xu.

**Behind the old hospital wing stands a moss-covered wall. When the rainy season comes, the moss deepens to a dark green, its earthy scent rising like the ground itself breathing. At the foot of that wall, from a narrow crack, a tiny wild plant had pushed through, barely the size of a finger. I first noticed it one sweltering noon. After the rain, it had grown a single bud. A week later, the bud bloomed, a white flower no bigger than a coin.**

Cô Nhàn, người phụ trách vệ sinh khu đó, gọi nó là "cô bé dũng cảm". "Thứ gì mọc ở đây cũng đều khó sống," cô nói, " chỗ này nhiều xe qua, khói bụi, nước thải… ngày nào cũng nhiều vô cùng." Tôi cúi xuống nhìn bông hoa. Cánh mỏng như giấy, gân xanh nhạt, nhụy vàng nâu. Tôi thấy nó đẹp hơn nhiều bó hoa trong các giỏ tặng bệnh viện.

**Ms. Nhan, the cleaner in charge of that area, called it "the brave little girl." "Nothing grows easily here," she said. "Too many cars, too much smoke, too much waste water." I bent down to look. Its petals were as thin as paper, veins pale green, stamens a warm yellow-brown. It was, to me, more beautiful than any bouquet sent to the hospital.**

Chiều, khi tôi quay lại, cô Nhàn đang chắn tấm bìa để người ta khỏi dẫm trúng. "Anh coi nè," cô khoe, "tôi làm hàng rào cho cô bé." Tôi cười: " Em xin thay mặt… thiên nhiên cảm ơn cô." Cô xua tay: "Tôi thay mặt chính tôi.

Nhìn nó, tôi thấy đời mình cũng có lúc vượt lên mấy chỗ nứt như này.”

**That afternoon, when I passed by again, Ms. Nhan had set up a piece of cardboard to protect it. “Look,” she said proudly, “I built her a fence.” I laughed. “Then let me thank you… on behalf of nature.” She shook her head. “No. On behalf of myself. When I see her, I feel like my own life has grown through a few cracks, too.”**

Tin về bông hoa nhỏ lan đi như một mật ngữ. Mấy điều dưỡng tranh thủ giờ nghỉ đến chụp hình. Một ông bệnh nhân già chống gậy lại gần, bảo: “Đẹp như con gái mới lớn.” Cái đẹp ở giữa bối cảnh không đẹp khiến người ta bỗng dịu hẳn. Hành lang bớt tiếng càm ràm, bớt gắt gỏng. Người ta đứng lại nhìn, rồi mỉm cười, rồi đi tiếp.

**Word of the little flower spread quietly, like a secret passed between hearts. Nurses came by during breaks to take pictures. An old patient hobbled over with his cane, whispering, “Beautiful like a young girl in**

**bloom.” Beauty, appearing where beauty shouldn’t, seemed to soften everyone. The hallways grew gentler, fewer complaints, fewer sharp words. People stopped, smiled, and moved on.**

Một hôm, tôi thấy bông hoa cụp xuống, cánh dính bết vì khói xe. Tôi xót, bảo cô Nhàn: “Hay mình che nó lại.” Cô lắc đầu: “Cứ để nó tự vực dậy.” Câu nói ấy đọng trong tôi lâu hơn tưởng. Không phải thứ gì mong manh cũng cần được nhốt trong bảo kính. Có lẽ, sự mạnh mẽ là được phép mong manh giữa gió bụi mà vẫn nở.

**One day, I found the flower drooping, its petals sticky with exhaust soot. I winced. “Maybe we should cover it,” I told Ms. Nhan. She shook her head. “Let it lift itself up.” Her words stayed with me far longer than I expected. Not everything fragile needs to be locked away. Perhaps true strength is the courage to stay soft in the dust and still bloom.**

Cuối tuần, lại một cơn mưa lớn. Cơn mưa lại làm tôi nghĩ tới bông hoa. Nghĩ rằng bông hoa sẽ không thể chống chọi được nữa. Sáng thứ hai, tôi chạy vội ra. Và trước mắt tôi, nó vẫn đứng đó, cánh ướt rượt nhưng dựng thẳng. Nhụy vàng đã sậm lại, như người vượt qua một cơn bệnh nặng. Cạnh nó còn có thêm một chồi non khác vừa nhú, đầu chồi khum khum như bàn tay chắp lại.

**That weekend, a storm came. I thought of the flower and feared it wouldn't survive. On Monday morning, I hurried out and there it was, still standing, its petals soaked but upright, its center darkened like someone who had survived an illness. Next to it, a new shoot had emerged, its tip curved gently like two palms joined in prayer.**

Dẫu vậy bông hoa chỉ nở được gần hai tuần thì tàn. Sáng đó, tôi nhìn thấy cánh rơi lả tả như mảnh giấy xé. Chứng kiến cảnh đó bỗng khiến cho lòng tôi hụt hẫng, như thể tôi vừa mất một người bạn. Cô Nhàn vỗ vai tôi: "Tàn mới có

chỗ cho hạt rơi xuống chứ.” Tôi gật đầu. Có lẽ là vậy. Đôi khi cái kết không phải là hết, mà là khởi đầu cho một điều mới.

**The flower lasted almost two weeks before it faded. That morning, I saw its petals scattered like torn paper. I felt a sudden emptiness as if I’d lost a friend. Ms. Nhan patted my shoulder. “It had to wither so the seeds could fall.” I nodded. Maybe endings aren’t endings at all, but beginnings dressed in quieter clothes.**

Cuối tháng, vẫn tại ở khe nứt quen thuộc đó, đã có ba búp nhỏ xanh non. Tôi chụp một bức hình, gửi cho nhóm nội bộ khoa với chú thích: “Khu vườn của cô Nhàn.” Anh trưởng khoa đáp lại bằng một icon trái tim. Tôi nghĩ, có lẽ bệnh viện này đang học cách làm vườn, không phải bằng cuốc xẻng, mà bằng những cái nhìn trân trọng dành cho điều yếu ớt.

**By the end of the month, three tiny buds had appeared in the same crack. I took a picture and sent it to our**

**department group chat, captioned: "Ms. Nhan's Garden." The head doctor replied with a heart emoji. I smiled, thinking that perhaps this hospital was learning how to garden, not with shovels, but with the simple act of noticing what is fragile.**

Khi có người hỏi tôi tại sao cứ ghé bức tường ấy, tôi nói: "Để nhớ rằng bất hạnh không phải là thiếu điều kiện, mà là thiếu sự sẻ chia." Bông hoa sau tường rêu dạy tôi điều ấy và dạy tôi cách bước nhẹ hơn, nói nhẹ hơn, với những linh hồn đang cố nở trong chỗ nứt của họ.

**When someone asked why I kept visiting that wall, I said, "To remember that misfortune isn't the lack of comfort, it's the lack of compassion." The flower beyond the moss wall taught me that and taught me, too, to walk softer, speak gentler, to those souls still trying to bloom from their own cracks.**

# 6. Spring in the Hospital Room

Phòng 407 có mùi cam chín. Bà cụ Sáu bảo con gái mang vào một nhánh mai nhỏ cắm trong chai thủy tinh, đặt trên bậu cửa sổ. “Cho phòng có chút xuân,” bà cười, răng đã rụng mấy cái. Giữa tháng Giêng, khoa ngoại vẫn kín giường, nhưng cạnh bông mai, mọi thứ dường như đỡ chật hơn.

**Room 407 smelled of ripe oranges. Mrs. Sau asked her daughter to bring in a small branch of apricot blossoms, placed in a glass bottle on the windowsill. “To bring a bit of spring into the room,” she said, smiling with a few missing teeth. It was mid-January, the surgical ward was still full, yet next to that branch, the room somehow felt less crowded.**

Bà Sáu bị tắc ruột, chờ phẫu thuật phiên. Bà kể rằng cả đời bà bán vé số, nuôi bốn đứa con. “Tết nào tôi cũng mua ba bông mai,” bà bảo, “một bông cho tôi, một bông cho người

đã khuất, một bông cho những người tôi chưa gặp.” Tôi hỏi: “Sao cho người chưa gặp?” Bà cười: “Cho họ may mắn trên đường, biết đâu họ cần.”

**Mrs. Sau had a bowel obstruction and was waiting for her turn for surgery. She told me she had spent her life selling lottery tickets to raise four children. “Every New Year I buy three blossoms,” she said. “One for me, one for those who have gone, and one for those I have not yet met.” I asked, “Why for the ones you haven’t met?” She smiled. “For their luck on the road, just in case they need it.”**

Sáng hôm đó, trời mưa bụi. Tôi vào khám, thấy bà lau từng chiếc lá, miệng lầm rầm gì đó. “Bà đang cầu gì?” tôi hỏi. Bà đáp: “Cầu cho bác sĩ mổ tay không run.” Tôi bật cười. Bà nghiêm: “Thiệt mà. Tay vững thì lòng người vững theo.” Tôi nghĩ, đó có lẽ là câu chúc Tết hay nhất tôi từng nghe.

**That morning, it was drizzling outside. When I came in to check on her, she was wiping each leaf, murmuring something softly. “What are you praying for?” I asked. She replied, “That your hands will not shake during surgery.” I laughed. She said seriously, “It’s true. Steady hands make steady hearts.” I thought that might be the best New Year’s wish I had ever received.**

Ca mổ của bà diễn ra vào chiều. Trước khi đẩy đi, bà nắm tay tôi: “Bác sĩ thích ăn mứt gì?” Tôi ngạc nhiên. Bà nói: “Ra viện tôi gửi. Không gửi thì tôi không yên.” Tôi gật đầu, nói đại: “Mứt gừng đi bà.” Bà cười: “Đúng rồi, mứt gừng cho ấm bụng.” Nói xong bà nhắm mắt, thở sâu, bình thản như sắp đi qua một cây cầu.

**Her operation took place in the afternoon. Before being wheeled in, she held my hand. “Doctor, what kind of candied fruit do you like?” I was surprised. “When I leave the hospital, I’ll send you some,” she said. “I won’t feel at ease otherwise.” I nodded, answering at**

**random, “Ginger, maybe.” She smiled. “Yes, ginger to warm the stomach.” Then she closed her eyes and took a deep breath, calm as if crossing a quiet bridge.**

Trong phòng mổ, mọi thứ suôn sẻ. Khi khâu vết cuối, tôi thầm cảm ơn nhánh mai đã cho tôi một lời chúc vụng về mà hiệu nghiệm. Tối, bà về phòng, mê man. Con gái bà ngồi cạnh, tay nắm tay mẹ. Tôi bảo: “Ổn rồi, chỉ chờ bà tỉnh lại thôi.” Chị cười, nước mắt rớt xuống mu bàn tay bà, sáng lên như giọt sương trên cánh lá.

**Everything went smoothly in the operating room. As I closed the final stitch, I silently thanked that small apricot branch for giving me such an awkward yet powerful blessing. That evening, she was back in her room, still drowsy. Her daughter sat by her side, holding her hand. I said, “She’s stable now, just needs to wake up.” The daughter smiled, and a tear fell onto her mother’s hand, glimmering like dew on a leaf.**

Sáng hôm sau, bà tỉnh lại. Việc đầu tiên bà làm ngửi không khí rồi nói: “Mai còn không?” Con gái chỉ bậu cửa: “Còn, mẹ yên tâm.” Bà chìa tay: “Bẻ cho tôi một lá.” Tôi ngăn: “Bà đừng bẻ, nhìn thôi.” Bà cười: “Tôi bẻ để nhớ mùi xuân.” Tôi lấy lá đã rụng đưa bà. Bà áp lên mũi, rồi nhờ tôi ép vào sổ bệnh như kỷ niệm.

**The next morning, Mrs. Sau woke up. The first thing she did was inhale deeply and ask, “Is the apricot branch still there?” Her daughter pointed to the window. “Yes, it’s there, don’t worry.” “Break off a leaf for me,” she said. I stopped her. “Don’t pick it. Just look.” She laughed. “I’ll take one to remember the scent of spring.” I handed her a fallen leaf. She held it to her nose, then asked me to press it inside her medical record as a keepsake.**

Mấy ngày sau, tôi ghé, thấy trên tờ giấy trắng của hồ sơ có một chiếc lá mai khô ép phẳng. Bên cạnh là dòng chữ nguệch ngoạc của bà: “Mùa xuân không đi đâu cả.” Tôi

đọc đi đọc lại câu ấy. Có lẽ bà đã sống lâu đến mức hiểu rằng mùa nào cũng có thể là mùa xuân, nếu ta chịu mang một nhánh mai vào phòng bệnh.

**A few days later, I stopped by and saw on the white page of her chart a flattened apricot leaf. Next to it was her shaky handwriting: “Spring never really leaves.” I read that line over and over. Perhaps she had lived long enough to understand that every season can be spring, if we are willing to bring a branch of blossoms into a hospital room.**

Trước ngày ra viện, bà gọi tôi lại, dúi vào tay tôi một túi nhỏ: “Mứt gừng nhà làm.” Tôi định từ chối song bà nghiêm: “Anh đừng làm tôi thất hứa.” Tôi nhận, cám ơn, thấy mắt mình cay cay vì mùi gừng. Bà nói: “Sau này nếu mệt, anh ăn một miếng, nhớ lại là có người từng cầu cho tay anh không run.”

**Before her discharge, she called me over and slipped a small bag into my hand. “Homemade candied ginger,”**

**she said. I tried to refuse, but she insisted. “Don’t make me break my promise.” I accepted and thanked her, my eyes stinging from the scent of ginger. She smiled. “When you feel tired someday, eat a piece, and remember there was once someone who prayed for your hands not to shake.”**

Tối, tôi về nhà, pha ấm trà, mở túi mứt. Vị gừng cay, ngọt, nóng ran nơi đầu lưỡi. Tôi bỗng nghe tiếng xôn xao của chợ Tết, tiếng người gọi nhau, tiếng cười rôm rả. Tôi hiểu, mùa xuân vừa đi qua phòng 407, và để lại một chiếc lá khô trong cuốn sổ bệnh cùng một lời chúc không bao giờ hết hạn.

**That evening, I went home, brewed a pot of tea, and opened the bag. The ginger was sweet, spicy, and warm on the tongue. I could almost hear the bustle of the New Year market, the laughter, the calls of vendors. And I realized, spring had passed through Room 407 and left**

**behind a single dry leaf in a patient’s file, along with a blessing that would never expire.**

# 7. The Child and the Stethoscope

Thằng bé tên Minh, bảy tuổi, nằm ở phòng nhi sát khoa tôi. Nó sợ kim tiêm, cứ thấy điều dưỡng tới là trùm chăn. Một hôm, tôi đưa cho nó chiếc ống nghe cũ: “Mượn bác sĩ cái này chơi không?” Nó ló mắt ra, ngập ngừng nhận. “ Cái này để đâu ạ?” “Đặt lên ngực, nghe tim mình đấy.”

**His name was Minh, seven years old, staying in the children’s ward next to mine. He was afraid of needles and would hide under the blanket whenever the nurses came. One day, I handed him an old stethoscope. “Would you like to borrow this, little doctor?” I asked. He peeked out and hesitated before taking it. “What do I do with it?” “Put it on your chest. You can hear your heart.”**

Minh làm theo, mắt mở to. “Nó đang gõ cửa!” Nó reo. Tôi cười: “Ừ, tim đang gọi con ra chơi đấy.” Nó đặt ống nghe lên cổ tay tôi: “Của bác sĩ cũng gõ.” Tôi gật: “Vì bác sĩ

đang nói chuyện với bạn Minh.” Nó hí hửng thêm một lúc, rồi hỏi: “Bao giờ con hết bệnh?” Tôi bảo: “Khi trái tim con bảo ‘đi thôi’.” Nó mỉm cười như thể hiểu một mật mã.

**Minh did as I said, his eyes wide. “It’s knocking on the door!” he shouted. I laughed. “Yes, your heart is calling you out to play.” He placed the stethoscope on my wrist. “Yours is knocking too.” I nodded. “Because I’m talking to you.” He grinned for a while, then asked, “When will I get better?” I said, “When your heart says, ‘Let’s go.’” He smiled, as if he had just understood a secret code.**

Mẹ Minh là người bán rau ở chợ, dáng hình nhỏ, hay áy náy vì không ở cạnh con nhiều. Chị bộc bạch với tôi: “Bác sĩ thông cảm giúp chị. Nhiều khi nó khóc cũng chỉ vì nó sợ mà thôi.” Tôi lắc đầu: “Không có gì đâu chị. Khóc cũng là quyền của trẻ con mà.” Từ hôm có ống nghe, Minh ít khóc hơn. Nó đã đổi chiến lược: mỗi lần lấy ven, thay vì trùm

chăn nó sẽ yêu cầu "cho con nghe tim trước". Điều dưỡng cũng chiều theo và mọi thứ trôi đi êm hơn.

**Minh's mother sold vegetables at the market. She was small and often apologized for not being able to stay with her son. "Please understand, doctor," she said. "He cries sometimes only because he's scared." I shook my head. "It's all right. Crying is a child's right." Since getting the stethoscope, Minh cried less. He changed his strategy. Each time the nurse came to insert an IV, he would ask, "Can I listen to my heart first?" The nurse would smile and agree, and everything went smoothly after that.**

Một hôm, Minh bảo tôi: "Con muốn làm bác sĩ." Tôi hỏi: "Sao vậy?" Nó nói: "Để người ta khỏi sợ." Tôi bật cười: "Bác sĩ cũng hay sợ chứ." Nó nghiêng đầu: "Sợ gì?" Tôi nói nhỏ: "Sợ làm người khác đau." Nó tròn mắt, rồi nghĩ ngợi rất lâu như một ông cụ non. Cuối cùng nó nói: "Vậy bác sĩ nghe tim mình trước đi."

**One day Minh told me, “I want to be a doctor.” “Why?” I asked. “So people won’t be scared,” he said. I laughed. “Doctors get scared too.” He tilted his head. “Scared of what?” I whispered, “Of hurting others.” He widened his eyes and thought for a long time, like a little old man. Finally, he said, “Then you should listen to your own heart first.”**

Chiều hôm đó, Minh vẽ một bức tranh: một người mặc áo trắng, trên ngực có trái tim màu đỏ to bằng quả cam, một thằng bé cười to, tay cầm ống nghe. Nó đưa tôi: “Con vẽ bác với con.” Tôi hỏi: “Trái tim to vậy có mệt không?” Nó bảo: “Trái tim bác sĩ phải to mới chứa nhiều người.” Tôi nhận bức tranh, thấy cổ họng nghèn nghẹn.

**That afternoon, Minh drew a picture: a person in a white coat with a big red heart the size of an orange on his chest, and a boy smiling, holding a stethoscope. He gave it to me. “I drew you and me,” he said. I asked, “Doesn’t such a big heart get tired?” He replied, “A**

**doctor's heart has to be big so it can hold many people." I took the drawing, my throat tightening.**

Vào đêm tôi trực. Trời mưa. Minh sốt nhẹ, ngủ chập chờn. Tôi ghé qua, thấy cái ống nghe cũ đặt cạnh gối nó, dây quấn như một con rắn hiền. Tôi đặt tay lên trán nó. Nó mơ màng mở mắt: "Bác sĩ." Tôi "Ừ?" Nó thì thầm: "Tim con đang gõ cửa." Tôi đáp: "Vậy là mai nó sẽ mở toang luôn đó." Nó cười rồi nhẹ nhàng chìm vào trong giấc mơ.

**That night, it rained. Minh had a mild fever and slept fitfully. I stopped by and saw the old stethoscope beside his pillow, its tubing coiled like a gentle snake. I placed my hand on his forehead. He half-opened his eyes. "Doctor." "Yes?" I said. "My heart is knocking again," he whispered. "Then tomorrow it will open wide," I answered. He smiled and drifted softly back into sleep.**

Vài ngày sau, kết quả tốt. Minh được xuất viện. Nó đòi trả ống nghe. Tôi nói: "Cho con mượn lâu dài." Nó lắc đầu:

“Của bác sĩ.” Tôi bảo: “Bác sĩ còn cái mới.” Nó suy nghĩ, rồi gật đầu: “Con gửi lại cho những bạn sợ.” Tôi dặn: “Về nhà nhớ nghe tim mẹ mỗi tối.” Nó giơ tay chào theo kiểu quân đội: “Rõ!”

**A few days later, his results were good, and he was ready to leave the hospital. He insisted on returning the stethoscope. “I’ll let you borrow it longer,” I said. He shook his head. “It’s yours.” “I have another one,” I told him. He thought for a moment, then nodded. “Then I’ll leave it for the ones who are scared.” I said, “At home, remember to listen to your mother’s heart every night.” He saluted playfully. “Yes, sir!”**

Mẹ Minh ôm tôi, ngượng ngùng: “Cám ơn bác sĩ đã chơi với con tôi.” Tôi nói: “Tôi được chơi với cả hai mẹ con mới đúng.” Chị cười, mắt ướt mà sáng. Tôi vẫn đứng trước cửa nhìn bóng lưng 2 mẹ con mờ dần, cảm giác như vừa được ai đó chữa lành một vết trầy nhỏ trong lòng.

**Minh's mother hugged me shyly. "Thank you for playing with my son." I smiled. "I should thank you both. I got to play too." She laughed, eyes bright with tears. I stood by the door, watching the two of them walk away, their silhouettes fading down the hall. It felt as if someone had gently healed a small wound inside me.**

Buổi tối, tôi treo bức tranh Minh vẽ lên tường phòng làm việc. Màu đỏ trái tim nhìn rất ngây thơ, hơi lem ra mép giấy. Tôi hiểu rằng, đôi khi, chữa được một nỗi sợ hãi lại quan trọng không kém chữa một vết thương. Và cách tốt nhất để làm điều đó bắt đầu từ một chiếc ống nghe, đặt lên ngực người khác, và đặt lên ngực chính mình.

**That evening, I hung Minh's drawing on the wall of my office. The red heart looked so innocent, its color bleeding slightly past the paper's edge. And I understood that sometimes, healing a fear can be just as important as healing a wound. The best way to do**

**that begins with a stethoscope, one placed on another's chest, and one placed on your own.**

# 8. A Cup of Tea Still Warm

Bàn làm việc của Tuấn, người đồng nghiệp thân nhất của tôi, vẫn còn một tách trà. Vết nước vòng tròn trên đĩa chưa kịp khô. Tuấn mất đột ngột vì tai nạn giao thông trên đường về sau ca trực. Tin đến vào buổi chiều, nhẹ như một lá thư bỏ quên dưới cửa, nhưng bên trong là những tiếng sét.

**On Tuan’s desk, my closest colleague, there was still a cup of tea. A ring of moisture marked the saucer, not yet dry. Tuan died suddenly in a traffic accident on his way home after a night shift. The news came in the afternoon, as quietly as a letter slipped under a door, but inside it were the sounds of thunder.**

Khoa im như có ai đã tắt âm. Người đi lại bằng mắt. Tôi ngồi xuống ghế của Tuấn, chạm tay vào tách trà. Trà nhài. Mùi hương của những cuộc nói chuyện về bệnh án, về một quán phở mở khuya, về cây đàn cũ trong phòng trực.

“Đêm nay rảnh thì chơi một bản,” Tuấn dặn tôi tối qua. Vậy mà đêm nay, không còn ai gảy dây.

**The ward fell silent, as if someone had turned off the volume. People moved with their eyes. I sat in Tuan’s chair and touched the cup. Jasmine tea. The scent of our conversations about patients, about a late-night noodle shop, about the old guitar in the duty room. “Play something tonight if you’re free,” he told me last night. But tonight, no one would play.**

Tôi viết giấy báo tử, những con chữ méo mó. “Nguyên nhân: tai nạn giao thông.” Một câu ngắn ngủi trói chặt một đời người. Tôi bỗng hiểu tại sao có những người ghét giấy tờ: vì nó phẳng quá, không chứa được tiếng cười, thói quen, cách Tuấn cau mày khi đọc phim, cái gật đầu nhẹ khi ca mổ bắt đầu.

**I filled out the death certificate, my handwriting unsteady. “Cause: traffic accident.” A short sentence binding a whole life. I suddenly understood why some**

**people hate paperwork: because it is too flat, unable to hold laughter, habits, the way Tuan frowned when reading scans, or nodded slightly when a surgery began.**

Buổi tối, tôi ở lại muộn. Tôi rót trà trong tách vào ấm, đun lại. Trà đã nhạt, nhưng vẫn còn hương. Tôi đặt ấm lên bàn, lấy cây đàn cũ, gảy vài hợp âm. Hạnh bước vào, ngồi xuống không nói. Tôi đưa cô một tách. “Cho Tuấn,” tôi nói. Hạnh gật đầu, chạm tách vào không khí, như cụng với một người vô hình.

**That night I stayed late. I poured the cold tea from his cup into the kettle and reheated it. The taste was faint, but the fragrance remained. I placed the kettle on the table and picked up the old guitar. I strummed a few chords. Hanh, one of the nurses, walked in and sat down silently. I poured her a cup. “For Tuan,” I said. She nodded and raised her cup to the air, as if toasting an invisible friend.**

Chúng tôi ngồi rất lâu, nghe tiếng đồng hồ tách tách. Tôi bảo Hạnh: "Ngày mai em cứ nghỉ nếu cần." Cô lắc đầu: "Em muốn làm. Tuấn cũng sẽ làm." Câu nói ấy kéo tôi khỏi vũng buồn nặng như bùn. Đúng, nếu Tuấn còn ở đây, anh sẽ nói "làm tiếp đi ông nội," và cười như một đứa trẻ.

**We sat for a long time, listening to the ticking clock. I told her, "You can take tomorrow off if you need." She shook her head. "I want to work. Tuan would too." Her words pulled me out of a heavy sadness like mud. She was right. If Tuan were here, he would say, "Keep going, man," and laugh like a child.**

Khuya, tôi viết một lá thư cho chính mình và cho Tuấn: "Bạn thân mến, mình sẽ giữ cách bạn chỉnh lại khẩu trang cho người bệnh trước khi nói, giữ cách bạn đặt tên các ca mổ bằng những cái tên đùa, giữ cách bạn gõ giai điệu trước khi vào phòng. Mình sẽ giữ một tách trà trên bàn đến khi hết đau." Tôi gấp lại, để dưới tách.

**Late that night, I wrote a letter to both myself and to him. “My dear friend, I will keep the way you adjusted a patient’s mask before speaking, the way you gave surgeries playful names, the way you tapped a rhythm before entering the operating room. I will keep a cup of tea on your desk until the pain is gone.” I folded the note and placed it beneath the cup.**

Sáng hôm sau, tôi gặp mẹ Tuấn ở nhà xác. Bà nắm tay tôi thật chặt: “Con tôi có làm phiền ai không?” Tôi nói: “Nó là ánh sáng trong khoa này.” Bà bật khóc, nhưng nỗi đau của bà có một chỗ để dựa. Tôi dìu bà ra ngoài, trời nắng, gió nhẹ qua dãy cây. Tôi nghĩ Tuấn sẽ thích thời tiết này, sẽ nói: “Đi ăn phở không?”

**The next morning, I met Tuan’s mother at the morgue. She gripped my hand tightly. “Did my son trouble anyone?” she asked. I said, “He was the light of this ward.” She burst into tears, but her grief had a place to rest. I walked her outside. The sun was shining, wind**

**stirring through the trees. I thought Tuan would have liked that kind of weather. He would have said, "Let's go get some noodles."**

Chiều, cả khoa họp ngắn. Chúng tôi chia nhau công việc Tuấn đang dang dở. Không ai tranh, không ai đùn đẩy. Tôi nhận phần khó nhất, không phải vì tôi giỏi hơn, mà vì tôi muốn trả lại cho Tuấn theo một cách nào đó. Khi tan họp, mỗi người về phòng mình, không ai nói câu "cố lên", vì ai cũng biết chẳng có lời nào đủ.

**In the afternoon, the department gathered for a short meeting. We divided Tuan's unfinished work among us. No one argued, no one avoided. I took the hardest part, not because I was better, but because it felt like a way to return something to him. When the meeting ended, everyone went back to their rooms. No one said "stay strong," because we all knew no words would be enough.**

Đêm, trước khi về, tôi rửa tách trà. Nước ấm chảy qua men trắng. Tôi lau khô, đặt lại đúng chỗ cũ. Tôi biết rồi sẽ có ngày không cần tách trà ấy nữa. Nhưng không phải hôm nay. Hôm nay tôi cần nó như một cái neo để không bị cuốn ra ngoài khơi bởi những con sóng bất ngờ của đời.

**That night, before leaving, I washed the cup. Warm water flowed over the white porcelain. I dried it carefully and put it back in its place. I knew there would come a day when I wouldn't need that cup anymore. But not today. Today, I needed it as an anchor so I wouldn't be swept away by the sudden waves of life.**

Tôi tắt đèn, chỉ chừa lại ngọn đèn bàn. Ánh sáng tròn nhỏ phủ lên tách trà như một vòng hào quang. Tôi thì thầm: "Ngủ đi bạn." Rồi tôi đi qua hành lang dài, bỗng thấy lòng mình yên hơn, vì giữa bao mất mát, chúng tôi vẫn còn biết cách giữ cho nhau một tách trà chưa kịp nguội.

**I turned off the lights, leaving only the small desk lamp on. Its soft glow fell over the cup like a tiny halo. “Sleep well, my friend,” I whispered. Then I walked down the long corridor, and my heart felt lighter, because amid all the loss, we still knew how to keep for each other a cup of tea that has not yet cooled.**

# 9. The First Breath

Đêm mưa. Khoa sản gọi hỗ trợ: sản phụ băng huyết sau sinh, cần phối hợp. Tôi chạy qua hành lang ướt, mùi thuốc sát trùng trộn mùi mưa ẩm. Người chồng đứng ngoài, tay bấu vào cửa kính, mắt như người vừa bị kéo khỏi giấc mơ. “Cô ấy sẽ ổn chứ bác sĩ?” anh hỏi, giọng vỡ ra. Tôi gật, không hứa gì, chỉ gật để anh có cái gì đó bấu víu.

**A rainy night. The maternity ward called for help: a mother was bleeding heavily after delivery and needed support. I ran through the wet corridor, the smell of disinfectant mixing with damp rain. The husband stood outside, hands gripping the glass door, eyes wide like someone just pulled out of a dream. “Will she be all right, doctor?” he asked, his voice breaking. I nodded, not making promises, just giving him something to hold on to.**

Trong phòng, đội ngũ xoay như con thoi. Tiếng lệnh ngắn, gọn. Những bàn tay làm việc như đã tập đi tập lại cả trăm lần. Tôi nhìn đứa trẻ nằm trong lồng ấp mini, da đỏ như quả vải, ngón tay nhỏ xíu nắm vào không khí. Một cơn khóc bật ra, mỏng như tiếng rách giấy, rồi lớn dần, đầy căn phòng.

**Inside, the team moved like clockwork. Short commands. Quick motions. Hands working in harmony, as if rehearsed a hundred times. I looked at the newborn lying in the small incubator, skin red like a lychee, tiny fingers curling into the air. A cry burst out, thin as torn paper, then grew stronger, filling the room.**

Trong khoảnh khắc ấy, mọi tiếng ồn khác biến thành nền. Tôi thấy rõ một sợi dây vô hình nối đứa trẻ với người đàn ông ngoài kia và với người mẹ đang nằm yên. Sợi dây ấy run rẩy, mong manh, nhưng sáng như sợi chỉ bạc. Tôi đặt

tay lên ngực mình, chợt nhận ra tim mình đang đập theo nhịp khóc.

**In that moment, every other sound faded into the background. I could see a thin invisible thread connecting the baby to the man outside and to the woman lying still. The thread trembled, fragile, yet shone like silver. I placed my hand on my chest and realized my own heartbeat was keeping time with the baby's cry.**

Khi tình trạng người mẹ ổn dần, chúng tôi mới thở ra. Tôi ra ngoài, báo tin. Người chồng khuỵu xuống ghế, nước mắt ứa ra mà miệng cười. "Cảm ơn," anh nói, lặp đi lặp lại như một dòng kinh. Tôi đưa anh chai nước, dặn ngồi một lát cho vững. Anh gật đầu, hai tay run, nhưng cái run của người vừa tháo được một quả nút thắt.

**When the mother's condition began to stabilize, we all exhaled. I went out and gave the husband the news. He collapsed into a chair, tears spilling as he smiled.**

**“Thank you,” he said again and again, like a prayer. I handed him a bottle of water and told him to sit for a while. He nodded, hands trembling, but it was the tremor of someone finally loosening a knot inside.**

Gần sáng, tôi ghé phòng sơ sinh. Đứa bé ngủ, môi mấp máy như đang mút giấc mơ. Điều dưỡng trẻ hỏi tôi: “Anh có con chưa?” Tôi lắc đầu. Cô cười: “Mỗi lần nghe tiếng khóc đầu tiên, em đều thấy như lần đầu.” Tôi hiểu điều cô nói: “Có những lần đầu không bao giờ cũ.”

**Near dawn, I stopped by the newborn room. The baby was asleep, lips moving as if sucking on a dream. A young nurse asked me, “Do you have children?” I shook my head. She smiled. “Every time I hear a baby’s first cry, it still feels like the first time.” I understood what she meant. “There are first times that never grow old,” I said quietly.**

Tôi nhớ về nhà mình ngày xưa. Mẹ kể tôi sinh ra cũng giữa một cơn mưa lớn. Bà ngoại đốt bếp than, bà nội pha nước lá, bố chạy đi chạy lại kiếm bác sĩ. Tôi nghĩ có lẽ từ đêm đó, mưa luôn làm tôi bình tĩnh, vì nó gợi một bắt đầu. Tôi cười thầm: "Hóa ra mình tin vào thời tiết hơn mình tưởng."

**I thought of my own birth. My mother told me I was born during a heavy storm. My grandmother lit a charcoal stove, my other grandmother boiled herbs, and my father ran back and forth looking for a doctor. Perhaps that is why rain has always calmed me. It reminds me of beginnings. I smiled to myself. "Maybe I trust the weather more than I thought."**

Sáng lên, trời quang như chưa từng mưa. Người chồng ôm con, mắt đỏ hoe. Anh đưa đứa bé lại gần cửa kính cho người mẹ nhìn. Chị giơ tay, chạm nhẹ lên tấm kính, như chạm vào một bầu trời riêng. Tôi lùi lại, để họ có khoảnh

khắc chỉ dành cho ba người. Có những hạnh phúc không cần nhân chứng.

**By morning the sky was clear, as if it had never rained. The husband held his baby, eyes still red. He brought the child close to the window so the mother could see. She lifted her hand and touched the glass, as if touching her own small sky. I stepped back, letting them have a moment that belonged only to the three of them. Some kinds of happiness need no witnesses.**

Trưa, hoàn thành thủ tục xong, tôi ký vào sổ, ghi chú vài dòng cần theo dõi. Tôi nhìn lại hành lang vừa đi qua, thấy những vệt nước đêm qua đã khô. Chỉ còn mùi mưa vương vất, rất mỏng. Tôi biết mình sẽ quên nhiều ca, nhiều tên, nhiều con số. Nhưng tiếng khóc đầu tiên này, tôi sẽ còn nghe lại trong những đêm mệt mỏi, như một bản nhạc báo thức cho lòng tin.

**At noon, after completing the paperwork and notes, I looked back down the corridor I had run through. The**

**puddles from last night had dried. Only the faint scent of rain lingered. I knew I would forget many cases, many names, many numbers. But that first cry, I would remember. It would come back to me on long, tired nights, like a small melody that wakes faith again.**

Khi rời khoa sản, tôi đứng dưới hiên, nhìn bầu trời trong veo. Tôi hít sâu, cảm thấy một "hơi thở đầu tiên" khác xảy ra ngay trong tôi: "Hơi thở của một người lớn bỗng thấy mình mới toanh trước đời sống." Và có lẽ, đó là lý do tôi vẫn ở đây: vì mỗi ngày, luôn có ai đó được sinh ra, và đôi khi, cả chúng ta cũng vậy.

**As I left the maternity ward, I stood under the eaves and looked up at the clear sky. I took a deep breath and felt another kind of first breath happening inside me - the breath of an adult suddenly feeling new again before life. And perhaps that is why I am still here: because every day, someone is born, and sometimes, so are we.**

# 10. Sunlight Behind the Window

Ông Mậu bị liệt nửa người sau đột quỵ. Giường ông kê sát cửa sổ, nhưng rèm kéo suốt vì ông sợ nắng chói mắt. “Mở chút đi bác,” tôi đề nghị. Ông lắc đầu: “Nắng làm tôi mệt.” Tôi không nài. Chúng tôi nói chuyện về những điều lặt vặt: món khoái khẩu là kho quẹt, cái radio cũ phát chương trình cải lương buổi trưa.

**Mr. Mau was paralyzed on one side after a stroke. His bed was placed next to the window, but the curtains were always drawn because he was afraid the light would hurt his eyes. “Let’s open it a little,” I suggested. He shook his head. “The sunlight makes me tired.” I didn’t insist. We talked about small things: his favorite dish, caramelized fish sauce, the old radio that played “cai luong” music at noon.**

Ngày thứ ba, tôi đến, tự tay kéo rèm hé một khe rất nhỏ. “Ít thôi,” tôi nói. Nắng rơi vào phòng như một sợi chỉ

mỏng, đậu lên mép giường một đường sáng. Ông nhíu mày, rồi thôi. “Bác từng thích nắng không?” tôi hỏi. Ông bảo: “Hồi còn đi biển, tôi đen như cột nhà cháy.” Tôi cười: “Vậy nắng chắc là bạn cũ.”

**On the third day, I came and opened the curtain just a crack. “Just a little,” I said. The sunlight entered the room like a thin thread, landing on the edge of the bed in a bright line. He frowned, then relaxed. “Did you ever like sunlight?” I asked. “When I worked at sea, my skin was dark as a burnt post,” he said. I laughed. “Then sunlight must be an old friend.”**

Hôm sau, tôi kéo rèm thêm một chút. Nắng đổ thành mảng lớn hơn, trên tường hiện hình lá cây ngoài sân. Ông nhìn lâu, tự nhiên hỏi: “Cái bóng kia là cây gì?” Tôi thò đầu ra: “Bằng lăng.” Ông gật: “Hồi trẻ tôi tỏ tình dưới cây bằng lăng.” Tôi im lặng, để ký ức làm công việc của nó.

**The next day, I pulled the curtain open a little more. The light spread wider, and the shadows of the trees**

**outside painted the wall. He looked at them for a long time, then asked, “What kind of tree is that?” I leaned over. “Crape myrtle.” He nodded. “I once confessed my love under a crape myrtle tree.” I stayed silent, letting his memories do their work.**

Điều dưỡng kể ông khó ngủ ban đêm, hay bực bội. Tôi bảo thử đổi giường ông một chút, xoay hướng nhìn về cửa sổ. Ông phản đối nhưng rồi cũng chịu. Lần đầu nhìn ra ngoài, ông che mắt, nhưng chỉ một lát sau, bàn tay buông xuống. “Nắng không chói lắm,” ông nói. “Vì trời chiều,” tôi đáp.

**The nurse told me he often couldn’t sleep and got irritated at night. I suggested moving his bed, turning it toward the window. He protested but finally agreed. The first time he looked outside, he shielded his eyes, but after a moment, his hand dropped. “The light isn’t that harsh,” he said. “It’s evening,” I replied.**

Một buổi chiều, cháu nội ông mang đến chiếc đèn lồng giấy. Nó treo trên khung rèm, nắng chiếu qua giấy đỏ thành màu hồng nhạt. Ông nhìn, khóe miệng nhếch lên. Tôi bảo: "Đèn sẽ đẹp hơn khi tối." Ông nói: "Nắng cũng đẹp vào chiều." Tôi thấy trong câu nói ấy có một nhịp thở dài, nhẹ.

**One afternoon, his grandson brought him a paper lantern. They hung it on the curtain rod. The sunlight shone through the red paper, turning it into a soft pink glow. He looked at it, the corners of his mouth lifting. "The lantern will be prettier at night," I said. He replied, "Sunlight is beautiful in the evening too." There was a quiet sigh inside that sentence.**

Chúng tôi tập phục hồi chức năng. Mỗi lần ông nhấc được tay lên một chút, tôi nói "tốt lắm", ông lườm: "Đừng nịnh." Tôi cười: "Không nịnh đâu." Chúng tôi giống hai người bạn già cứng đầu, nhưng thật ra đều muốn thắng

thêm vài centimet của sự bất động. Nắng vẫn đổi hình mỗi giờ, như một chiếc đồng hồ không kim.

**We began rehabilitation exercises. Each time he managed to lift his hand a little higher, I said, "Good job." He glared. "Don't flatter me." I smiled. "I'm not." We were like two stubborn old friends, both wanting to reclaim a few more centimeters from stillness. The sunlight kept changing shape every hour, like a clock without hands.**

Một trưa, tôi vào, thấy rèm đã kéo lên nửa. Ông nhìn tôi thách thức: "Tôi tự làm đấy." Tôi vỗ tay: "Tuyệt." Ông nói: "Nắng làm tôi thấy ấm lưng." Câu đơn giản ấy lại đủ để làm tôi ấm theo. Từ hôm đó, ông không hỏi giờ nữa, chỉ nhìn bóng nắng trên tường để biết thời gian. Tôi nghĩ có lẽ ông đã tìm lại được một chiếc đồng hồ của riêng mình.

**One noon, I walked in and saw the curtains halfway open. He looked at me, half proud, half teasing. "I did it myself." I clapped. "Perfect." "The sun makes my**

**back feel warm," he said. That simple sentence warmed me too. From that day on, he no longer asked for the time; he watched the sunlight on the wall instead. I thought maybe he had found his own clock again.**

Ngày ông xuất viện, cháu nội hỏi: "Ông có nhớ bệnh viện không?" Ông lắc đầu: "Nhớ cái cửa sổ." Tôi dặn: "Về nhà kê giường gần cửa sổ nhé." Ông gật, mắt nhìn theo dải nắng trườn qua sàn. Tôi bỗng hiểu rằng đôi khi công việc của tôi chỉ là kéo một tấm rèm, xoay lại một chiếc giường để mở ra một mảng trời.

**On the day of his discharge, his grandson asked, "Grandpa, will you miss the hospital?" He shook his head. "I'll miss the window." I told him, "Put your bed near the window at home." He nodded, his eyes following the sunlight crawling across the floor. I suddenly understood that sometimes my work was simply to pull open a curtain, to turn a bed, and reveal a patch of sky.**

Sau cùng, tôi quay lại phòng trống, kéo rèm xuống. Nắng bị chặn lại, căn phòng trở về màu trắng như cũ. Tôi đặt tay lên vải rèm, sờ thấy bụi. Tôi lau bụi đi, nghĩ đến ông Mậu. Tôi hiểu rằng, những bóng nắng chỉ xuất hiện khi có người chịu mở cửa. Và việc của mình, mỗi ngày, là tìm xem cửa sổ nào đang bị rèm kéo kín.

**Afterward, I returned to the empty room and drew the curtain closed. The light disappeared, and the room returned to its plain white color. I placed my hand on the fabric and felt dust. I wiped it away, thinking of Mr. Mau. And I understood that sunlight only appears when someone is willing to open the window. My work, each day, is to find which windows are still shut.**

# PART II:
# AMID THE CURRENT OF IMPERMANENCE

Dẫn nhập / **Introduction:**

Giữa dòng vô thường là nơi các câu chuyện va vào nhau: những tin sốc, các bản chẩn đoán lạnh lùng, những đêm trực dài và những cuộc gọi lúc nửa đêm. Ở đó, lòng nhân được thử thách, nỗi sợ bị lật mặt, và sự thật đôi khi vừa là con dao, vừa là liều thuốc. Mười truyện dưới đây là mười lần người bác sĩ học cách đứng yên giữa cơn gió: để khóc khi cần, để nói thật khi phải, để tha thứ khi có thể và để tiếp tục.

**In the midst of impermanence lies the place where stories collide: shocking news, cold diagnoses, long night shifts, and phone calls at midnight. In that space, compassion is tested, fear is unmasked, and truth becomes at once a blade and a medicine. The ten stories that follow are ten moments when a doctor learns to**

**stand still in the wind to cry when it is time, to speak honestly when it must be done, to forgive when possible, and to keep going.**

# 11. When the Doctor Cries

Tin xấu đến vào buổi chiều. Đứa trẻ trong ca đa chấn thương mà chúng tôi cố giành lại cả buổi trưa đã không qua khỏi. Phòng cấp cứu bỗng im lặng như một cánh đồng vừa dứt mưa: tiếng máy giảm xuống, những bước chân chậm lại, giọng nói nhỏ đi. Tôi tháo khẩu trang, khô cổ họng như nuốt phải một nắm cát.

**The bad news came in the afternoon. The child in the multi-trauma case we had fought for all noon did not survive. The emergency room fell silent, like a field after rain. The machines hummed lower, footsteps slowed, voices softened. I took off my mask, my throat dry as if I had swallowed a handful of sand.**

Người mẹ đứng dựa tường, hai tay ôm lấy người như sợ mình rơi vỡ. Không có tiếng gào thét. Chỉ có một tiếng rền rất thấp, như từ lòng đất bốc lên. Tôi bước tới, định nói "chị bình tĩnh" rồi nuốt lại. Có những câu không nên nói.

Tôi chỉ đặt hộp khăn giấy lên bàn, kéo ghế, mời chị ngồi. Chị lắc đầu, mắt nhìn vào một chỗ nào đó phía sau lưng tôi.

**The mother stood against the wall, arms wrapped around herself as if afraid she might break. There was no scream, only a low sound rising from somewhere deep in the ground. I stepped closer, about to say "please calm down," then swallowed the words. Some things should not be said. I placed a box of tissues on the table, pulled out a chair, and gestured for her to sit. She shook her head, eyes fixed on a point somewhere behind me.**

Hạnh chạm nhẹ tay chị. "Em ở đây với chị." Chị gật. Tôi quay đi để ký biên bản. Đầu bút run một chút. Dòng "thời điểm tử vong" như một vệt mực lạnh đi qua tim. Khi xong việc, tôi xin phép ra ngoài, đi thẳng tới thang thoát hiểm cuối hành lang nơi ít ai qua lại. Ở đó, gió thổi từ mái nhà, mùi nắng khét còn sót lại từ buổi trưa.

**Hanh, the nurse, gently touched her hand. “I’m here with you,” she said. The woman nodded. I turned away to fill out the report. The pen trembled slightly. The line “time of death” ran across my heart like a cold stroke of ink. When it was done, I excused myself and walked straight to the emergency stairwell at the end of the corridor, the quietest place in the building. Wind blew in from the roof, carrying the burnt scent of midday sunlight.**

Tôi ngồi xuống bậc thang, áp mặt vào khuỷu tay. Nước mắt ứa ra không cần tín hiệu. Tôi đã từng nghĩ bác sĩ thì không nên khóc hoặc ít nhất là không nên khóc ở bệnh viện. Nhưng trưa nay, khi bàn tay bé xíu kia tuột khỏi nhiệt độ, tôi biết mình không còn lý do gì để giữ mặt nạ thêm vài phút. Tôi khóc như một người bình thường.

**I sat on the steps, resting my face in my arms. Tears came without warning. I used to think doctors should not cry or at least not in the hospital. But at noon, when**

**that tiny hand slipped away from warmth, I realized there was no reason left to keep the mask on for another minute. I cried like an ordinary person.**

Tiếng cửa mở khẽ. Bác bảo vệ đứng tuổi đặt cạnh tôi một chai nước. “Uống chút đi bác sĩ.” Ông không nhìn tôi, mắt nhìn ra sân. “Tôi có cháu ngoại bằng tuổi nó,” ông nói, giọng khàn. “Nó thích bóng bay.” Tôi gật, cổ họng nghẹn. Chúng tôi ngồi im như thế mấy phút. Gió đưa tiếng chuông nhà thờ xa xa tới, lẫn trong tiếng máy điều hòa.

**The door opened softly. The old security guard placed a bottle of water beside me. “Drink a little, doctor.” He didn’t look at me, only out toward the courtyard. “I have a granddaughter about the same age,” he said, his voice rough. “She likes balloons.” I nodded, my throat tight. We sat quietly for a while. The distant church bells drifted in, mixed with the hum of the air conditioners.**

Khi quay lại, tôi gặp người mẹ ở cửa phòng. Chị hỏi: “Bác sĩ có đau không?” Tôi bất ngờ. Tôi tưởng mình là người đưa tin, không phải người nhận. Tôi gật. Chị nói: “Vậy là em không một mình.” Tôi muốn tìm một câu gì đó tử tế để nói, nhưng cuối cùng chỉ nói: “Em không một mình đâu.” Nghe vụng về mà thành thật.

**When I returned, I met the mother at the doorway. She asked, “Does it hurt, doctor?” I was caught off guard. I had thought I was the one delivering the news, not receiving it. I nodded. She said, “Then I’m not alone.” I wanted to find the right words, but all I managed was, “You’re not alone.” Awkward, but true.**

Trong phòng họp nhanh, chúng tôi rà soát quy trình, tìm điểm có thể cải thiện. Không ai tìm cách đổ lỗi. Mỗi người đặt lên bàn điều gì họ có thể làm tốt hơn. Lần lượt, những mắt xích lỏng được siết lại bằng chữ “lần sau”. Tôi hiểu rằng khóc không làm công việc tệ đi. Nó chỉ làm ta bớt đóng băng, để còn nhìn vấn đề với lòng tôn trọng.

**In the brief meeting afterward, we reviewed the procedure, looking for what could be improved. No one blamed anyone. Each person laid on the table what they could have done better. One by one, the loose links were tightened by the words "next time." I understood then that crying does not make us worse doctors. It simply melts the ice, so we can look at the problem with respect.**

Đêm, tôi về muộn. Mưa lất phất. Tôi ghé một cửa hàng đồ chơi còn mở, mua một chùm bóng bay màu xanh. Về tới viện, tôi nhờ bảo vệ buộc vào hàng rào gần vườn nhỏ, nơi mấy đứa trẻ hay ngồi. Sáng hôm sau, tôi thấy một cậu bé khác nắm dây, cười tít mắt.

**That night I went home late. A light rain was falling. I stopped by a toy shop still open and bought a bunch of blue balloons. Back at the hospital, I asked the guard to tie them to the fence near the small garden where the**

**children liked to sit. The next morning, I saw another boy holding the strings, smiling wide.**

Cậu bé làm tôi vẫn nghĩ về đứa trẻ hôm qua. Không phải để hành hạ mình, mà để nhớ rằng mỗi quyết định nhỏ trong phòng mổ không phải là trò chơi. Mỗi mí khâu, mỗi liều thuốc, mỗi cái gật đầu đều có một gương mặt chờ ở ngoài. Và khi không cứu được, phải biết cúi đầu trước sự thật ấy, như cúi đầu trước một nấm mộ.

**He made me think of the child from yesterday. Not to torment myself, but to remember that every small decision in the operating room is not a game. Every stitch, every dose, every nod carries a face waiting outside. And when we fail to save, we must bow to that truth, the way one bows before a grave.**

Buổi chiều, tôi gặp lại người mẹ ở khu hành lang. Chị đi qua, dừng lại, nói một câu rất nhỏ: “Cảm ơn vì đã khóc.” Tôi muốn hỏi sao chị biết. Có lẽ mắt tôi đã nói. Chị đi tiếp,

bước chân vững hơn hôm qua một chút. Tôi đứng yên nhìn theo, biết rằng từ nay, tôi cho phép mình khóc khi cần để rồi lau nước mắt, rửa tay, và làm tiếp phần việc của mình.

**That afternoon, I saw the mother again in the corridor. She stopped, turned, and said softly, "Thank you for crying." I wanted to ask how she knew. Perhaps my eyes had told her. She walked on, her steps steadier than the day before. I stood still, watching her go, knowing that from now on, I would allow myself to cry when I needed to, then wipe my tears, wash my hands, and return to the work waiting ahead.**

# 12. The Mother in the Emergency Room

Phòng cấp cứu chật như một toa tàu giờ tan tầm. Tiếng gọi lẫn vào tiếng máy, mùi thuốc sát trùng cạnh mùi mồ hôi nóng. Một cậu thiếu niên nằm cáng, da tái, môi khô, tay ôm bụng. Cậu bị viêm ruột thừa vỡ, đưa vào muộn. Bên cạnh, người mẹ gầy đến mức áo khoác trông như treo trên móc.

**The emergency room was packed, like a train car at rush hour. Voices tangled with the beeping of monitors. The sharp scent of antiseptic blended with the heat of human breath. A teenage boy lay on a stretcher, pale, lips cracked, arms wrapped around his stomach. Ruptured appendix. Too late. Beside him, his mother was so thin her coat looked as if it were hanging on a hook.**

Chị không hỏi nhiều. Chỉ nắm tay con, vừa vỗ vừa thì thầm: “Con thở chậm lại.” Tôi lướt qua, nhìn bảng kết quả,

trao đổi nhanh với kíp mổ. “Chuẩn bị đưa đi,” tôi nói. Chị ngẩng lên: “Bác sĩ làm gì làm nhanh giúp em.” Trong đôi mắt thâm quầng ấy không có hoảng loạn, chỉ có một thứ bình tĩnh của người đã sống cùng nghèo khó quá lâu.

**She didn’t ask much. She only held his hand, patting gently, whispering, “Breathe slower.” I glanced at the chart, exchanged a few words with the surgical team. “Take him in,” I said. She looked up. “Please, doctor. Do whatever you need, but do it fast.” In her tired eyes there was no panic, only the calm of someone who had lived with scarcity for too long.**

Trên đường đẩy vào phòng, con trai bỗng nắm chặt tay mẹ, rên: “Đừng bỏ con.” Chị cúi xuống, chạm trán vào trán con: “Mẹ đứng ngay cửa. Con đi qua cây cầu này, mẹ đợi đầu kia.” Câu nói làm tôi bất giác chậm lại nửa bước. Có những người mẹ biến hành lang bệnh viện thành một cây cầu mà họ giữ hai đầu bằng lòng tin.

**As we pushed the stretcher toward the operating room, the boy grabbed her hand. “Don’t leave me,” he moaned. She bent down, forehead against his. “I’ll be right by the door. Cross this bridge, and I’ll wait on the other side.” Her words slowed my steps. Some mothers can turn a hospital corridor into a bridge held together by faith.**

Ca mổ diễn ra gấp gáp nhưng không rối. Khi nghe tiếng monitor chuyển nhịp ổn, cả phòng như thở được sâu hơn. Tôi tháo găng, đi ra cửa, thấy chị đứng đúng chỗ chị đã nói ngay đầu cửa, tay bấu vào khung như bấu vào bờ sông. “Ổn rồi chị,” tôi nói. Chị gật, nước mắt rơi nặng, nhưng miệng cười: “Em biết mà.”

**The operation was swift but steady. When the monitor returned to a regular rhythm, everyone took a deeper breath. I stepped out and saw her standing exactly where she’d promised, by the door, hands gripping the**

**frame as if it were the riverbank. “He’s stable now,” I said. She nodded, tears heavy but smiling. “I knew it.”**

Trong khi chờ hậu phẫu, tôi gọi chị vào phòng tư vấn. “Gia đình chị có ai khác không?” “Chồng đi làm xa, mấy năm chưa về,” chị nói đơn giản. “Chị bán bún, con chị hay ở một mình.” Tôi nhìn chiếc áo khoác sờn vai, nghĩ về bao lần chị đứng trước nồi nước dùng sôi, mồ hôi rớt vào mùi hành phi. Những thứ không ghi vào hồ sơ bệnh án nhưng lại quyết định sức chịu đựng của một gia đình.

**Later, while waiting for recovery, I asked her to sit with me in the counseling room. “Do you have any family?” “My husband works far away. He hasn’t come back in years,” she said. “I sell noodles. My boy’s usually home alone.” Her coat was frayed at the shoulders. I pictured her standing over a boiling pot, sweat dripping into the smell of fried shallots. Details that never appear in a medical chart, yet define how much a family can endure.**

Tối, tôi đưa chị một hộp cơm nguội trong căn tin. Chị đẩy lại: “Em ăn đi bác sĩ.” Tôi nói: “Chị ăn giúp tôi, để tôi không phải lo.” Chị cười: “Bác sĩ nói gì lạ quá.” Rồi chị ăn, chậm rãi, như sợ phát ra tiếng sẽ đánh thức những lo lắng đang ngủ. Ăn xong, chị xếp hộp gọn gàng, lau sạch mặt bàn bằng khăn giấy của mình.

**That night, I gave her a box of leftover rice from the canteen. She pushed it back. “You eat, doctor.” I smiled. “Eat it for me, so I won’t worry.” She laughed quietly and ate, each bite careful, as if afraid to wake her sleeping fears. When she finished, she folded the box neatly and wiped the table with her own tissue.**

Nửa đêm, cậu bé tỉnh lơ mơ, miệng khô. Chị lấy tăm bông chấm nước, thấm nhẹ vào môi con, mỗi lần một chút như rưới mưa lên bãi đất nẻ. “Đau không?” “Có,” cậu thì thầm. “Đau thì ngủ đi,” chị nói, “Ngủ dậy sẽ bớt đau hơn.” Tôi

đứng ở cửa, học được một phương thuốc mới: câu nói của một người mẹ trong đêm.

**Past midnight, the boy stirred, lips dry. She dipped a cotton swab into water and brushed it gently over his mouth, each touch like rain on cracked earth. “Does it hurt?” “Yes,” he whispered. “Then sleep,” she said. “It hurts less when you wake.” From the doorway, I learned a new kind of medicine: the voice of a mother in the dark.**

Sáng hôm sau, khi làm thủ tục là đồng ý tiếp tục điều trị, chị lấy ra một cái bút nhỏ gắn bông hoa nhựa đỏ. “Của con em,” chị nói, “Nó bảo bút này ký sẽ hên.” Tôi nhìn bông hoa nhựa chao nhẹ dưới gió quạt, bỗng thấy một loại nghi lễ đẹp đẽ đang diễn ra giữa bao giấy tờ lạnh lùng.

**The next morning, when signing consent for continued treatment, she used a small pen topped with a red plastic flower. “It’s my son’s,” she said. “He says it brings luck.” The flower swayed softly in the fan’s**

**breeze. And for a moment, something sacred bloomed among the cold papers.**

Ngày thứ ba, cậu bé ngồi dậy, uống được vài ngụm sữa. Chị nhìn con ăn như nhìn một phép lạ. Trước khi tôi rời đi, chị gọi: “Bác sĩ.” Tôi quay lại. Chị nói: “Cảm ơn vì không làm em sợ.” Tôi giật mình. Tôi đâu có làm gì nhiều. Có lẽ sự bình tĩnh là thứ lan được, như mùi hành phi từ một quán bún nhỏ lan ra con ngõ.

**By the third day, the boy sat up and drank a little milk. She watched him as though witnessing a miracle. Before I left, she called out, “Doctor.” I turned. “Thank you for not making me afraid.” I froze. I hadn’t done much. Maybe calmness spreads, like the scent of fried shallots drifting from a small noodle stall down the alley.**

Tuần sau, họ xuất viện. Chị gói ghém đồ, cúi chào tất cả mọi người, từ bác sĩ, điều dưỡng đến bác bảo vệ và cô lao

công. Cậu bé ôm lấy tôi nhanh như sợ đổi ý, rồi buông ra, mắt lấp lánh. “Con qua được cây cầu rồi,” nó nói. Tôi cười: “Vì đầu kia có mẹ đợi con đó.”

**A week later, they were discharged. She packed their things and bowed to everyone: the doctors, the nurses, the guard, the cleaner. The boy hugged me quickly, as if afraid he’d change his mind, then stepped back, eyes bright. “I crossed the bridge,” he said. I smiled. “Because your mother was waiting on the other side.”**

Khi họ đi khỏi, tôi thu dọn phòng, nhìn lại cái ghế nơi chị ngồi cả đêm, nơi một người mẹ đã biến nỗi sợ thành lời ru. Tôi nghĩ, nếu có ai hỏi bệnh viện cần gì nhất ngoài thuốc men và máy móc, tôi sẽ nói: cần những người mẹ, những người biến phòng cấp cứu thành một nơi có thể thở.

**After they left, I tidied the room, looking at the chair where she had sat through the night where a mother had turned fear into a lullaby. If someone asked what a hospital needs most besides medicine and machines, I**

**would say: it needs mothers those who can turn an emergency room into a place where people can breathe.**

# 13. A Letter to Someone No Longer Here

Tôi viết bức thư này trong phòng trực nhỏ có cửa sổ nhìn ra mái ngói. Trời sắp mưa, những con chim liệng rất thấp. Bên cạnh là túi hồ sơ của một bệnh nhân đã mất, góc giấy nhăn vì tôi cầm quá chặt lúc ký giấy báo tử. Tên anh là Phước. Tôi không còn gặp anh nữa, nhưng có những câu cần nói ra kẻo chúng mắc lại trong cổ họng như hạt thóc sống.

**I am writing this letter in a small on-call room with a window that looks out over the tiled roof. Rain is coming. The birds fly low. Beside me lies the folder of a patient who didn’t make it, the paper wrinkled where I held it too tightly while signing the death report. His name was Phuoc. I will not see him again, but some words need to be spoken, or they will stay stuck in the throat like a grain of uncooked rice.**

Anh vào viện vì viêm tụy hoại tử. Cơ thể chống cự được hai ngày rồi buông. Hôm đầu, anh cười, bảo "Em đừng lo cho tôi, tôi chịu đau giỏi lắm." Tôi tin, vì đôi mắt anh gai góc như người đã qua nhiều chiến trường của đời nghèo. Nhưng sáng hôm sau, khi chỉ số xấu đồng loạt, tôi hiểu anh còn đau hơn lời nói của anh.

**He was admitted with necrotizing pancreatitis. His body fought for two days before giving in. On the first day, he smiled and said, "Don't worry, doctor. I can handle pain." I believed him, because his eyes had the toughness of someone who had crossed many battlefields of poverty. But the next morning, when every number on the monitor turned bad, I knew his pain was far beyond words.**

Tối đó, tôi về muộn, rửa tay lâu hơn thường lệ. Tôi nhìn mình trong gương, thấy một khuôn mặt mà tôi không thích lắm: lạnh lùng, lúng túng, mệt mỏi. Tôi tự nhủ "ngày mai sẽ ổn hơn", nhưng ngày mai lại không có cho anh. Khi tim

anh dừng, tôi nghe một khoảng trống rất rõ vang trong phòng, như âm ngân cuối cùng của một cây đàn đứt dây.

**That night I went home late and washed my hands longer than usual. In the mirror, I saw a face I didn't like cold, uncertain, exhausted. I told myself, "Tomorrow will be better." But tomorrow never came for him. When his heart stopped, a hollow sound echoed in the room, like the final note of a guitar string snapping.**

Tôi vẫn nghĩ, đáng lẽ tôi có thể làm khác đi: quyết đoán hơn, gọi thêm tư vấn, đẩy nhanh một thủ tục. Tôi sợ cảm giác ấy vì nó giống như rơi vào một cái giếng không đáy của sự dằn vặt. Hạnh đưa tôi một tờ khăn: "Đừng ngồi một mình trong cái giếng đó." Tôi cười buồn: "Giếng này sâu lắm." Cô nói: "Vậy thì hãy leo lên một sợi dây đi."

**I kept thinking I could have done something different: made a faster call, asked for another consult, pushed a form through sooner. That feeling is dangerous; it's**

**like falling into a bottomless well of self-blame. Hanh handed me a tissue. "Don't sit alone in that well," she said. I smiled weakly. "This one's deep." "Then climb up," she said, "even if it's just by a thread."**

Bức thư này là sợi dây đó, Phước ạ. Tôi muốn nói với anh rằng tôi đã làm hết những gì tôi biết vào lúc đó, với trái tim tôi có, với đôi tay này. Tôi cũng muốn nói với bản thân rằng "làm hết sức" không có nghĩa là "cứu được tất cả". Có những thất bại đến để nhắc ta về giới hạn và về sự thật rằng ta không phải Chúa.

**This letter is that thread, Phuoc. I want to tell you that I did everything I knew how to do with what I had, with the hands and heart I had. And I want to remind myself that doing my best doesn't always mean saving everyone. Some failures arrive only to remind us of our limits, and of the truth that we are not gods.**

Anh kể anh làm thợ hồ, có một đứa con gái lớp hai, rất thích vẽ. Bức tranh cuối cùng của con bé là một căn nhà có mái đỏ bốc khói. Tôi hỏi tại sao lại bốc khói, nó bảo "vì nhà em đang nấu canh." Câu trả lời khiến tôi ấm tới tận tối. Tôi muốn gửi bức thư này cho con bé, nhưng tôi sẽ không làm thế. Thư này dành hết cho tôi.

**You told me you worked as a mason, and that you had a daughter in second grade who loved to draw. Her last drawing was of a house with a red roof and smoke rising from it. When I asked why the smoke, she said, "Because we're cooking soup." That answer warmed me all evening. I wanted to send this letter to her, but I won't. This letter is for me.**

Trong thư, tôi viết: "Có một người đàn ông đã dạy tôi rằng lòng kiêu ngạo của thầy thuốc nguy hiểm như bất kỳ căn bệnh nào. Anh đã cho tôi thấy một sự tử tế bình thường: nói ít, chịu đựng, và cười khi có thể." Tôi viết thêm: "Tôi

sẽ mang tên anh đi qua vài ca mổ tới để tay tôi chậm lại nửa giây trước khi tôi quyết một điều gì đó.”

**In it, I wrote: “A man once taught me that a doctor’s pride can be as dangerous as any disease. He showed me the quiet kind of kindness: speaking little, enduring much, smiling when he could.” I added, “I’ll carry your name through a few more surgeries, to make my hands slow down half a second before I decide anything.”**

Mưa bắt đầu rơi. Trên mái ngói, nước gõ như tiếng móng tay gõ lên mặt gỗ. Tôi đặt bút xuống, mở cửa sổ cho mùi đất ẩm vào phòng. Tự nhiên tôi nghe tiếng thở dài của ai đó nhẹ như khói. Có thể tôi tưởng tượng. Nhưng tưởng tượng này thật tốt vì nó làm tôi bớt cô đơn với nghề.

**The rain began to fall. On the roof, water tapped like fingertips on wood. I put my pen down, opened the window, and let the scent of wet earth drift in. For a moment, I thought I heard a sigh soft as smoke. Maybe**

**I imagined it. But it was a good kind of imagining, because it made me feel less alone in this work.**

Tôi gấp thư lại, đặt vào túi hồ sơ, rồi nghĩ lại, rút ra, bỏ vào ngăn kéo bàn làm việc của mình. Đó là chỗ tốt hơn: để thỉnh thoảng tôi lôi ra đọc, vào những ngày tôi lại muốn trở thành một cỗ máy vô cảm cho đỡ mệt. Tôi muốn nhớ rằng, để chữa được người khác, đôi khi ta phải chữa cái lòng tự ái của chính mình.

**I folded the letter and slipped it into your file, then changed my mind and placed it in my desk drawer instead. That's a better place for it, somewhere I can pull it out and read again on the days I start turning into a machine. I want to remember that to heal others, sometimes you must first heal your own wounded pride.**

Ngày hôm sau, tôi gặp vợ anh ở hành lang khi chị đến nhận giấy tờ. Chị cảm ơn, cúi đầu rất thấp. Tôi nói: "Tôi

xin lỗi.” Chị khựng lại: “Bác sĩ đã làm hết rồi.” Tôi nhìn thấy thật nhiều đêm trắng trong đôi mắt đó. Tôi không biết nói gì thêm, chỉ chúc chị ngủ được vài tiếng. Chị gật: “Em sẽ cố.”

**The next day, I met your wife in the hallway. She came to collect the papers. She thanked me and bowed deeply. “I’m sorry,” I said. She paused. “You did everything you could.” In her eyes I saw many sleepless nights. I didn’t know what else to say, so I told her, “Try to sleep a little.” She nodded. “I’ll try.”**

Đêm, tôi đọc lại thư một lần nữa. Tôi thêm vào dòng cuối: “Cảm ơn vì đã xuất hiện trong bệnh viện của tôi như một người thầy không đứng trên bục.” Rồi tôi tắt đèn, nhìn mưa rơi thẳng xuống chỗ cây bàng non mới trồng ở sân sau. Tôi nghĩ mai trời sẽ mát. Mai tôi sẽ mổ với cảm giác bình tĩnh hơn một chút. Và bức thư này sẽ còn đó, như một sợi dây mảnh giữ tôi khỏi rơi.

**That night, I read the letter again and added one last line: “Thank you for appearing in my hospital as a teacher who never needed a stage.” Then I turned off the light and watched the rain fall straight onto the young almond tree in the yard. Tomorrow, the air will be cool. Tomorrow, I will operate again calmer, steadier. And the letter will remain, a fragile thread keeping me from the fall.**

# 14. The Truth Behind the Diagnosis

Cô gái ngồi trước mặt tôi mới ngoài ba mươi. Kết quả sinh thiết lặng lẽ nằm trong phong bì trắng trên bàn, nặng như một viên đá tròn. Tôi đã đọc nó mười phút trước, đo từng chữ như đo từng nhịp tim. Không còn điều gì để hoài nghi: ung thư, cần điều trị sớm. Tôi nhìn cô và thấy một người đang chờ nghe một câu nói sẽ thay đổi cấu trúc của cuộc đời.

**The woman sitting across from me was barely in her thirties. The biopsy result lay quietly in a white envelope on the desk, heavy as a round stone. I had read it ten minutes earlier, weighing each word like a heartbeat. There was no room for doubt: cancer, early stage, treatment needed soon. I looked at her and saw someone waiting to hear a sentence that would change the structure of her life.**

Câu hỏi không phải là có nói thật hay không. Câu hỏi là nói thế nào để sự thật không biến thành cái búa đập nát phần còn lại. Tôi nhớ người thầy dạy tôi: "Sự thật là thuốc đắng. Nhưng thuốc đắng cũng cần nước ấm." Tôi rót một ly nước, đẩy về phía cô, như rót cho chính mình.

**The question wasn't whether to tell the truth. The question was how to speak it so the truth wouldn't crush what was still whole. I remembered what my teacher once said: "Truth is bitter medicine. But even bitter medicine needs warm water." I poured a glass of water and slid it toward her, as if I were offering it to myself.**

"Chị muốn em nói thẳng," cô bảo, "Chị chịu được." Tôi tin và không tin. Không ai "chuẩn bị" cho những chữ này. Tôi nói chậm, cố giữ khoảng trắng giữa các câu: "Kết quả cho thấy… có tế bào ác tính. Giai đoạn còn sớm. Chúng ta có cơ hội điều trị tốt. Chị sẽ không phải đi một mình." Tôi

nghe giọng mình dịu đi, như một chiếc chăn mỏng trải lên tấm kính lạnh.

**“Tell me plainly,” she said. “I can take it.” I believed her, and I didn’t. No one is ever ready for these words. I spoke slowly, leaving space between the sentences. “The result shows... malignant cells. The stage is still early. We have good options for treatment. You won’t go through this alone.” I heard my own voice soften, like a thin blanket laid over cold glass.**

Cô nắm ly nước, không uống. Mắt cô nhìn xuống bàn, như tìm một cái gì đó để neo vào. “Bao lâu?” cô hỏi. Tôi trình bày phác đồ: phẫu thuật, hóa trị một số chu kỳ, tiên lượng. Cô gật từng chút, tay vẫn nắm ly. “Chị còn con nhỏ,” cô nói. Tôi đáp: “Vì con, mình sẽ đi hết lộ trình.”

**She held the glass of water but didn’t drink. Her eyes dropped to the table, as if searching for something to anchor to. “How long?” she asked. I explained the plan: surgery, chemotherapy, several cycles, prognosis.**

**She nodded slowly, still holding the glass. “I have a young child,” she said. “Then,” I replied, “we’ll walk through every step, for your child.”**

Bên ngoài, tiếng xe cứu thương hú qua, chói mà xa. Trong phòng, chúng tôi ngồi như hai người trong một nhà thờ nhỏ, thỉnh thoảng nói một câu như một lời cầu. Tôi đưa cô một tờ giấy ghi các bước tiếp theo, địa chỉ khoa ngoại, số điện thoại điều dưỡng điều phối. Tôi dặn: “Đừng đọc tất cả trong một lần. Hãy đọc từng phần một.”

**Outside, an ambulance wailed past, sharp but distant. Inside, we sat like two people in a small chapel, speaking now and then as if saying prayers. I handed her a sheet listing the next steps, the surgical department, the coordinator’s phone number. “Don’t read it all at once,” I told her. “Read it piece by piece.”**

Khi cô đứng dậy, tôi nói: “Nếu chị cảm thấy muốn khóc, cứ khóc.” Cô bật cười: “Em tưởng bác sĩ sẽ bảo em phải

mạnh mẽ chứ.” Tôi cũng cười: “Khóc cũng là một kiểu mạnh mẽ.” Cô gật, đi ra. Tôi nhìn theo, thấy lưng cô thẳng. Có lẽ vì cô không còn phải đoán. Sự thật đã vào phòng, ngồi xuống, lấy một chỗ trên ghế; bởi vậy, nó bớt đáng sợ.

**When she stood to leave, I said, “If you feel like crying, cry.” She laughed. “I thought doctors would tell me to be strong.” I smiled. “Crying is one way to be strong.” She nodded and walked out. Her back was straight. Perhaps because she no longer had to guess. The truth had entered the room, sat down, and taken a chair. That made it less frightening.**

Chiều, tôi nhận được một tin nhắn: “Cảm ơn bác sĩ đã nói rõ. Em sợ mơ hồ hơn sợ bệnh.” Tôi đọc vài lần. Mơ hồ đúng là một căn bệnh. Nó làm người ta lang thang trong những hành lang không có cửa. Sự thật, dù đắng, ít nhất là một cánh cửa mở ra để người ta biết đi vào, biết đi qua, biết đau ở đâu và bao lâu thì dịu.

**That afternoon, a message arrived on my phone: "Thank you for being honest. I'm more afraid of not knowing than of being sick." I read it several times. Uncertainty is an illness too. It makes people wander through corridors with no doors. Truth, even when bitter, is at least a door, something to open, to walk through, to know where it hurts and when it might ease.**

Trong buổi họp, có người hỏi: "Có nên nói bớt đi cho bệnh nhân đỡ sốc?" Tôi trả lời: "Nếu nói bớt đi tức là ta đang tước đi của họ quyền chuẩn bị." Chúng tôi tranh luận một lúc, rồi tạm thống nhất: không né, không phũ; nói đủ, bằng ngôn ngữ người nghe hiểu, và có mặt ở đó sau khi nói. Bởi ý nghĩa của sự thật phụ thuộc rất nhiều vào người trao nó như thế nào.

**During a meeting, someone asked, "Should we tell patients less, so they're not shocked?" I said, "If we tell them less, we take away their right to prepare." We**

**argued for a while and finally agreed: don’t hide, don’t strike. Speak fully, in language they can understand, and stay after you’ve said it. Because the meaning of truth depends on how it is given.**

Tuần sau, cô trở lại với chồng. Anh nắm tay cô chặt tới mức trắng đầu ngón. Tôi giải thích lại. Anh hỏi nhiều, giọng gay gắt. Tôi để anh hỏi đến khi giọng anh mệt. Rồi tôi bảo: “Mình mệt cũng được, miễn đừng bỏ nhau.” Anh cúi đầu. Cô xiết tay anh. Tôi đo nhịp tim của cả hai bằng mắt: nhanh, nhưng đồng bộ.

**A week later, she came back with her husband. He held her hand so tightly his knuckles turned white. I explained again. He asked many questions, his voice sharp. I let him speak until his anger tired. Then I said, “It’s okay to be tired. Just don’t let go of each other.” He lowered his head. She squeezed his hand. I could see both their pulses with my eyes: fast, but in sync.**

Ngày phẫu thuật, tôi gặp cô ở cửa phòng. Cô mỉm cười, mắt đã khô. Tôi hỏi: “Sẵn sàng chưa?” Cô nói: “Không ai đủ sẵn sàng cả. Nhưng em sẽ đi.” Tôi gật, giơ tay chạm tay cô. Chạm để truyền nhiệt, để nhắc rằng sự thật không phải là vết chém ngang đời sống; nó là con đường mà ta cùng nhau đi từng đoạn, với những biển báo rõ ràng.

**On the day of surgery, I met her by the operating room. She smiled, her eyes dry. “Ready?” I asked. “No one’s ever ready,” she said. “But I’ll go.” I nodded and touched her hand. To pass warmth. To remind her that truth isn’t a cut across life; it’s a road we walk together, one step at a time, with signs that tell us where we are.**

Khi mọi việc xong xuôi, tôi ra khỏi phòng, gửi tin cho chồng cô: “Ổn.” Chỉ duy nhất một chữ như vậy. Đôi khi người ta chỉ cần một chữ như thế để ghép lại buổi chiều đã vỡ. Cuối ngày, tôi viết vào sổ tay của mình: “Nói thật, nhưng đừng để người ta ở lại một mình với sự thật.” Đó là

công việc khó nhất, và cũng là lý do khiến tôi còn muốn ở đây thêm nhiều năm nữa.

**When it was over, I stepped out and sent a message to her husband: “Stable.” Just one word. Sometimes one word is enough to mend a broken afternoon. At the end of the day, I wrote in my notebook: “Tell the truth, but never leave someone alone with it.” That is the hardest part of this work. And it is also the reason I still want to stay here for many years to come.**

# 15. The Child in the Recovery Room

Phòng hồi sức bây giờ yên như một bức tranh. Chỉ có tiếng máy thở đều đặn, ánh đèn trắng và những đường ống như những nhánh sông vô hình chảy vào cơ thể nhỏ bé nằm trên giường. Con bé tên Linh, tám tuổi, nằm đó đã bốn ngày. Mẹ con bé, một phụ nữ tóc cắt ngang vai, ngủ gặt trên ghế, mỗi lần tiếng máy đổi nhịp là lại bật dậy nhìn.

**The recovery room was as quiet as a painting. Only the steady rhythm of the ventilator, the white light, and the lines of tubing that flowed into the small body on the bed like invisible rivers. Her name was Linh, eight years old. She had been lying there for four days. Her mother, a woman with shoulder-length hair, slept in a chair beside her. Each time the machine changed its tone, she startled awake.**

Ngày thứ năm, tôi vào, đứng ở cuối giường, nhìn những con số xanh trên màn hình. Tôi nói nhỏ với Linh, dù biết

con bé không nghe: “Chào con.” Tay con bé đặt ngoài tấm chăn, ngón tay hơi cong. Tôi đưa tay lại gần, không chạm, như sợ làm rơi thứ gì mong manh. Bất chợt, ngón trỏ con bé khẽ cử động rồi nắm vào không khí.

**On the fifth day, I came in and stood at the foot of the bed, watching the green numbers on the monitor. I spoke softly, though I knew she couldn’t hear me. “Hello, Linh.” Her hand rested outside the blanket, fingers slightly curled. I moved mine closer but didn’t touch, afraid of breaking something fragile. Then, suddenly, her index finger twitched and curled into the air.**

Tôi tưởng mình nhìn nhầm. Tôi đưa tay gần hơn. Bàn tay nhỏ xíu nắm lấy ngón tay tôi, rất chậm, như một cánh hoa khép lại. Tôi ngừng thở. Tôi gọi điều dưỡng. “Em ơi,” tôi nói khẽ, “bé Linh nắm tay thầy.” Hạnh vào, mắt mở to. “Gọi mẹ bé,” tôi thì thầm. Mẹ Linh chạy vào, tay run, nước mắt trào ra như ai mở vòi.

**I thought I imagined it. I moved my hand closer. Her tiny hand closed slowly around my finger, like a flower folding its petals. I stopped breathing. I called the nurse. "Hanh," I whispered, "she's holding my hand." Hanh came in, eyes wide. "Call her mother," I said. The woman rushed in, trembling, tears spilling as if someone had turned on a tap.**

Chúng tôi đứng nhìn một điều kỳ diệu diễn ra rất nhỏ. Không có nhạc nền, không có ánh sáng sân khấu, chỉ có một bàn tay nắm một bàn tay. Tôi nói với mẹ bé: "Nói với con đi chị." Chị cúi xuống, áp má vào bàn tay kia: "Con ơi, về nhà đi. Nhà còn con mèo Mướp đợi." Tôi thấy ngực Linh phập phồng sâu hơn, màn hình nhấp nháy nhịp đẹp.

**We stood and watched a small miracle unfold. No music, no spotlight, just one hand holding another. I said to her mother, "Talk to her." She bent down, pressing her cheek against that small hand. "Come home, my love," she said softly. "Mướp the cat is**

**waiting.” I saw Linh’s chest rise deeper, the monitor glowing with a steadier rhythm.**

Tôi không biết y học giải thích thế nào về những khoảnh khắc như thế. Có thể là phản xạ, có thể là một cú hích của hệ thần kinh đang hồi tỉnh. Nhưng tôi biết chắc là khoảnh khắc ấy đã cứu không chỉ Linh, mà cứu cả chúng tôi khỏi sự mệt mỏi vô nghĩa. Nó như một bông hoa nở trong căn phòng trắng.

**I don’t know how medicine explains moments like that. Maybe a reflex, maybe a spark of the nervous system waking up. But I know that moment saved not only Linh, but all of us from the weight of our own exhaustion. It was like a flower blooming in a white room.**

Tối đó, chúng tôi điều chỉnh thuốc, bớt dần liều an thần. Linh mở mắt chớp chớp, nhìn quanh như một con chim bị lạc vào gác xép. Mẹ bé bật khóc, còn tôi cười to hơn mọi

khi. “Bác sĩ cười kìa,” Hạnh trêu, “Hiếm lắm.” Tôi bảo: “Hiếm nhưng đáng.”

**That night we reduced the sedatives. Linh opened her eyes, blinking, looking around like a bird lost in an attic. Her mother burst into tears. I laughed louder than usual. “Doctor’s laughing,” Hanh teased. “That’s rare.” I said, “Rare, but worth it.”**

Ngày thứ bảy, Linh thì thầm được vài chữ: “Mướp đâu?” Cả phòng cười. Mẹ bé đưa điện thoại mở ảnh con mèo, Linh nhìn say mê như nhìn một bộ phim bom tấn. Tôi hỏi: “Con nhớ tên bác sĩ không?” Linh lắc đầu. “Không cần,” tôi nói, “Con nhớ mở mắt là được.” Con bé gật như hiểu một hiệp ước đơn giản.

**On the seventh day, Linh whispered a few words: “Where’s Mướp?” The whole room laughed. Her mother showed her a photo of the cat, and Linh stared at it like it was a blockbuster movie. I asked, “Do you remember my name?” She shook her head. “That’s**

**okay," I said. "Just remember to open your eyes." She nodded, as if agreeing to a simple pact.**

Khi Linh chuyển ra phòng thường, điều dưỡng đem tặng con bé một con búp bê nhỏ. Linh nhận, nhưng nắm chặt tay mẹ không buông. Tôi đứng ở cửa rất lâu, không muốn làm giây phút ấy ồn. Mỗi nghề có những phần thưởng riêng. Phần thưởng của chúng tôi là nhìn một bàn tay từng lạnh băng bỗng ấm lên, và nhớ lại vì sao mình đã chọn đứng ở đây.

**When Linh moved to a regular ward, the nurses gave her a small doll. She took it, but still clung tightly to her mother's hand. I stood at the door for a long time, unwilling to disturb the moment. Every profession has its own reward. Ours is to see a hand once cold turn warm again and to remember why we chose to stand here.**

Trước khi về, tôi ghé lại giường cũ của Linh, nơi tấm trải đã được thay mới. Tôi đặt tay lên thanh giường thép, lạnh. Tôi thì thầm: "Cảm ơn." Hạnh nhìn tôi cười: "Thầy nói chuyện với giường à?" Tôi gật: "Ừ. Vì nó đã giữ một điều kỳ diệu mà tôi sợ quên."

**Before leaving, I went back to Linh's old bed, where the sheet had been changed. I placed my hand on the metal rail, cool under my palm. "Thank you," I whispered. Hanh saw me and laughed. "Talking to the bed, doctor?" I nodded. "Yes. Because it held a miracle I don't want to forget."**

Đêm, tôi nằm và nghĩ về cái nắm tay. Tôi nhớ đến những lần mình nắm tay ai đó: người yêu, mẹ, bạn, và cả người sắp đi xa. Tất cả những cái nắm tay đều nói cùng một thứ ngôn ngữ: "Đừng một mình." Hóa ra, đối với một đứa trẻ trong phòng hồi sức và đối với cả một bác sĩ mệt mỏi, lời nhắn đó vẫn là liều thuốc tốt nhất.

**That night, I lay awake thinking about that hand. I remembered the times I had held someone else's: lovers, my mother, friends, the dying. All those hands spoke the same language: You're not alone. And maybe for a child in the recovery room and for a weary doctor that message is still the best medicine there is.**

# 16. The Hospital for the Healthy

Hôm đó, tôi mơ thấy một bệnh viện kỳ lạ: tất cả bệnh nhân đều khỏe mạnh. Họ đi qua cổng an ninh, nụ cười tươi, chỉ số hoàn hảo. Họ không cần thuốc, không cần mổ. Họ đến để kiểm tra một thứ khác: trái tim của họ có còn biết đau không, và đôi mắt của họ có còn biết nhìn ai đó ngoài bản thân không.

**That night, I dreamed of a strange hospital where every patient was healthy. They walked through the security gate smiling, their numbers perfect. They needed no medicine, no surgery. They came to be examined for something else: whether their hearts could still feel pain, and whether their eyes could still see someone other than themselves.**

Khoa cấp cứu trong giấc mơ trống trơn. Thay vào đó là một căn phòng lớn đặt tên "Phòng đo lường đồng cảm". Mỗi người vào sẽ đeo một chiếc vòng. Vòng ấy nhấp nháy

khi họ thấy người khác khó khăn. Có người đi qua một bà lão mang túi nặng mà vòng vẫn tắt. Có người nhìn thấy một đứa trẻ ngã mà vòng vẫn lạnh. Họ được chẩn đoán: "Suy giảm cảm nhận."

**The emergency ward in my dream was empty. In its place stood a large hall called The Empathy Measurement Room. Each visitor wore a small bracelet that blinked whenever they noticed someone struggling. Some passed an old woman carrying heavy bags and their bracelets stayed dark. Some saw a child fall and the light remained cold. Their diagnosis: "diminished perception".**

Có một khu nữa tên "Khu tập nói sự thật." Ở đó, người ta học cách nói một câu khó nghe mà vẫn giữ nguyên lòng tôn trọng. Mỗi người đứng trước gương, tập nói: "Tôi xin lỗi," "Tôi sai," "Tôi không biết," "Tôi cần giúp." Một số người nói trôi chảy. Một số người cứng lưỡi, đỏ mặt, đổ mồ hôi như đang sốt cao.

**Another wing was called The Truth-Telling Unit. There, people practiced saying difficult sentences without losing respect. Each stood before a mirror, repeating: "I'm sorry." "I was wrong." "I don't know." "I need help." Some said the words fluently. Some stammered, flushed, and sweated as if running a fever.**

Trong khu hồi sức, người ta không hồi sức cho phổi hay tim, mà cho ký ức. Những ký ức đó từng bị phủ bụi bởi bận rộn và tự vệ. Điều dưỡng lau chùi nhẹ nhàng, như lau một bức ảnh cũ. Khi ký ức hiện ra, có người bật khóc, có người bật cười, có người gọi điện cho một người đã lâu không gọi.

**In the recovery ward, patients were not healing lungs or hearts, but memories, the ones buried under busyness and self-defense. Nurses cleaned them gently, like wiping dust from an old photograph. As the memories cleared, some people cried, some laughed,**

**some picked up the phone to call someone they hadn't spoken to in years.**

Tôi đi ngang qua một phòng khác, bảng ghi "Điều trị cơn giận âm ỉ". Bên trong, người ta học cách đặt một khoảng lặng vào giữa phản xạ và phản ứng. Trên tường treo một tấm bảng: "Khoảng lặng, liều thuốc không kê." Bác sĩ ở đó kê đơn rất kỳ lạ: đi bộ 20 phút mỗi ngày, nhìn trời 5 phút, ôm một người 30 giây, nói lời tử tế ít nhất một lần.

**I walked past another sign: Treatment for Silent Anger. Inside, people learned to place a pause between reflex and reaction. On the wall hung a board: "The Pause, A Non-Prescription Drug." The doctor there prescribed curious remedies: walk twenty minutes a day, look at the sky for five, hug someone for thirty seconds, say one kind thing daily.**

Trong giấc mơ, tôi đeo bảng tên "Bác sĩ học việc". Tôi đi theo một bác sĩ già. Ông chỉ từng người và nói chẩn đoán

nhỏ như thì thầm: "Đây là ca 'khinh thường đám đông', kia là ca 'kiệt quệ vì so sánh', kia nữa là 'nghiện lời khen'." Tôi hỏi: "Thuốc gì cho họ?" Ông đáp: "Vừa thuốc, vừa việc." Tôi không hiểu. Ông giải thích: "Thuốc là nhận ra. Việc là làm lại."

**In the dream, I wore a badge that read Resident Doctor. I followed an old physician through the corridors. He pointed at people, whispering their diagnoses: "This one suffers from contempt for crowds." "That one is exhausted by comparison." "And that one addicted to praise." "What's the treatment?" I asked. "Medicine and work," he replied. "I don't understand." He smiled. "Medicine is awareness. Work is doing it again."**

Cuối hành lang là "Phòng mổ niềm tin". Ở đó, những niềm tin méo mó như "Tôi vô dụng", "Thế giới chống lại tôi", "Chỉ người mạnh mới sống sót" được tháo ra như tháo một cái đinh đóng sai. Phẫu thuật viên làm rất chậm, đặt vào đó

những mảnh ghép khác: “Tôi có giá trị”, “Người khác cũng sợ”, “Tử tế là một sức mạnh.”

**At the end of the corridor was the Operating Room of Beliefs. There, distorted beliefs like “I’m useless.” “The world is against me.” “Only the strong survive.” were removed like nails driven in the wrong place. The surgeons worked slowly, replacing them with gentler truths: “I have worth.” “Others are afraid too.” “Kindness is a kind of strength.”**

Khi tôi chuẩn bị rời bệnh viện kỳ lạ ấy, bác sĩ già hỏi: “Cậu có muốn ở lại làm không?” Tôi ngập ngừng: “Tôi vẫn còn bệnh viện cũ.” Ông mỉm cười: “Thì mang vài khoa ở đây qua bên đó.” Tôi thức dậy, trời đã sáng, đồng hồ báo giờ vào viện. Tôi đứng dậy, cảm giác như vừa quay về từ một chuyến công tác xa.

**As I was leaving that strange hospital, the old doctor asked, “Would you like to stay and work here?” I hesitated. “I still have my hospital.” He smiled. “Then**

**take a few of our departments with you." I woke up. The sky was bright. The clock said it was time for morning rounds. I stood up feeling as if I had just returned from a long journey abroad.**

Trong ngày, tôi thử mang "khoảng lặng" vào một ca cãi vã giữa người nhà bệnh nhân và điều dưỡng: tôi đứng giữa, thở chậm, nói: "Mình cùng dừng lại một phút được không." Một phút ấy đủ để giọng nói nhỏ lại. Tôi thử mang "phòng mổ niềm tin" vào một cuộc gặp: nói với một bệnh nhân rằng cô không vô dụng vì đang yếu, và việc nhờ giúp không làm ai khác nhỏ đi.

**That day, I tried to bring a pause into an argument between a patient's family and a nurse. I stood between them and said, "Let's stop for one minute." That one minute was enough for the voices to soften. I brought the Operating Room of Beliefs into another encounter, telling a patient she wasn't useless for being weak, and that asking for help didn't make anyone smaller.**

Buổi chiều, tôi viết lên bảng ghi chú ở phòng trực: "Khoảng lặng, liều thuốc không kê." Hạnh đọc, cười: "Thầy lại thơ nữa." Tôi bảo: "Thuốc này rẻ." Cả phòng bật cười. Nhưng tối đó, tôi thấy mọi người đi chậm hơn, nói chậm hơn một chút. Có lẽ giấc mơ đã rơi vài giọt xuống đời thật.

**In the afternoon, I wrote on the whiteboard in the on-call room: "The Pause, A Non-Prescription Drug." Hanh read it and laughed. "You're being poetic again, doctor." I said, "This one's cheap." The whole room laughed. But that night, people moved a little slower, spoke a little softer. Maybe a few drops of the dream had spilled into real life.**

Trước khi về, tôi đứng ở cửa sổ nhìn xuống sân. Bác bảo vệ giúp một bà cụ nâng túi gạo lên xe. Chiếc vòng trong giấc mơ của tôi nhấp nháy đâu đó trong tim. Tôi nghĩ, bệnh viện của những kẻ khỏe mạnh không ở đâu xa. Nó ở

ngay trong này, nơi mỗi người quyết định chỉnh lại một nút âm lượng rất nhỏ của lòng mình.

**Before going home, I stood by the window and looked down at the courtyard. The guard was helping an old woman lift a bag of rice onto her bike. Somewhere inside my chest, the bracelet from the dream began to blink. I thought, The hospital for the healthy isn't far away at all. It's right here, inside each of us, where we decide to turn up the smallest volume of the heart.**

# 17. The Light at the End of the Hallway

Cụ ông tên Độ, tám mươi mốt tuổi, nhập viện vì suy tim giai đoạn cuối. Ông nhỏ người, da mỏng như giấy dó, mạch máu nổi như những con suối nhỏ. Ông không hỏi nhiều. Mỗi chiều, ông xin điều dưỡng đẩy xe ra gần cửa sổ cuối hành lang để "ngắm ánh đèn". Ở đó có một bóng đèn vàng cũ kỹ, ánh sáng đổ xuống nền gạch thành một đốm tròn ấm áp.

**Mr. Do, eighty-one years old, was admitted with end-stage heart failure. He was small, his skin thin as rice paper, veins raised like little streams. He didn't ask many questions. Every afternoon, he asked the nurses to wheel him to the window at the end of the hallway so he could "watch the light." There was an old yellow bulb there, its glow pooling on the tile floor in a soft, round circle.**

“Tại sao lại là cái đèn đó, cụ?” tôi hỏi. Ông cười: “Vì nó không thay đổi.” Tôi nhìn đốm sáng vàng, nghĩ về bao thứ đổi thay trong viện: kíp trực, phác đồ, chính sách. Quả thật, cái đèn ấy ít nhất cho ta một thứ cố định để ngồi nhìn.

**“Why that light, sir?” I asked. He smiled. “Because it doesn’t change.” I looked at the circle of light and thought about how everything else in the hospital changed: the shifts, the protocols, the policies. That light, at least, offered one steady thing to look at.**

Một tối, khi tôi đi ngang, thấy ông thì thầm: “Chờ tôi một chút.” Tôi tưởng ông nói với tôi, nhưng ông đang nói với ánh sáng. “Chờ tôi, tôi đi chậm.” Tôi đứng lại, thấy cổ họng mình nghèn nghẹn. Tôi ngồi xuống ghế cạnh ông. “Cụ à,” tôi nói, “Nếu mệt, mình quay về phòng.” Ông lắc đầu: “Tôi muốn nhớ cảm giác này.”

**One evening, as I passed by, I heard him whisper, “Wait for me.” I thought he was talking to me, but he was speaking to the light. “Wait for me, I’m walking**

**slowly.” I stopped, my throat tightening. I sat down beside him. “Sir,” I said, “if you’re tired, let’s go back to your room.” He shook his head. “I want to remember what this feels like.”**

Ông kể về những đêm chèo thuyền sông Hồng, ánh đèn trên bờ xa như những con đom đóm to. Ông kể về lần đầu gặp bà cụ bán chè lam, đứng dưới ngọn đèn công tắc lắc lư như một ngôi sao rơi. “Chúng tôi cưới nhau dưới một bóng đèn vàng,” ông cười, “cũng run như đèn.”

**He told me about nights rowing on the Red River, the lights onshore glimmering like giant fireflies. He told me about meeting his wife for the first time. She was selling sweet rice cakes under a flickering streetlamp that looked like a falling star. “We got married under a yellow bulb,” he said, laughing. “It trembled, just like we did.”**

Ngày hôm sau, sức ông yếu hơn. Điều dưỡng khuyên không nên ra hành lang lâu. Ông gật, nhưng mắt vẫn hướng về phía cuối dãy. Chiều, tôi đẩy xe cho ông ra đó vài phút. Ông thở khò khè, mắt vẫn sáng. “Tôi đang học cách đi về phía ánh đèn,” ông nói. “Không phải để biến mất, mà để không sợ.”

**The next day, he was weaker. The nurses advised against letting him stay out long. He nodded but kept looking toward the end of the hallway. That afternoon, I wheeled him there myself for a few minutes. He breathed heavily, but his eyes were bright. “I’m learning how to walk toward the light,” he said. “Not to disappear, just not to be afraid.”**

Tối, tôi xin kỹ thuật kiểm tra bóng đèn. Họ ngạc nhiên: “Sao bác sĩ quan tâm bóng đèn vậy?” Tôi chỉ cười: “Vì có một người đang cần nó.” Họ siết lại chụp, lau kính đèn, ánh sáng vàng ấm hơn một chút. Hạnh nhéo tay tôi: “Thầy lãng mạn quá.” Tôi đáp: “Thỉnh thoảng cũng cần.”

**That night, I asked the technicians to check the bulb. They looked surprised. “Why does the doctor care about a light?” I smiled. “Because someone needs it.” They tightened the socket, cleaned the glass. The glow was warmer afterward. Hanh nudged my arm. “You’re getting sentimental, doctor.” “Sometimes it’s allowed,” I said.**

Đêm kỳ cuối, ông mệt nhiều, mồ hôi ướt trán. Tôi ngồi cạnh, cầm tay ông. Ông hỏi: “Cái đèn còn sáng không?” Tôi nói: “Còn.” Ông bảo: “Tốt. Vậy tôi đi theo nó.” Ông nhắm mắt, môi mấp máy như đọc một câu kinh. Tôi nghe tim mình chậm lại, như nhường chỗ cho một nhịp khác, nhịp của thứ gì đó lớn hơn chúng tôi.

**On his last night, his breathing grew shallow, sweat damp on his forehead. I sat beside him, holding his hand. “Is the light still on?” he asked. “It is,” I said. “Good,” he whispered. “Then I’ll follow it.” He closed his eyes, lips moving like in prayer. My own heartbeat**

**slowed, as if making room for another rhythm, something larger than both of us.**

Sau khi ông đi, tôi đi xuống cuối hành lang, đứng dưới ánh đèn vàng. Tôi tưởng sẽ buồn, nhưng lạ thay, tôi thấy bình yên. Ánh sáng đổ trên sàn như một chiếc thảm nhỏ. Tôi đứng đó rất lâu, như đứng ở cửa nhà ai đó, chờ người ta mời vào. Rồi tôi quay về, mang theo một ít ấm áp trong áo blouse lạnh.

**After he was gone, I walked to the end of the hallway and stood beneath the yellow light. I expected to feel sad, but instead there was peace. The glow spread on the floor like a small rug. I stood there for a long time, as if waiting at someone's doorstep, expecting to be invited in. Then I turned back, carrying a little warmth inside my cold white coat.**

Ngày hôm sau, con gái ông đến nhận đồ. Cô cầm bóng đèn trong tay, nói: "Bố em dặn, nếu được, xin bệnh viện cho

em mang cái bóng đèn này về.” Tôi nhìn kỹ thuật, anh gật: “Được.” Tôi tháo bóng, đặt vào tay cô. Cô ôm như ôm một vật linh thiêng. “Em sẽ để nó ở phòng khách,” cô nói, “bật mỗi tối.”

**The next day, his daughter came to collect his belongings. She held the lightbulb in her hands and said, “My father asked if the hospital could let me have it.” I looked at the technician. He nodded. “Of course.” I unscrewed the bulb and placed it in her palms. She held it as if it were sacred. “I’ll keep it in our living room,” she said. “I’ll turn it on every night.”**

Tối đó, tôi về nhà, tắt hết đèn, chỉ chừa một ngọn vàng nhỏ. Ánh sáng đổ thành một đốm tròn trên sàn, giống hệt ở bệnh viện. Tôi ngồi vào đốm sáng, hiểu rằng, đôi khi điều chúng ta cần không phải là câu trả lời, mà là một ngọn đèn đứng yên để ta kịp thở, kịp nhớ, kịp đi chậm về phía trước mà không còn cảm thấy đáng sợ nữa.

**That evening, I went home and turned off all the lights except one small yellow lamp. Its glow pooled on the floor, just like in the hospital. I sat inside the circle of light and realized that sometimes what we need most isn’t an answer, but a light that stays still so we can breathe, so we can remember, so we can walk slowly forward, without fear.**

# 18. The Midnight Surgery

Điện thoại reo lúc 0:47. Ca vỡ tạng do tai nạn, huyết động dao động, cần vào mổ ngay. Tôi mặc áo, chạy như nuốt cầu thang. Phòng mổ mở đèn trắng, những cái bóng đổ dài như sợi dây thừng trên sàn. Kíp đã sẵn, không ai nói những câu dư thừa. Chúng tôi trượt vào vị trí như những mảnh ghép đã thuộc lòng nhau.

**The phone rang at 12:47 a.m. A ruptured organ from a traffic accident, unstable vitals, surgery needed immediately. I put on my coat and ran down the stairs. The operating room was bright white, shadows stretching long across the floor like ropes. The team was ready. No one said anything unnecessary. We moved into position like pieces of a puzzle that already knew where they belonged.**

Khi mở bụng, máu trào nóng. Mọi động tác đi vào chế độ “ít từ nhiều dấu”: ít nói, nhiều dấu hiệu bằng mắt, bằng

tay. Tôi kẹp, đồng nghiệp hút, điều dưỡng chuyền, gây mê giữ nhịp. Có những phút mọi thứ buộc phải trở thành bản năng của sự luyện tập. Chúng tôi cứu một mạng người không tên, không quá khứ, không tương lai, chỉ có hiện tại cháy như đèn khẩn cấp.

**When the abdomen opened, hot blood poured out. Every move switched into the mode of few words, many signs: few words, many signals through eyes and hands. I clamped, my colleague suctioned, the nurse transfused, anesthesia held the rhythm. For a few minutes everything became pure instinct, the kind that is built from repetition. We were saving a person with no name, no past, no future, only a present burning like an emergency light.**

Ổn định dần. Tôi khâu mũi cuối. Gần hai giờ rưỡi. Khi rửa tay, trưởng tua gõ nhẹ vai tôi: “Tốt lắm.” Tôi gật. Ra phòng chờ, một người đàn ông đứng bật dậy. Anh trẻ, tóc cạo sát. Khi thấy tôi, anh khựng lại, mắt mở to. Tôi cũng

khựng vì đó là người từng hành hung tôi cách đây hai năm, trong một vụ xô xát ở cổng viện khi say rượu.

**Gradually the bleeding slowed. I tied the last stitch. It was almost 2:30. When I washed my hands, the lead surgeon tapped my shoulder. "Good job." I nodded. In the waiting area, a man jumped to his feet. He was young, hair cropped short. When he saw me, he froze. I froze too, because I recognized him. Two years ago he had assaulted me at the hospital gate after a drunken fight.**

Anh không nhận ra tôi ngay. Tôi nhận trước. Tôi nhìn anh, nhìn người trên giường cáng, em trai anh. Một giây trôi qua dài như một sợi dây cáp. Tôi thấy trong đầu mình xuất hiện một ý nghĩ chớp nhoáng: "Bỏ mặc." Ý nghĩ đến rồi đi. Nó như một bóng chim bay ngang bầu trời chứ không phải bầu trời.

**He did not recognize me at first. But I did. I looked at him, then at the man on the stretcher, his younger**

**brother. One second passed, long as a steel cable. A thought flickered through my head: *Leave him*. The thought came and went. It was a bird crossing the sky, not the sky itself.**

“Tình trạng tạm ổn,” tôi nói, giọng đều. Anh gật, nước mắt bất ngờ trào. “Cảm ơn bác sĩ.” Tôi nhìn thấy đôi tay anh run, khác hẳn đôi tay đã từng nắm cổ áo tôi kéo xuống bậc thềm. Tôi thấy một con người khác, đúng hơn là cùng con người nhưng ở một trạng thái khác. Tôi gật, không nói thêm, vì không có câu nào đủ tốt vào lúc đó.

**“His condition is stable for now,” I said evenly. He nodded, tears suddenly falling. “Thank you, doctor.” His hands were trembling, nothing like the hands that had once grabbed my collar. I saw a different person, or maybe the same person in another state. I nodded, because there were no words good enough for that moment.**

Hạnh hỏi nhỏ: “Thầy ổn không?” Tôi gật: “Ổn.” Tôi tưởng tượng nếu tôi để ý nghĩ “bỏ mặc” kia ở lại lâu thêm mười giây, nó sẽ lớn lên, bẻ lái một đường dây mỏng manh nào đó trong tôi. Tôi thở ra, cảm ơn đôi găng đã làm tôi nhớ mình là ai.

**Hanh whispered, “Are you okay?” I nodded. “I am.” I imagined if I had let that thought “leave him” stay ten seconds longer, it might have grown and twisted something fragile inside me. I breathed out and thanked the gloves for reminding me who I was.**

Sáng, khi bệnh nhân tạm ổn, người anh xin gặp tôi. Anh nhìn tôi kỹ, rồi thở dài: “Tôi nhớ ra rồi.” Tôi không né. Anh nói: “Hôm đó tôi bị ngu.” Tôi đáp: “Hôm nay anh không ngu.” Chúng tôi im một lát. Anh đặt trước mặt tôi một túi cam: “Quê tôi trồng. Tôi… không biết nói gì hơn. Mong anh nhận giúp cho.” Tôi nhận, không vì cam, mà vì cái nhìn của anh đã cúi bớt.

**In the morning, when the patient was stable, the brother asked to see me. He looked closely at me, then sighed. “I remember now.” I didn’t avoid his gaze. He said, “I was stupid that day.” I replied, “You’re not stupid today.” We sat in silence. Then he placed a bag of oranges on the table. “They’re from my hometown. I don’t know what else to say. Please take them.” I accepted, not for the oranges, but for the way his eyes had softened.**

Trưa, tôi mang túi cam vào phòng trực, chia cho mọi người. “Cam ngon,” Hạnh nói. Tôi cười: “Ngon vì đêm qua.” Cả phòng không hỏi thêm. Những người làm việc với máu biết rằng tha thứ không phải là quên, mà là chọn không cho vết thương quyền điều khiển tay mình.

**At noon, I brought the oranges to the staff room and shared them. “They’re sweet,” Hanh said. “Sweet because of last night,” I answered. No one asked more. People who work with blood know that forgiveness is**

**not forgetting. It is choosing not to let the wound control your hands.**

Đêm, tôi đi qua cổng viện, nơi vụ xô xát cũ từng xảy ra. Gió thổi mùi hoa sữa nhạt. Tôi dừng lại một chút, hít sâu. Bỗng nhẹ như vừa đặt xuống một vật nặng mang quá lâu. Tôi nghĩ, nghề này nhiều khi không dạy ta làm "anh hùng", mà dạy ta đừng để "kẻ ác" trong ta chiến thắng. Ca mổ lúc nửa đêm đã dạy tôi điều ấy theo một cách rất yên.

**That night I walked past the hospital gate where the old fight had happened. The air smelled faintly of milkwood flowers. I stopped and took a deep breath. Suddenly it felt light, as if I had set down something heavy I'd been carrying for too long. I thought this profession does not teach us to be heroes. It teaches us not to let the darkness inside win. The midnight surgery taught me that, quietly and completely.**

# 19. The Doctor on Saturday Night Duty

Đêm thứ bảy, thành phố ồn ào, nhưng bệnh viện thì có một kiểu im lặng riêng: im lặng có tiếng máy, có bước chân, có tiếng giấy lật. Tôi ngồi ở phòng trực, ly cà phê nguội, sổ ghi chép mở ở trang giữa. Bên ngoài, mưa lắc rắc, chạm vào mái tôn như ai gõ một bài nhạc cũ.

**Saturday night. The city was noisy, but the hospital had its own kind of quiet: a quiet filled with the hum of machines, the echo of footsteps, the soft rustle of papers turning. I sat in the on-call room, my coffee cold, my notebook open halfway through. Outside, rain tapped gently on the tin roof, like someone playing an old melody on glass.**

Tôi đi một vòng. Ở khoa nhi, một cô điều dưỡng đang ru một đứa bé bằng bài "Ầu ơ". Ở khoa ngoại, anh bảo vệ đọc sách. Ở hành lang dài, bóng đèn vàng ở cuối vẫn sáng như một con mắt hiền. Tôi nghĩ đến những người đang đi chơi,

những quán bar, những bản nhạc DJ đang đánh. Rồi tôi nghĩ đến chúng tôi: những người canh một thứ không ai nhìn thấy nhưng ai cũng cần.

**I took a round. In pediatrics, a nurse was humming a lullaby to a sleeping child. In surgery, the security guard was reading a novel. Down the long corridor, a single yellow bulb still glowed at the end, soft and patient, like an old friend keeping watch. I thought about people out there dancing in bars, music pounding, laughter rising. Then I thought about us, the ones guarding something invisible yet essential.**

Hai giờ sáng, cấp cứu yên hiếm thấy. Hạnh pha một ấm trà, đưa tôi một tách. “Thầy có nhớ nhà không?”cô hỏi. “Có,” tôi nói, “và cũng không.” Ở một mức nào đó, bệnh viện là một căn nhà thứ hai: có bếp căn tin, có bàn ăn nhựa, có tiếng cười, có tiếng cãi nhau, có cả những lần giận dỗi và làm lành.

**At two in the morning, the emergency ward was unusually calm. Hanh brewed a pot of tea and handed me a cup. “Do you miss home?” she asked. “Yes,” I said, “and no.” In some strange way, the hospital was a second home: it had a canteen kitchen, plastic tables, laughter, arguments, and the quiet reconciliations that follow long nights.**

Ba giờ, còi xe cứu thương hú. Một ca ngộ độc rượu. Chúng tôi làm việc theo phản xạ. Mùi rượu trộn mùi thuốc, một hỗn hợp khiến tôi nhớ đến những tiệc tùng đã qua của tuổi trẻ. Tôi nhìn gương mặt người đàn ông dưới đèn: khi say, ai cũng giống nhau: dễ vỡ và ngây thơ một cách tàn nhẫn.

**At three, an ambulance siren split the air. Alcohol poisoning. We moved without thinking. The smell of spirits mixed with antiseptic, a strange blend that reminded me of the parties of my youth. I looked at the man lying under the light. When drunk, everyone looks the same: fragile, unguarded, cruelly tender.**

Bốn giờ rưỡi, yên trở lại. Tôi đi lên sân thượng. Mưa đã tạnh. Thành phố dưới chân như một mảnh áo choàng đính những hạt cườm. Tôi nhắm mắt, nghe tiếng gió, nghe tiếng tim, nghe tiếng một ngày mới đang rón rén tới gần. Đêm trực thứ bảy là như thế: giữa tiếng ồn của các nơi khác, chúng tôi làm một bản nhạc rất nhỏ, nhưng không thể thiếu trong dàn nhạc lớn.

**By four-thirty, the stillness returned. I went up to the rooftop. The rain had stopped. The city below shimmered like a cloak stitched with tiny beads. I closed my eyes and listened to the wind, to my own heartbeat, to the faint footsteps of a new day approaching. Saturday night duty was like that: while the world outside made noise, we played a smaller song, one that kept the larger symphony in balance.**

Khi xuống, tôi gặp một người đàn ông ngồi ở ghế, ôm đầu. “Anh ổn không?” tôi hỏi. Anh nói nhỏ: “Tôi vừa ký giấy

cho mẹ vào phòng mổ. Tôi sợ.” Tôi ngồi cạnh, không nói. Đôi khi, câu trả lời duy nhất là có mặt. Năm phút sau, anh đứng dậy: “Cảm ơn bác sĩ.” Tôi gật. Chúng tôi chia nhau một ít can đảm bằng cách ngồi chung một ghế.

**When I came back down, a man was sitting on a bench, head in his hands. “Are you alright?” I asked. “I just signed the consent form for my mother’s surgery,” he whispered. “I’m scared.” I sat beside him and said nothing. Sometimes, silence is the only form of presence that matters. After a few minutes, he stood up. “Thank you, doctor.” I nodded. We had shared a little courage simply by sitting on the same bench.**

Sáu giờ, ca mổ kết thúc ổn. Tôi báo tin. Người đàn ông khóc như một đứa trẻ. Tôi đi rót thêm nước cho anh, tự thấy nhẹ vô cùng. Mặt trời ló trên dãy nhà phía đông, ánh sáng rót vào hành lang, đánh thức những tấm kính lâu nay chỉ phản chiếu bóng đêm.

**At six, the surgery was done. It went well. I gave him the news. The man cried like a child. I poured him a glass of water and felt an unexpected lightness in my chest. The sun rose over the eastern wing, its light spilling into the hallway, waking the windows that had reflected only darkness all night.**

Tôi quay lại phòng trực, đóng sổ. Tôi viết câu cuối cùng của đêm: “Chúng ta không được phép từ bỏ. Nhưng chúng ta được phép mệt.” Rồi tôi đặt bút xuống. Ngoài kia, thành phố vừa ngủ dậy sau một đêm vui. Còn tôi, người trực đêm thứ bảy, chuẩn bị về nhà ngủ, mang theo trong áo một mùi trà nhạt và một bình minh mới.

**I returned to the on-call room and closed my notebook. On the last line of the night, I wrote: *“We are not allowed to give up. But we are allowed to be tired.”* Then I set my pen down. Outside, the city was waking from its night of celebration. And I, the doctor on Saturday night duty, was ready to go home to sleep, carrying in**

**my coat the faint scent of tea and the first light of dawn.**

# 20. My Father’s Hands

Cha tôi không phải bác sĩ. Ông là một thợ mộc. Đôi tay ông dày, có những vết sẹo như dòng sông nhỏ. Tôi lớn lên giữa mùi gỗ mới, mùi keo, mùi mồ hôi phơi nắng. Mỗi lần tôi té, cha không cuống. Ông ngồi xuống ngang tầm mắt tôi, thổi nhẹ vào vết xước, rồi bảo: “Đau là để nhớ phải cẩn thận hơn.”

**My father was not a doctor. He was a carpenter. His hands were thick, marked with scars that looked like tiny rivers. I grew up among the scent of fresh wood, glue, and sun-dried sweat. Whenever I fell, he never panicked. He would crouch down to meet my eyes, blow gently on the scrape, and say, “Pain is how you remember to be more careful next time.”**

Khi tôi vào trường y, cha không nói nhiều. Ông đưa tôi cái hộp gỗ nhỏ có cái nắp đóng bằng bản lề đồng mà tôi đã giúp ông gắn khi mười hai tuổi. “Để bỏ những thứ con

muốn giữ,” cha nói. Tôi bỏ vào đó chiếc ống nghe rẻ tiền, một chiếc vé xe buýt cũ, và một tấm ảnh chụp bàn tay cha đặt trên vai tôi ngày tôi thi đậu.

**When I entered medical school, my father said little. He handed me a small wooden box with a brass-hinged lid, the one I had helped him make when I was twelve. “To keep the things you want to hold on to,” he said. I placed inside it a cheap stethoscope, an old bus ticket, and a photograph of his hand resting on my shoulder the day I passed the entrance exam.**

Ngày tôi đi thực tập ca phẫu thuật đầu tiên, tay tôi run. Tôi gọi cho cha. Ông cười: “Tay mà run thì con cứ đứng yên một chút.” Tôi hỏi: “Đứng yên để làm gì ạ?” Ông đáp: “Để tay nhớ bàn tay nó là của ai.” Câu nói ấy đi theo tôi suốt nhiều năm. Mỗi lần tôi sắp làm điều khó, tôi đứng yên nửa giây. Nửa giây đó có hình bàn tay cha đặt trên vai.

**On the day of my first surgical internship, my hands trembled. I called him. He laughed and said, “If your**

**hands shake, just stand still for a moment." I asked, "What for?" He replied, "So your hands remember who they belong to." That sentence has stayed with me for years. Whenever I am about to do something difficult, I stop for half a second. In that half-second lives the memory of his hand on my shoulder.**

Một lần, cha bị tai nạn nhỏ, đinh bắn vào lòng bàn tay. Dù mẹ tôi đã mắng suốt nhưng ông vẫn không chịu đến viện ngay, bảo "để tôi tự gỡ đã". Tôi phải về vội để gỡ đinh, rửa vết thương, băng lại giúp cha. Cha nhìn tôi làm, đôi mắt lấp lánh tự hào: "Bàn tay con làm việc khác bàn tay cha, nhưng rồi cũng là một cả." Tôi hiểu ông muốn nói: nghề khác, nhưng đều là sửa chữa những thứ có thể sửa.

**Once, my father had a small accident. A nail shot into his palm. Though my mother scolded him endlessly, he refused to go to the hospital. "Let me take it out myself," he said. I rushed home, removed the nail, cleaned the wound, and bandaged it. He watched me**

**work, eyes shining with pride. “Your hands do different work than mine,” he said, “but they’re still the same.” I knew what he meant: different crafts, but both meant to repair what can still be mended.**

Khi cha già, tay ông rung nhẹ. Ông vẫn muốn làm một vài thứ nho nhỏ: đóng một cái kệ, mài một con dao. Dẫu cho tôi lo sợ ông sẽ tự làm bản thân đứt tay. Ông vẫn điềm đạm bảo: “Nhỡ có đứt tay thì cũng có con băng lại cho rồi.” Tôi cười. Đó là lần đầu tiên tôi thấy nghề mình lại kì diệu đến vậy.

**As he grew old, his hands began to tremble. Yet he insisted on making small things: a shelf, a knife handle, even though I worried he might hurt himself. He said calmly, “If I cut myself, you’ll bandage it, won’t you?” I laughed. It was the first time I realized my job could be magical.**

Ngày cha mất, tôi về nhà, mở hộp gỗ. Bên trong, mọi thứ vẫn y nguyên, chỉ thêm một tờ giấy gấp bốn, dòng chữ run run: “Đừng để tay quên lòng.” Tôi ngồi rất lâu, giọt nước mắt rơi xuống gỗ, loang ra thành vệt tối. Câu chữ ấy như một lệnh truyền cuối cùng: nhớ rằng đôi tay không chỉ là kỹ năng, mà là lối đi của trái tim.

**When he died, I went home and opened the wooden box. Everything was as it had been, except for one new folded note. The writing trembled: “Don’t let your hands forget your heart.” I sat there for a long time, a tear falling onto the wood, spreading like a dark stain. The words felt like his final instruction: a reminder that skill alone isn’t enough, that hands must also know the path of the heart.**

Hôm nay, sau một ca mổ dài, tôi tháo găng, rửa tay. Nước chảy qua da, lạnh. Tôi giơ tay lên ánh đèn, thấy những vết chai nhỏ ở đốt ngón: dấu tích của dao kéo và cũng là ký ức của gỗ. Tôi đặt tay lên ngực áo, nghe tim mình. Tôi nhớ

bàn tay cha đặt lên vai. Tôi nghe ông nói: “Đứng yên nửa giây đi con.”

**Today, after a long surgery, I removed my gloves and washed my hands. The water ran cold over my skin. Under the light, I saw small calluses on my knuckles: the traces of scalpels and, perhaps, of wood. I placed a hand over my chest and heard my heartbeat. I remembered his hand on my shoulder. I heard him say, “Stand still for half a second.”**

Tôi đứng yên. Rồi tôi đi ra, nói với người nhà bệnh nhân: “Ổn rồi.” Họ nắm tay tôi, bàn tay nóng, nặng, thật. Tôi nắm lại, không chỉ bằng kỹ năng, mà bằng tất cả những mùa mưa nắng đã đi qua bàn tay cha tôi. Tôi biết, nếu có lúc nào mình cứu được ai đó, thì cũng bởi đôi tay này đã học cách không quên lòng từ một người thợ mộc hiền lành ở một thị trấn nhỏ.

**I stood still. Then I walked out and told the patient’s family, “It’s all right now.” They held my hands, warm**

**and heavy and real. I held theirs back, not just with skill, but with every season of sunlight and sawdust that once passed through my father's palms. And I knew that if I ever saved someone, it was because these hands had learned, long ago, never to forget the heart from a gentle carpenter in a small town.**

# PART III:
# WHEN PEACE ARRIVES

Dẫn nhập / **Introduction:**

Khi cơn gió đã đi qua, mặt nước lặng không phải vì không còn sóng, mà vì người nhìn biết cách đứng yên. Phần III gom lại những câu chuyện về tha thứ, buông bỏ và chữa lành. Nơi bình yên không được trao như quà tặng, mà được gây dựng từ những động tác rất nhỏ: khâu thêm một mũi chỉ, rót cho nhau ly nước, thắp một ngọn đèn và nắm tay ai đó đến phút cuối.

**When the wind has passed, the water lies still not because the waves are gone, but because the one who watches has learned how to be still. Part III gathers stories of forgiveness, letting go, and healing. Peace is not something given as a gift; it is built, quietly, from the smallest gestures: adding one more stitch, pouring a glass of water for someone,**

**lighting a lamp, and holding another hand until the very end.**

# 21. The Last Eyes I Stitched

Bệnh nhân là một người thợ chụp ảnh cưới đã hơn ba mươi năm hành nghề. Ông vào viện vì tai nạn giao thông, mi mắt rách sâu, giác mạc trầy. Khi tôi khai thác bệnh sử, ông nói chậm rãi, giọng còn mùi thuốc sát trùng: “Tôi quen nhìn người ta hạnh phúc qua ống kính, ít khi nhìn kỹ chính mắt mình.” Tôi mỉm cười, bảo: “Hôm nay chúng ta sẽ chăm lại cửa sổ của ông.”

**The patient was a wedding photographer who had spent more than thirty years behind the camera. He came in after a traffic accident, his eyelid torn deep, his cornea scratched. While taking his history, he spoke slowly, his voice still scented with antiseptic. “I’ve spent my life watching people be happy through the lens,” he said, “but rarely looked closely into my own eyes.” I smiled. “Then today,” I told him, “we’ll take care of your windows.”**

Trong phòng mổ nhỏ, ánh đèn trắng rót xuống. Những sợi chỉ nylon mảnh như tóc. Tôi cúi xuống, từng mũi khâu nhỏ khớp mí với nhau như khâu một kỷ niệm vừa rách. Khi chạm đến mũi cuối, tôi nghe ông hỏi khẽ qua lớp khăn: “Bác sĩ ơi, tôi còn chụp được không?” Tôi đáp: “Có thể khác xưa một chút, nhưng vẫn nhìn được thứ cần nhìn.”

**In the small operating room, white light poured down. The nylon threads were thin as hair. I bent over, each stitch pulling the torn lid back into place, like mending a memory that had split apart. When I reached the final stitch, he whispered beneath the drape, “Doctor, will I still be able to take photos?” I said, “It might be a little different, but you’ll still see what’s worth seeing.”**

Sau mổ, tôi đến thăm buổi tối. Ông nhắm mắt, băng gạc trắng như một miếng mây nằm trên mặt. Vợ ông, một người phụ nữ nhỏ thó, ngồi bóc cam, mùi vỏ cam tràn căn phòng. “Ông ấy không chịu nghỉ,” bà nói, “một tuần nữa có lịch chụp cho đôi bạn trẻ.” Tôi bảo: “Cho mắt kịp hồi

trước đã.” Bà thở dài: “Ông ấy sợ lỡ mất ngày đẹp của người ta.”

**That evening I went to check on him. He lay still, his eyes covered with white gauze that looked like a piece of cloud resting on his face. His wife, a small woman, was peeling an orange, the scent filling the room. “He refuses to rest,” she said. “He’s supposed to photograph a young couple next week.” I told her, “Let the eyes heal first.” She sighed. “He’s afraid to miss someone else’s beautiful day.”**

Ngày thứ ba, tôi tháo bớt băng, kiểm tra lại. Mí khít, vết khâu sạch, sưng còn nhưng có thể thấy tương lai. Ông nhìn tôi, mắt ướt: “Cảm ơn.” Tôi hỏi: “Ông có album cưới của mình không?” Ông cười: “Ngày đó nghèo, chỉ có tấm chụp nhờ anh bạn in ở tiệm.” Ông đưa điện thoại, cho tôi xem tấm ảnh đã ngả màu. Hai người đứng dưới bóng một cây phượng, mắt cười rất to.

**On the third day, I removed part of the bandage to examine the wound. The lids met perfectly. The stitches were clean. The swelling was there, but the future was visible. He looked at me, eyes wet. "Thank you." I asked, "Do you have your own wedding album?" He smiled. "We were poor. Only one photo, taken by a friend." He handed me his phone. The image was faded: two people standing beneath a flamboyant tree, their eyes laughing wide.**

Một tuần sau, tôi tình cờ đi ngang công viên trước bệnh viện. Ở đó, đôi bạn trẻ đang chụp ảnh. Người thợ ảnh đội nón lưỡi trai, tay cầm máy đã cũ, dáng hơi khom. Chính là ông. Ông kéo cô dâu đứng chếch, bảo chú rể nghiêng đầu, rồi hô: "Cười bằng mắt nào!" Cả hai phá lên cười. Tôi đứng xa, thấy trên mí mắt ông còn một vệt chỉ đen nhỏ, như dấu vết của một cơn bão vừa qua.

**A week later, I passed by the park in front of the hospital. A young couple was taking wedding photos.**

**The photographer wore a baseball cap, his back slightly bent, his camera old but steady. It was him. He positioned the bride and groom, tilted their heads just so, then said, “Smile with your eyes!” They burst into laughter. From where I stood, I could still see a thin black thread at the corner of his eyelid, like the trace of a storm that had passed.**

Chiều, ông mang vào cho tôi một phong bì ảnh. Ảnh đen trắng ông tự in: một đứa trẻ đang ngước nhìn bầy chim, mắt lấp lánh. “Tôi mới chụp hôm nay,” ông nói, “ở gần khoa nhi.” Tôi nhìn lâu. Đôi mắt đứa trẻ như chứa cả trời. “Khâu thế là xong rồi,” ông đùa, “giờ tới lượt nhìn.” Tôi cười: “Nhìn kỹ hơn ngày trước nhé.”

**That afternoon, he brought me an envelope of photos. Black and white prints, self-developed. A child looking up at a flock of birds, eyes shining. “I took this today,” he said. “Near pediatrics.” I looked at it for a long time. The child’s eyes seemed to hold an entire sky. “The**

**stitching's done," he joked. "Now it's time to look." I smiled. "Then look closer than before."**

Khi tiễn ông ra cửa, tôi chợt nghĩ về mũi khâu cuối cùng. Trong nghề, chúng tôi gọi đó là mũi khóa, giúp giữ chắc toàn bộ đường chỉ. Có những ngày, một mũi khóa được đặt lên mí mắt; có những ngày, mũi khóa cần đặt vào trái tim mình để những điều đã vá không rách trở lại.

**When I walked him to the door, I thought about that final stitch. In our profession, we call it the lock stitch, the one that holds the whole line together. Some days, that stitch goes on an eyelid. Some days, it needs to go in your own heart, to keep what's been mended from tearing open again.**

Đêm đó, tôi về nhà, soi gương. Đôi mắt tôi trũng sâu vì nhiều ca, nhưng ở khóe có một ánh gì đó như tia sáng sót lại trên mặt nước khi chiều tắt. Tôi nghĩ, có lẽ điều quan trọng không phải là mắt nhìn được bao xa, mà là nó có

chịu dừng lâu đủ trước một khoảnh khắc để ghi nhận cái đẹp nhỏ nhoi đang xảy ra. Và nếu ngày nào mỏi quá, tôi sẽ nhớ mũi khâu cuối cùng: khâu lại sự kiên nhẫn của chính mình.

**That night, at home, I looked in the mirror. My eyes were sunken from too many shifts, but at the corners, a faint light lingered, like the glimmer left on water after the sun has set. I realized that what matters is not how far the eyes can see, but whether they can stay long enough to witness the small, quiet beauty of a moment. And if one day I grow weary, I'll remember that last stitch: the one that sews patience back into myself.**

# 22. One Life Gone, A Thousand Awakened

Đêm hiến tạng bắt đầu bằng một cuộc gọi. “Bệnh nhân A, nam, 25 tuổi, chấn thương sọ não không phục hồi. Gia đình đồng ý hiến.” Căn phòng điều phối sáng đèn, danh sách người nhận hiện lên như một bản đồ của hy vọng. Tim, gan, thận, giác mạc. Mỗi bộ phận là một cánh cửa mở ra ở đâu đó trong bóng tối.

**The night of organ donation began with a phone call. “Patient A, male, twenty-five, severe brain injury, no recovery possible. The family has agreed to donate.” The coordination room was bright, the list of recipients glowing on the screen like a map of hope: heart, liver, kidneys, corneas. Each organ was a door opening somewhere in the dark.**

Tôi đến gặp mẹ của A. Bà ngồi rất thẳng, hai tay đan lại. Trên mu bàn tay là vết chai của một người làm ruộng. “Con tôi đã hứa, nếu có chuyện thì nó cũng muốn giúp ai

đó," bà nói, giọng đều. Tôi cúi đầu. Chúng tôi cùng ký rất nhiều giấy. Mỗi chữ ký như một nén nhang cắm vào một bàn thờ khác: bàn thờ của sự sống.

**I went to meet A's mother. She sat upright, hands clasped tightly together. On the back of her hand were the calluses of a farmer. "My son once said, if anything ever happened, he would want to help someone else," she said, her voice steady. I bowed my head. We signed many papers together. Each signature felt like lighting incense on an altar: the altar of life itself.**

Ca lấy tạng diễn ra như một điệu nhạc vừa trang trọng vừa thực dụng. Không tiếng khóc, không lời than, chỉ các mốc thời gian được đọc to, các hộp vận chuyển được dán nhãn, các kíp ngoại viện chờ sẵn ở cuối hành lang. Tôi nhìn khuôn mặt A dưới ánh đèn, tóc vẫn rối như chàng trai vừa đá bóng về nhà.

**The organ retrieval began like a solemn symphony, precise and practical. No crying, no wailing, only**

**timestamps being called out, containers sealed, and transport teams waiting at the end of the corridor. I looked at A's face under the light, his hair still tousled like a boy just home from a soccer game.**

Khi mọi thứ hoàn tất, mẹ A xin ở lại một lát. Bà đặt tay lên ngực con: "Con đi gieo hạt nhé." Tôi lần đầu nghe một người mẹ nói về cái chết như thế. Không phải "con mất", mà là "con gieo". Từ đó, trong đầu tôi, hiến tạng không còn là thủ tục, mà là nông vụ của lòng nhân từ.

**When everything was done, his mother asked to stay for a moment. She placed her hand on his chest and said, "Go and sow your seeds, my son." It was the first time I had ever heard a mother speak of death that way. Not as a loss, but as a planting. From then on, organ donation, to me, was no longer a procedure but a harvest of compassion.**

Trước bình minh, chúng tôi nhận tin: tim đã đập lại trong lồng ngực người nhận; một quả thận bắt đầu lọc; giác mạc ghép xong, sáng mai tháo băng. Mỗi tin như một tiếng chuông nhỏ đánh thức bệnh viện đang ngái ngủ. Điều dưỡng bật khóc trong phòng trực, rồi lau nước mắt cười: “Khóc vì vui cũng mệt.”

**Before dawn, messages arrived: the heart had started beating in another chest; a kidney had begun to filter; the corneal grafts were completed and would be unbandaged in the morning. Each message was like a small bell waking the hospital from its half-sleep. A nurse burst into tears in the break room, then wiped her eyes and laughed, “Even crying for joy is exhausting.”**

Chiều, tôi đến khoa mắt. Người nhận giác mạc là một cô gái 19 tuổi. Cô nắm tay mẹ, hỏi tôi: “Người cho là ai?” Tôi nói chúng tôi không thể tiết lộ chi tiết, nhưng cô có thể viết một lá thư cảm ơn không ghi tên. Cô gật. Tôi ra ngoài,

ngồi ở bậc thang, nhìn lên trời xanh nhạt. Ở đâu đó, một người đã ra đi, nhưng trên những con đường khác, nhiều người vừa bước qua cơn ngủ sâu.

**That afternoon, I went to the ophthalmology ward. The recipient of the cornea was a nineteen-year-old girl. She held her mother's hand and asked, "Who was the donor?" I told her we could not share details, but she could write a thank-you letter without a name. She nodded. I stepped outside, sat on the stairs, and looked up at the pale blue sky. Somewhere, one life had ended, and on countless paths, others were waking from a long sleep.**

Tuần sau, mẹ A quay lại, mang theo giỏ bắp non. Bà hỏi tôi: "Có ai tỉnh giấc không?" Tôi kể cho bà những gì tôi biết. Bà lắng nghe như nghe báo cáo mùa. Cuối cùng, bà nói: "Vậy là nó vẫn còn làm việc." Tôi gật, hiểu rằng trong một số ngôn ngữ, yêu thương được chia ở thì hiện tại, ngay cả khi người nói đã không còn trước mặt.

**A week later, A's mother returned with a basket of baby corn. "Have any of them woken up yet?" she asked. I told her what I knew. She listened as if hearing a harvest report. Finally, she said, "Then he's still working." I nodded, understanding that in some languages, love is always spoken in the present tense, even when the person is gone.**

Tối, khi về nhà, tôi đi ngang một công viên. Một nhóm thanh niên đang chơi bóng dưới đèn vàng. Tiếng họ hò reo, mồ hôi sáng trên trán. Tôi bỗng nghĩ tới trái tim A đang đập ở một nơi nào đó, có thể cũng dưới một mái đèn như thế. Bước chân tôi chậm lại, như sợ làm vỡ sự kết nối mảnh dẻ mà bền bỉ giữa những cuộc đời.

**That evening, on my way home, I passed a park. A group of young men were playing soccer under yellow lights, their laughter echoing, sweat glimmering on their foreheads. I thought of A's heart beating somewhere out there, perhaps under a similar light.**

**My steps slowed, as if afraid to disturb the fragile, steady connection between these lives.**

Sau này, mỗi khi ký giấy đồng ý cho một ca ghép, tôi đều nhớ người mẹ ở đêm hiến tạng ấy. Bà đã đổi một tiếng "mất" thành một mùa "gieo". Và kể từ đó, ngay cả khi tiễn một người đi, tôi cũng nhìn thấy những con đường khác sáng đèn. Một người ra đi, ngàn người tỉnh giấc.

**Since that night, every time I sign the consent form for a transplant, I remember that mother. She changed one word "loss" into a season of "sowing." And from that moment on, even as I accompany someone on their final journey, I see new roads lighting up ahead. One life gone, a thousand awakened.**

# 23. The Bells of the Hospital

Ở bệnh viện chúng tôi không có chuông báo tử, chỉ có tiếng chuông nhà thờ gần đó và tiếng chuông thang máy reo mỗi lần cửa mở. Thỉnh thoảng, vào giờ giao ca, hai thứ chuông gặp nhau: một tiếng ngân dài, một tiếng "ting" ngắn. Tôi luôn nghĩ chúng giống hai câu của cùng một bài kinh. Một câu cho những người đi, một câu cho những người ở lại.

**In our hospital, there is no bell for death. Only the church bell nearby, and the elevator bell that rings each time the doors open. Sometimes, during shift change, the two bells meet: one long chime, one short "ting." I often think they sound like two lines from the same prayer, one for those who are leaving, and one for those who stay.**

Có một chiếc chuông khác nữa, nhỏ bằng lòng bàn tay, nằm ở khoa chăm sóc giảm nhẹ. Điều dưỡng treo nó ở đầu

giường những bệnh nhân cần gọi hỗ trợ. Bà Tư, bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối, thích lắc chuông mỗi sáng không phải để gọi, mà để chào. “Cho nhà này biết tôi còn ở đây,” bà cười.

**There is another bell, small enough to fit in the palm of a hand, hanging in the palliative care ward. Nurses place it by the beds of patients who may need to call for help. Mrs. Tu, a terminal cancer patient, likes to ring it every morning, not to call, but to greet. “Just so this house knows I’m still here,” she laughs.**

Sáng ấy, tôi vào thăm. Bà đưa cho tôi chiếc chuông: “Bác sĩ thử lắc đi.” Tôi lắc nhẹ. Tiếng kim khí nhỏ xíu gõ vào nhau, trong veo. Bà nhắm mắt: “Đấy, nghe như tiếng muỗi cười.” Tôi bật cười. Bà nói tiếp: “Tiếng chuông là để mình nhớ thở.” Tôi không chắc hiểu, nhưng ghi vào sổ tay.

**That morning, I stopped by her room. She handed me the bell. “Doctor, try it.” I gave it a gentle shake. The tiny metal tones met each other, pure and bright. She**

**closed her eyes. “See? It sounds like a mosquito laughing.” I couldn’t help but laugh too. Then she said, “The bell reminds me to breathe.” I wasn’t sure I understood, but I wrote it down in my notebook.**

Bữa trưa, chuông thang máy reo liên tục. Người nhà ra vào, ca mổ đưa lên đưa xuống, tiếng bánh cáng lăn như mưa đá trên nền gạch. Ở góc hành lang, có người đàn ông ngồi ôm mặt. Tôi đến gần, đưa ông chai nước. Ông nói: “Con gái tôi vừa được báo bệnh nặng.” Tôi không nói gì, chỉ ngồi cạnh. Khi ông đứng lên, chuông thang máy lại “ting”. Ông gật đầu như nhận một tín hiệu rồi đi tiếp.

**By noon, the elevator bell rang nonstop. Families came and went, surgeries went up and down, the wheels of stretchers rolled over the tiles like a rain of pebbles. In the corner of the hallway, a man sat with his face in his hands. I approached, offering him a bottle of water. “They just told me my daughter’s condition is serious,” he said. I didn’t say anything, just sat beside him.**

**When he stood, the elevator bell chimed again. He nodded, as if the sound were a sign, and walked on.**

Chiều, tôi quay lại phòng bà Tư. Bà mệt hơn. “Bác sĩ để cái chuông sát tay tôi,” bà bảo. Tôi đặt. Bàn tay bà gầy, nổi gân xanh. “Nếu đêm tôi muốn về nhà, tôi sẽ lắc,” bà nói, “để mượn chút tay của các cô điều dưỡng.” Tôi gật, bỗng hiểu câu lúc sáng: chuông là nhịp thở bên ngoài khi bên trong đã đứt quãng.

**That afternoon, I returned to Mrs. Tu’s room. She was weaker. “Put the bell close to my hand,” she said. I did. Her fingers were thin, veins rising beneath the skin. “If I want to go home tonight, I’ll ring it,” she whispered, “so I can borrow the nurses’ hands for a while.” I nodded, and suddenly understood what she had meant that morning: the bell was an external breath when the inner one began to fade.**

Đêm, mưa. Tiếng chuông nhà thờ xa xa vọng vào, tan trong tiếng mưa rơi trên mái tôn. Tôi ngồi ghi bệnh án thì tiếng chuông nhỏ reng một cái. Hạnh chạy trước, tôi theo sau. Bà Tư mở mắt, nhìn chúng tôi, miệng cười rất nhẹ. “Cho tôi ngồi dậy chút,” bà nói. Chúng tôi đỡ. Bà nhìn ra cửa sổ: “Mưa đẹp quá.”

**Rain fell that night. The church bell echoed faintly through the sound of water hitting the tin roof. I was writing charts when the small bell rang once. Hanh ran first; I followed. Mrs. Tu opened her eyes, smiling softly. “Help me sit up,” she said. We lifted her. She looked out the window. “The rain is beautiful.”**

Nửa đêm, chiếc chuông nhỏ không reng nữa. Bà đã đi, yên như người vừa ngủ trưa xong. Tôi cầm chiếc chuông, cảm thấy nó nặng hơn ban ngày. Tôi đặt lại, cúi chào. Trên đường ra, chuông thang máy vang “ting”. Tôi nhắm mắt, tưởng tượng nó đáp lời chiếc chuông nhỏ kia.

**Past midnight, the little bell was silent. She was gone, peaceful, as if waking from a short nap. I held the bell. It felt heavier than it had in the morning. I placed it back and bowed. On my way out, the elevator chimed its usual "ting." I closed my eyes and imagined it answering the smaller bell.**

Sáng hôm sau, tôi gặp người đàn ông hôm trước ở hành lang. Ông cúi đầu: "Cảm ơn bác sĩ đã ngồi với tôi." Tôi lắc đầu. Từ xa, chuông nhà thờ đổ hồi. Tôi bỗng nghĩ, tiếng chuông không chỉ để báo điều gì xảy ra; nó còn để nối những người xa lạ bằng một sợi âm thanh mỏng. Và đôi khi, chỉ cần nghe cùng một tiếng chuông, người ta đã bớt cô đơn.

**The next morning, I met the man from the hallway again. He bowed slightly. "Thank you for sitting with me," he said. I shook my head. From afar, the church bell began to toll. I realized then that bells are not only to announce what has happened; they are also to**

**connect strangers through a thin thread of sound. And sometimes, just hearing the same bell can make people feel a little less alone.**

# 24. Behind a Touch

Cô gái trẻ bước vào phòng khám với đôi vai co lại. Cô bị rối loạn lo âu sau một biến cố. Những ngày gần đây, cô khó thở, tay run, ngủ kém. Tôi giải thích về cơ chế cơ thể, những cách thở cơ hoành, những bài tập nhỏ. Cô gật, nhưng mắt vẫn bấn loạn như con chim bị lạc.

**The young woman entered the consultation room with her shoulders drawn in. She was suffering from anxiety after a traumatic event. Lately, she had trouble breathing, her hands trembled, her sleep was poor. I explained the body's mechanism, how the diaphragm breathes, a few small exercises. She nodded, but her eyes fluttered like a lost bird.**

Khi lấy máu, cô sợ. Điều dưỡng đưa tay cô đặt lên mép ghế: "Nắm chặt vào nhé." Cô lắc đầu. Tôi đặt tay mình lên mu bàn tay cô, không chặt, không lỏng, một cái chạm vừa

đủ. “Nhìn vào tôi,” tôi nói, “đếm năm nhịp thở.” Mắt cô dừng lại ở mắt tôi như một chiếc thuyền cột tạm vào cọc.

**When it was time to draw blood, she grew tense. The nurse placed her hand on the edge of the chair. “Hold tight,” she said. The woman shook her head. I laid my hand on the back of hers not firm, not loose, just enough. “Look at me,” I said. “Count five breaths.” Her gaze found mine, like a boat mooring briefly to a post.**

Sau khi xong, cô ngạc nhiên: “Em tưởng sẽ ngất.” Tôi cười: “Đôi khi cơ thể chỉ cần biết có ai đó ở cùng.” Cô hỏi: “Chạm tay giúp được à?” Tôi bảo: “Nếu chạm đúng cách.” Rồi tôi nói về oxytocin, về thần kinh đối giao cảm, về những điều khoa học đã biết. Nhưng sau cùng, tôi nói: “Và còn có những thứ khoa học đặt tên chưa kịp.”

**When it was done, she seemed surprised. “I thought I would faint.” I smiled. “Sometimes the body only needs to know that someone is with it.” She asked, “Does**

**touch really help?" I said, "If it's the right kind of touch." Then I talked about oxytocin, about the parasympathetic nervous system, about what science already knows. But in the end, I added, "And there are things science hasn't found the right name for yet."**

Tuần sau, cô quay lại. "Em thử chạm tay mẹ khi mẹ khó ngủ," cô kể, "thế là hai mẹ con đều ngủ được." Cô cười lần đầu, nụ cười còn sợ, nhưng có mặt. Tôi bảo: "Tập chạm bằng mắt, bằng giọng, bằng khoảng lặng nữa." Cô ghi vào điện thoại như ghi toa thuốc.

**The next week, she came back. "I tried holding my mother's hand when she couldn't sleep," she said. "And then we both fell asleep." She smiled for the first time, a cautious smile, but real. I told her, "Practice touching with your eyes, your voice, and your silences too." She typed it into her phone like a prescription.**

Có lần tôi được chạm tay chính mình. Đó là vào một tối, khi tôi rời phòng mổ, chân tay rã rời. Ở cầu thang, Hạnh đưa cho tôi chai nước rồi chạm khẽ vào cánh tay tôi: "Ổn nhé." Một cái chạm hai giây mà đẩy lùi cả một đám mây nặng. Tôi hiểu mình cũng là người bệnh theo cách nào đó, và phương thuốc đôi khi là cử chỉ mà tôi hay quên dành cho mình.

**Once, I was the one being touched. It was late, after a long surgery. My hands were heavy, my body drained. On the stairs, Hanh handed me a bottle of water and lightly touched my arm. "You okay?" she asked. That two-second touch swept away a whole cloud of fatigue. I realized I was a patient too, in my own way, and that sometimes the cure is a gesture I often forget to offer myself.**

Tháng sau, cô gái viết một email: "Em đã quay lại lớp học. Em vẫn sợ, nhưng mỗi lần sợ em đặt tay lên ngực, chạm vào nhịp tim mình và đếm. Em lại cảm thấy bình yên là

một thói quen có thể tập.” Tôi đọc xong, ngồi im vài phút. Bên ngoài, nắng rơi lên lan can như chạm vào kim loại.

**A month later, the woman wrote me an email. “I’ve gone back to class,” she said. “I’m still afraid, but whenever I panic, I place my hand over my chest, feel my heartbeat, and count. I’ve learned that peace can be practiced.” I finished reading and sat still for a few minutes. Outside, sunlight touched the railing, gleaming like metal.**

Buổi chiều, tôi đi qua khoa lão. Một cụ già nắm tay vợ trong giấc ngủ. Bàn tay họ chồng lên nhau như hai chiếc lá khô. Tôi dừng lại, tự nhắc rằng những thứ lớn lao đôi khi nằm phía sau một cái chạm rất nhỏ: giữ người khác không trượt khỏi mép giường, giữ chính mình không trượt khỏi mép đời.

**That afternoon, I passed the geriatrics ward. An old man was holding his wife’s hand as she slept. Their hands lay together like two dried leaves. I paused,**

**reminding myself that the greatest things often live behind the smallest gestures: keeping someone from slipping off the edge of a bed, keeping yourself from slipping off the edge of life.**

Đêm, tôi đặt tay lên bàn phím, rồi đặt lên ngực. Nhịp tim bình thường. Tôi nhắm mắt, nhớ lại buổi sáng trong phòng khám: một bàn tay run rẩy đã bớt run. Tôi nghĩ, nếu ngày mai tôi lại nói quá nhiều, xin ai đó nhắc tôi: "Chạm một cái đã." Vì phía sau một cái chạm, có khi là cả một đoạn đường người ta dám đi tiếp.

**That night, I placed my hand on the keyboard, then over my chest. The heartbeat was steady. I closed my eyes and remembered the morning in the clinic, a trembling hand that now trembled less. I thought, if tomorrow I speak too much, may someone remind me: "Just touch first." Because behind a single touch, there may be a whole stretch of road someone dares to walk again.**

# 25. The Hands That Stayed Warm

Ông P vào viện trong tình trạng rất nặng. Gia đình ở xa, không kịp về. Chúng tôi biết ông sẽ không qua được đêm. Hạnh hỏi: "Để em ngồi với ông nhé?" Tôi gật. Nhưng rồi ca cấp cứu khác kéo tôi đi. Khi quay lại, đồng hồ đã qua nửa đêm. Căn phòng yên, chỉ có tiếng oxy thở đều.

**Mr. P was admitted in critical condition. His family lived far away; they couldn't make it in time. We knew he wouldn't survive the night. Hanh asked, "Should I stay with him?" I nodded. But another emergency pulled me away. When I returned, it was past midnight. The room was still, filled only with the steady hiss of oxygen.**

Tôi lại gần giường. Bàn tay ông lạnh. Tôi chà hai bàn tay của mình vào nhau, rồi ủ lấy tay ông. Hạnh mang thêm một túi chườm ấm, đặt lên lòng bàn tay còn lại. Chúng tôi không nói gì. Đôi khi, sự hiện diện cần yên như tuyết. Một

lúc sau, tôi cảm thấy nhiệt lan ra, rất chậm, như một dòng nước ấm thoát khỏi khe đá.

**I walked to his bedside. His hand was cold. I rubbed my palms together, then cupped his hand between mine. Hanh brought a warm pack and placed it over his other hand. We didn't speak. Sometimes presence needs to be as quiet as snow. After a while, I felt the warmth spreading slowly, like a thin stream of water escaping from a crack in stone.**

Ông mở mắt, nhìn chúng tôi, khóe môi nhúc nhích. Tôi cúi sát: "Vâng, con nghe." Ông thì thầm: "Cảm ơn." Hai chữ nhỏ mà như đánh thức cả căn phòng. Hạnh cười, mắt ướt: "Con ở đây." Tôi nắm tay ông chặt hơn một chút, không để ông trượt lại vào vùng lạnh một mình.

**He opened his eyes and looked at us. His lips moved slightly. I leaned close. "Yes, I'm listening." He whispered, "Thank you." Two small words, and the whole room seemed to wake. Hanh smiled, her eyes**

**wet. “We’re here,” she said. I held his hand a little tighter, not letting him slip back into the cold alone.**

Khi mọi thứ dừng, tôi vẫn giữ tay ông thêm vài phút. Tôi nghĩ về mẹ tôi: người hay dặn “đi thăm ai thì nắm tay người ta một cái, đừng chỉ đứng đầu giường.” Ngày xưa tôi thấy câu đó thật quê. Vậy mà hôm nay, nó hóa thành một nghi lễ vừa đơn sơ vừa thiêng.

**When everything stopped, I stayed there for a few more minutes, still holding his hand. I thought of my mother, who used to say, “When you visit someone, hold their hand, don’t just stand at the bedside.” I used to think that sounded old-fashioned. But today, it felt like a ritual: simple, sacred, and right.**

Sáng, người nhà đến. Họ cúi đầu, run rẩy. Tôi nói ngắn gọn về những gì đã làm. Trước khi đi, con gái ông nắm tay tôi: “Cảm ơn bác sĩ.” Tôi hiểu, chúng tôi không giữ được

sự sống, nhưng giữ được một phẩm giá cuối cùng: không để một người rời đi trong cô độc.

**In the morning, his family arrived, trembling as they bowed. I explained briefly what we had done. Before leaving, his daughter took my hand. “Thank you, doctor.” I understood. We hadn’t saved his life, but we had preserved something else - his dignity, the right not to leave this world alone.**

Tối, tôi đặt tay lên bàn tay mình, còn dư chút nóng. Tôi nghĩ về rất nhiều bàn tay đã đi qua nghề này: bàn tay phẫu thuật viên, bàn tay điều dưỡng, bàn tay vệ sinh, bàn tay bảo vệ đỡ người ta xuống xe. Mỗi bàn tay là một loại lửa nhỏ. Và khi đêm xuống, chính những đốm lửa ấy giữ cho bệnh viện khỏi trở thành một nơi toàn đá.

**That night, I placed my hand over my own. It still held a trace of warmth. I thought of all the hands that pass through this work: the surgeon’s, the nurse’s, the cleaner’s, the guard’s hand steadying someone off a**

**stretcher. Each one is a small fire. And when night falls, it's those tiny fires that keep the hospital from turning entirely to stone.**

Hôm sau, tôi viết vào sổ: "Công việc tối thiểu: đo, tiêm, đặt, rút. Công việc tối đa: giữ một bàn tay còn ấm." Câu chữ nghe đơn giản như ghi thực đơn, nhưng tôi biết mình sẽ phải tập cả đời để đừng quên.

**The next day, I wrote in my notebook: "Minimum work: measure, inject, insert, remove. Maximum work: hold a hand that is still warm." The words looked plain, like a checklist. But I know I'll spend my whole life learning not to forget them.**

# 26. The Woman Who Lights the Night

Chúng tôi gọi cô là “Người thắp đèn”, dù tên cô là Ngọc. Mỗi đêm, trước khi bắt đầu ca trực, cô đi qua các phòng, chỉnh lại những ngọn đèn đầu giường: cái thì quá chói, cái thì quá mờ, cái thì chiếu thẳng vào mắt bệnh nhân. “Ánh sáng cũng cần liều,” cô nói, “nhiều quá là đau.”

**We called her *the Light Keeper*, though her name was Ngoc. Every night before her shift began, she walked through the wards, adjusting the bedside lamps: one too bright, one too dim, one shining straight into a patient’s eyes. “Light needs the right dose,” she said. “Too much, and it hurts.”**

Ngọc có một thói quen: cô để lại trên bàn đầu giường một mẩu giấy nhỏ ghi giờ đổi thuốc, vài dòng dặn dò và một câu nói mềm: “Nếu cần, bấm chuông. Tôi ở gần đây.” Tôi từng thấy những mẩu giấy ấy nằm dưới gối bệnh nhân, nhàu nát nhưng không ai nỡ vứt.

**Ngoc had a habit of leaving on bedside tables small notes about the time for the next medication, a few reminders, and a gentle line: *If you need anything, ring the bell. I'm nearby.* I once saw one of those notes tucked under a patient's pillow, wrinkled but never thrown away.**

Một đêm, điện khu A chập chờn. Ngọc đi cùng kỹ thuật, cầm đèn pin. Ở phòng 312, bà cụ Tâm sợ tối, cứ gọi: "Đèn ơi." Ngọc ngồi xuống, bật đèn pin, xoay về phía trần: "Đèn đây." Bà cười to như trẻ con. Sau đó, cô đặt đèn pin vào một ly nước, ánh sáng tỏa ra dịu như đèn ngủ tự chế.

**One night, the power flickered in Block A. Ngoc walked with the technician, carrying a flashlight. In Room 312, an old woman named Tam was afraid of the dark and kept calling, "Light, where are you?" Ngoc sat beside her, turned on the flashlight, and aimed it at the ceiling. "Here it is," she said. The woman laughed like a child.**

**Then Ngoc placed the flashlight in a glass of water, letting its glow soften into a handmade night lamp.**

Tôi hỏi Ngọc học nghề ở đâu. Cô bảo: "Nhà điện lực dạy một ít, bệnh viện dạy phần còn lại." Rồi cô kể về cha, một thợ điện đã mất, suốt đời đi khắp xóm sửa những bóng đèn chập cháy. "Cha nói: ánh sáng tốt nhất là ánh sáng khiến người ta quên nó đi," cô cười.

**I asked Ngoc where she had learned her trade. "A little from the power company, the rest from the hospital," she said. Then she told me about her father, an electrician who had spent his life fixing flickering bulbs around the neighborhood. "He used to say," she smiled, "'The best light is the kind people forget is even there.'"**

Đêm mưa, hành lang có chỗ dột. Ngọc trải một cái chậu, viết tờ giấy "Xin đi vòng". Cô đứng đó nửa tiếng để nhắc người qua. "Sao không để bảng rồi về?" tôi hỏi. "Vì bảng

không biết mỉm cười," cô đáp. Câu trả lời làm tôi im luôn đến sáng.

**On a rainy night, a leak appeared in the corridor. Ngoc placed a basin beneath it and taped a note saying *Please take the other way.* She stood there for half an hour to guide people around. "Why not just leave the sign and go?" I asked. "Because signs don't know how to smile," she said. Her answer kept me quiet until morning.**

Một tối khác, cô dán một vì sao dạ quang lên trần phòng bệnh nhi. "Để tụi nhỏ nhìn mà ngủ," cô nói. Sáng, cha của một bé trai viết một tờ giấy cảm ơn: "Con tôi lần đầu ngủ trọn một đêm ở đây." Ngọc gấp giấy bỏ vào túi, không khoe ai. Tôi chỉ thoáng thấy cô đứng một mình ở ban công, cười rất khẽ.

**Another evening, she stuck a glow-in-the-dark star on the ceiling of the pediatric ward. "So the kids can look at it and fall asleep," she said. The next morning, the**

**father of a little boy left a note of thanks: *My son slept through the night for the first time.* Ngoc folded the note, slipped it into her pocket, and told no one. I only saw her standing alone on the balcony, smiling faintly.**

Trong một ca cấp cứu, đèn phòng mổ bỗng nháy. Kỹ thuật chưa lên kịp. Ngọc chạy vào, kiểm tra nhanh nguồn phụ, đổi ngay sang bóng dự phòng. Mọi thứ ổn. Khi chúng tôi thở ra, cô cũng thở ra, lau trán bằng mu bàn tay. “Em cứ tưởng đèn cũng hồi hộp,” cô nói.

**During an emergency, the operating room lights began to flicker. The technician hadn’t arrived yet. Ngoc ran in, checked the backup power, and switched to the spare bulb. Everything stabilized. When we all exhaled, she did too, wiping her forehead with the back of her hand. “I thought even the lights were nervous,” she said.**

Hết ca, Ngọc tắt từng ngọn đèn thừa, chừa lại những ngọn cần thiết. “Sao phải tắt vậy?” một bác sĩ trẻ hỏi. “Để khi bật lên, người ta thấy có ý nghĩa,” cô trả lời. Tôi nghĩ cô không chỉ thắp đèn cho người bệnh, mà còn thắp đèn cho chúng tôi: nhắc rằng nghề nào cũng có thể thành nghệ thuật nếu người làm biết yêu ánh sáng của nó.

**At the end of her shift, Ngoc turned off each unnecessary lamp, leaving only the ones that mattered. “Why bother?” a young doctor asked. “So when the lights come back on, they mean something,” she said. I realized then that she was not only lighting rooms for patients, but also lighting something in us. She reminded us that any job can become an art if you love the light within it.**

Đêm về, tôi bật một đèn bàn nhỏ, viết vài dòng. Ánh đèn vàng rơi xuống trang giấy, không chói, không mệt. Tôi chợt hiểu vì sao những người như Ngọc cần cho bệnh viện:

họ giữ cho nơi này khỏi bị tối vì mệt mỏi và khỏi bị lóa vì kiêu hãnh. Họ làm ánh sáng có "liều đúng" cho con người.

**That night, I turned on a small desk lamp and began to write. The yellow light fell across the page, soft and calm. And I finally understood why people like Ngoc are essential to a hospital. They keep it from going dark with exhaustion and from blinding itself with pride. They make sure the light has the right dose for being human.**

# 27. Tomorrow Will Bloom

Cô gái ung thư vú giai đoạn II hay đùa rằng mình "trồng vườn trong người": tóc rụng như lá, da sạm như đất, nhưng trong tâm cô là những hạt mầm. "Ngày mai, nếu còn sức, em sẽ trồng một cây cúc," cô nói mỗi khi chúng tôi hỏi kế hoạch. Dần dần, cả khoa gọi cô là "Cúc."

**The young woman with stage II breast cancer often joked that she was "growing a garden inside herself." Her hair fell like leaves, her skin darkened like soil, but in her heart lived seeds waiting to sprout. "Tomorrow, if I still have the strength, I'll plant a daisy," she said whenever we asked about her plans. Over time, everyone in the ward began calling her Daisy.**

Một buổi sáng, Cúc đem vào một khay đất nhỏ, vài hạt giống, một bình tưới mini. Điều dưỡng mắng yêu: "Bệnh viện không phải vườn." Cúc cười: "Vậy em mượn bậu cửa." Chúng tôi nhường cho cô một góc gần cửa sổ. Mỗi

chiều, cô tưới rất ít nước, nói chuyện với đất như nói với một đứa trẻ đang dỗi.

**One morning, Daisy brought in a small tray of soil, a few seeds, and a tiny watering can. The nurse scolded her gently, "This isn't a garden, you know." Daisy laughed, "Then let me borrow the windowsill." We gave her a little corner by the light. Every afternoon, she watered just a little, whispering to the soil as if soothing a sulking child.**

Ngày truyền hóa chất, cô ôm khay đất lên giường. "Cho đỡ sợ," cô nói. Tôi hỏi: "Sao là cúc?" Cô kể: "Vì cúc chịu được lạnh. Lạnh mấy cũng cố nở." Tôi gật, thấy cổ họng nóng lên. Bên ngoài, cây bàng trong sân rụng lá liên tục, nhưng ở bậu cửa phòng 406, đất im lặng, như đang nghe.

**On chemotherapy days, she held the tray on her lap. "It helps me not be afraid," she said. I asked, "Why daisies?" She smiled, "Because daisies survive the cold. No matter how harsh it gets, they still bloom." I**

**nodded, feeling a warmth rise in my throat. Outside, the almond tree in the yard was shedding its leaves, yet on the windowsill of Room 406, the soil stayed still, as if listening.**

Một tuần, hai tuần, chẳng thấy gì mọc. Một bác sĩ trẻ bảo: "Có khi hạt lép." Cúc lắc đầu: "Có thể chúng đang bàn bạc." Câu nói khiến cả phòng cười. Sáng thứ mười chín, điều dưỡng hét lên: "Lá!" Từ đất, một mầm xanh nhỏ như móng tay thò lên. Cúc nhìn mầm như nhìn một phép lạ. Cô đặt tên nó là "Ngày Mai."

**A week passed, then two, and nothing appeared. A young doctor teased, "Maybe the seeds were empty." Daisy shook her head, "Maybe they're having a meeting." The whole room laughed. On the nineteenth morning, a nurse screamed, "A leaf!" From the soil, a green sprout no larger than a fingertip pushed through. Daisy looked at it as if witnessing a miracle. She named it Tomorrow.**

Mầm lớn chậm, nhưng sống, quật cường như người chủ của nó. Có ngày Cúc mệt, không ăn được, nhưng vẫn nhờ ai đó tưới hộ. "Đừng nhiều quá, nó còn nhỏ," cô dặn. Những bệnh nhân khác bắt đầu đem hạt vào, bậu cửa bỗng thành một vườn mini. Người ta vượt qua nỗi sợ bằng cách dõi theo những thứ mọc lên.

**The sprout grew slowly but strong, stubborn like its owner. Some days Daisy was too weak to eat, yet she always asked someone to water it. "Not too much," she warned, "it's still little." Other patients started bringing seeds too. The windowsill turned into a tiny garden. People began outgrowing their fear by watching things rise from the dirt.**

Khi kết thúc chu kỳ điều trị, tóc Cúc lún phún như cỏ non. Cây cúc đầu tiên trổ bông: một vòng cánh vàng nhỏ, nhụy còn run. Cả khoa kéo nhau đến chụp hình. Cúc nói: "Ngày

mai nở hoa rồi.” Tôi hỏi: “Vậy ngày kia?” Cô cười: “Ngày kia lại là ‘ngày mai’ khác.”

**When her final treatment ended, Daisy’s hair was coming back, short and soft as new grass. The first daisy bloomed, a small ring of yellow petals with a trembling center. The whole ward came to take pictures. Daisy smiled, “Tomorrow has bloomed.” I asked, “And the day after tomorrow?” She grinned, “That will be another tomorrow.”**

Trước khi ra viện, Cúc tặng tôi một gói hạt. “Bác sĩ trồng ở nhà đi,” cô nói, “khi mệt nhìn cho đỡ mệt.” Tôi mang gói hạt về, trồng ở ban công. Mỗi sáng tưới một ít nước, tôi thấy trong mình một nhịp chậm dễ chịu. Một tháng sau, bông cúc đầu tiên nở. Tôi đứng rất lâu, không chụp hình, không khoe ai. Tôi chỉ đứng nhìn, nghe nó nói thầm: “Ngày mai luôn có chỗ ở những nơi còn người chăm.”

**Before leaving the hospital, Daisy handed me a small packet of seeds. “Plant these at home,” she said, “look**

**at them when you're tired, it helps." I took them home and sowed them on my balcony. Every morning I watered them lightly and felt a calm rhythm return to my body. A month later, the first flower opened. I stood for a long time, taking no photos, telling no one. I simply looked, listening to it whisper, "Tomorrow always finds a place where someone still cares."**

# 28. The Photograph Left on the Operating Table

Trong lúc chuyển bệnh nhân vào, một bức ảnh nhỏ rơi ra từ túi áo sơ mi. Tôi nhặt lên: tấm ảnh cũ chụp một gia đình bốn người trước hiên nhà, ánh nắng nghiêng, có con chó nhỏ nằm lười dưới bậc. Tôi đặt ảnh lên khay dụng cụ, cạnh kéo và kim, như đặt một tấm bùa. Hạnh nhìn tôi, gật nhẹ.

**While we were moving the patient onto the table, a small photograph slipped from the pocket of his shirt. I picked it up: an old picture of a family of four standing in front of their porch, sunlight tilted across the frame, a small dog napping lazily on the step. I placed the photo on the instrument tray beside the scissors and needles, as if setting down a charm. Hanh glanced at me and nodded.**

Ca mổ căng. Máu ra nhiều hơn dự kiến. Tôi thấy tay mình bắt đầu muốn nhanh quá mức. Tôi liếc sang bức ảnh. Hai đứa trẻ trong ảnh cười rất rộng. Thầy tôi từng nói: “Chậm

một nhịp không chết ai.” Tôi nghe mình hạ nhịp, nhắc kíp: “Bước này chậm.” Mọi người đồng loạt giảm tốc, như dàn nhạc theo một cây đũa.

**The surgery was tense. There was more bleeding than expected. I felt my hands wanting to move too fast. I glanced at the photograph. The two children in it were smiling wide. My mentor once said, “Slowing down by one beat never kills anyone.” I heard myself lowering my rhythm and told the team, “This step, slower.” Everyone followed, like an orchestra guided by a baton.**

Giữa ca, bức ảnh bị giọt nước nhỏ rơi vào, loang một góc. Tôi lấy khăn thấm, lòng run như đang cứu một vật sống. Vô lý, tôi biết, nhưng con người không phải lúc nào cũng là logic. Có khi ta cần tin vào một điều ngớ ngẩn để giữ lại điều đúng đắn nhất: sự tập trung bình tĩnh.

**Midway through, a drop of water fell onto the photo, blurring one corner. I dabbed it gently, my heart trembling as if I were saving something alive. It was**

**irrational, I knew, but people are not built from logic alone. Sometimes we need to believe in something foolish to preserve what is most right: calm focus.**

Khi đóng bụng, tôi nhón bức ảnh, lau khô, đặt lại vào túi áo bệnh nhân. Tôi dặn điều dưỡng ghi chú "trả kỷ vật cho người nhà". Hết ca, tôi gặp vợ anh ở cửa. Tôi đưa bức ảnh. Cô bật khóc: "Tấm này chụp hôm nhà em sửa mái." Cô kể về con chó tên Mun, về cây khế góc sân. Tôi nghe, thấy cơn căng trong người tan như muối.

**When closing the incision, I lifted the photo, dried it, and slipped it back into the patient's pocket. I told the nurse to note, "Return keepsake to family." After the surgery, I met his wife outside. I handed her the photo. She burst into tears. "We took this the day we fixed our roof," she said. She told me about the dog named Mun and the starfruit tree in the yard. I listened, feeling the tension in me dissolve like salt in water.**

Ngày bệnh nhân tỉnh, tôi đem ảnh vào, đặt lên bàn. Anh nhìn, mắt mờ đi: "Tôi tưởng mất." Tôi nói: "Ảnh giữ ca mổ cho anh." Anh cười: "Vậy là nhà tôi cũng vào phòng mổ với tôi." Tôi gật: "Và họ giúp anh sống."

**When the patient woke, I brought the photo to his bedside and placed it on the table. He looked at it, eyes wet. "I thought it was gone," he said. I told him, "The photo kept you company through the operation." He smiled, "Then my family was in the room with me." I nodded, "And they helped you live."**

Từ hôm đó, tôi bắt đầu hỏi người nhà xin một kỷ vật nhỏ đặt trong túi áo trước khi vào mổ: một tờ giấy ghi tên con, một sợi dây buộc tóc, một tấm vé xe buýt. Những thứ nhẹ như lông nhưng nặng những lý do. Người nhà ngạc nhiên rồi biết ơn. Tôi cũng biết ơn: vì giữa đèn trắng và thép lạnh, bức ảnh nhỏ nhắc rằng trên bàn mổ luôn có chỗ cho một mái hiên nhà.

**Since then, before every surgery, I began asking families for a small keepsake to slip into the patient's pocket: a note with a child's name, a hair tie, a bus ticket. Things as light as feathers but heavy with reasons. Families were surprised, then grateful. I was grateful too, because among the white lights and cold steel, the little photo reminded me that even on an operating table, there is always room for a piece of home.**

# 29. The Man in Bed Number Nine

Giường số 9 là người khó chịu nhất khoa: ông Trung, năm mươi lăm tuổi, tiểu đường, vết loét chân lâu lành. Ông cáu kỉnh, phàn nàn từ bữa ăn đến tiếng giày điều dưỡng. Ai vào cũng bị ông quắc mắt. Cả khoa thở dài mỗi lần phải ghé giường số 9.

**Bed number nine housed the most irritable man in the ward: Mr. Trung, fifty-five years old, diabetic, with a stubborn leg ulcer that refused to heal. He was short-tempered and complained about everything, from the hospital meals to the nurses' footsteps. Anyone who came near his bed received a glare. The entire ward sighed each time someone had to check on him.**

Tôi quyết định ngồi xuống. "Ông ăn gì thích nhất?" tôi hỏi. "Kho quẹt," ông đáp gọn lỏn. "Ở bệnh viện không có," tôi cười. Ông quay mặt vào tường. Tôi kể chuyện một quán

cơm quê có nồi kho quẹt đun bằng bếp củi. Ông im, tai hơi nghiêng. Tôi biết mình đã tìm được một chiếc cửa.

**I decided to sit down beside him. “What’s your favorite food?” I asked. “Caramelized fish sauce,” he said curtly. “We don’t have that here,” I laughed. He turned his face to the wall. I began talking about a small countryside diner with a clay pot simmering over a wood stove. He stayed silent, but his ear tilted slightly. I knew I had found a door.**

Ngày hôm sau, tôi lại ngồi. Tôi không nói về chỉ số trước. Tôi hỏi về cái xưởng gỗ ông từng làm. Ông kể: “Đóng tủ, làm bàn thờ.” Giọng ông bớt gai. Tôi đề nghị: “Mình đặt mục tiêu nhỏ: tối nay ông thử nhấc chân lên khỏi giường mười lần, mỗi lần năm giây. Xong tôi kể tiếp chuyện quán cơm.” Ông nhìn tôi, rồi gật.

**The next day, I came again. I didn’t start with his numbers. I asked about the carpentry shop he once owned. He said, “I made cabinets, altars.” His voice**

**had fewer thorns. I suggested, "Let's make a small goal: tonight, try lifting your leg ten times, five seconds each. When you're done, I'll tell you the rest of the diner story." He looked at me, then nodded.**

Tuần đó, ông làm bài tập đều. Ông vẫn cộc nhưng bớt quắc. Tôi khen, ông lườm: "Đừng nịnh." Tôi cười: "Không nịnh." Một tối, tôi vào trễ, mệt. Ông nhìn tôi: "Hôm nay bác sĩ không kể chuyện." Tôi bảo: "Mai kể bù." Ông nói nhỏ: "Mai tôi nhấc mười hai lần."

**That week, he did the exercises regularly. He was still gruff but less fierce. I praised him, and he glared. "Don't flatter me." I smiled. "Not flattery." One evening, I arrived late, exhausted. He looked at me. "You didn't tell a story today." I said, "I'll make up for it tomorrow." He muttered, "Tomorrow I'll lift twelve times."**

Vết loét bắt đầu se mép. Chúng tôi thử thay băng kiểu mới, ông chịu hợp tác hơn. Một chiều, con trai ông vào cãi nhau với ông to tiếng. Tôi bước vào, đặt tay lên vai cậu. Cậu dường như hiểu được ý tôi nên đã rời đi ngay sau đó. Ông Trung chỉ im, nhìn xuống chân. Ông thở dài: "Tôi khó ghê hả bác sĩ?" Tôi nói: "Ông đau, nên ông khó. Nhưng ông đang đỡ."

**The wound began to close at the edges. We tried a new type of dressing, and he cooperated more. One afternoon, his son came and argued loudly. I stepped in and placed a hand on the boy's shoulder. He understood and left soon after. Mr. Trung just sat still, looking at his leg. He sighed, "I'm a difficult man, aren't I, doctor?" I said, "You're in pain, that's why. But you're getting better."**

Ngày xuất viện, ông nhét vào tay tôi một phong bì. Tôi trả lại. Ông bực: "Không lấy thì mất lòng." Tôi nói: "Ông giữ mà mua nồi kho quẹt." Ông nhìn tôi lâu, rồi bật cười:

“Được.” Tối, tôi nhận một tin nhắn: là ảnh nồi kho quẹt nghi ngút khói, kèm dòng chữ: “Tặng bác sĩ, bằng mắt.”

**On the day of discharge, he slipped an envelope into my hand. I handed it back. He frowned, “If you don’t take it, you’ll offend me.” I said, “Keep it and buy yourself a pot for that caramelized fish sauce.” He looked at me for a long moment, then laughed. “Deal.” That night, I received a message: a photo of a steaming clay pot with the words, “For the doctor, through the eyes.”**

Một tuần sau, thư viện bệnh viện nhận được một bưu phẩm: một khung gỗ chạm tay, bên trong là tờ giấy ông Trung viết: “Cảm ơn vì đã ngồi xuống.” Tôi treo khung ở phòng trực. Mỗi khi mệt, nhìn vào đó, tôi nhớ rằng có những giường số 9 ở khắp nơi và chìa khóa thường là một câu hỏi rất đời: “Ông thích ăn gì?”

**A week later, the hospital library received a package: a wooden frame, hand-carved, holding a note from Mr. Trung that read, “Thank you for sitting down.” I hung**

**it in the on-call room. Whenever I feel tired, I look at it and remember that there are bed number nines everywhere, and the key to them often begins with a simple, human question: “What do you like to eat?”**

# 30. The Note in My White Coat Pocket

Cuối một ngày dài, tôi tìm thấy trong túi áo blouse một mảnh giấy gấp tư, mực bút bi xanh hơi nhòe. Không phải chữ của tôi. Trên đó viết: “Khi mệt, uống nước. Khi sợ, thở. Khi kiêu, hỏi lại vì sao.” Dưới ký tên: “Ai cũng được.” Tôi bật cười. Hạnh nhô đầu vào: “Em để vào đó sáng nay, sợ thầy quên.”

**At the end of a long day, I found a small folded piece of paper in the pocket of my white coat. The blue ink was slightly smudged. It wasn’t my handwriting. On it were the words: “When tired, drink water. When afraid, breathe. When proud, ask yourself why.” Signed: “From anyone.” I laughed. Hanh poked her head in. “I put it there this morning, afraid you’d forget,” she said.**

Mảnh giấy nhỏ đồng hành cùng tôi cả tuần. Trong ca khó, tôi đặt tay lên túi, như chạm vào một thứ bùa bình tĩnh. Khi một người nhà nổi giận, tôi bóp túi áo, nhớ “hỏi lại vì

sao" vì sao họ giận, vì sao tôi khó chịu. Câu hỏi kéo tôi khỏi phản xạ phòng thủ, đưa tôi đến một câu trả lời tử tế hơn.

**That little note stayed with me all week. During a difficult surgery, I rested my hand on the pocket as if touching a charm of calm. When a patient's family grew angry, I pressed the fabric, reminding myself to "ask why" why they were angry, why I was irritated. The question pulled me back from defensiveness and toward a kinder answer.**

Một tối mệt rũ, tôi về, mở vòi uống nước. Nước mát chảy qua họng như một lằn sáng. Tôi chợt hiểu sự giản dị của những lời căn dặn: uống, thở, hỏi. Không phải "chiến đấu", "chiến thắng", "chinh phục". Chỉ là những động tác người ta vẫn làm hằng ngày nhưng hay quên khi bước vào vùng căng thẳng.

**One exhausted evening, I came home and poured a glass of water. The coolness slid down my throat like a**

**thread of light. I suddenly understood the simplicity of those words: drink, breathe, ask. Not “fight,” not “win,” not “conquer.” Just the small human gestures we forget when we walk into tension.**

Sáng hôm sau, tôi viết thêm vào mảnh giấy: “Khi buồn, đi bộ.” Tôi kẹp lại, nhét vào túi. Trưa, Hạnh cười: “Thầy nâng cấp toa thuốc hả?” Tôi bảo: “Toa này không cần kê đơn.” Tối, cả kíp thêm vài dòng: “Khi bế tắc, xin giúp. Khi vội, chậm lại.” Mảnh giấy trở thành một bản hiệp ước nho nhỏ của cả phòng.

**The next morning, I added a line to the note: “When sad, take a walk.” I folded it again and tucked it back in my pocket. At noon, Hanh laughed. “You’re upgrading the prescription?” she asked. “This one doesn’t need a doctor’s order,” I said. By evening, the whole team had added lines of their own: “When stuck, ask for help. When rushing, slow down.” The note became a tiny pact for the whole room.**

Một hôm, tôi rơi áo blouse trên hành lang. Bác bảo vệ nhặt, gọi với: “Bác sĩ quên ‘bùa’.” Tôi đỏ mặt. Ông cười: “Tôi cũng chụp lại để đọc mỗi khi bực.” Tôi thấy vui vì mảnh giấy đã thoát khỏi túi tôi, đi đến những túi khác, trở thành một thứ tiếng nói chung.

**One day, I dropped my coat in the hallway. The security guard picked it up and called out, “Doctor, you forgot your lucky charm.” I blushed. He grinned. “I took a picture of it too. I read it when I get annoyed.” I felt a quiet joy, knowing the note had escaped my pocket and found its way into others, becoming a shared language.**

Cuối tháng, có ca khó khiến chúng tôi ở lại qua đêm. Mệt, đói, ai cũng bơ phờ. Tôi lấy mảnh giấy ra, đọc to. Mọi người lần lượt đọc theo, như đọc một bài thơ không vần. Khi đến câu “Khi kiêu, hỏi lại vì sao”, cả phòng im vài

giây. Vì chúng tôi biết kiêu ngạo dù mỏng như sương nhưng cũng có thể làm trượt tay.

**At the end of the month, we faced a long, difficult surgery that stretched through the night. We were all tired and hungry, faces pale under the fluorescent light. I took out the note and read it aloud. Everyone joined in, one line at a time, like reciting a poem without rhyme. When we reached "When proud, ask yourself why," the room fell silent for a few seconds. We all knew that pride, thin as mist, could still make the hand slip.**

Sáng, ca mổ ổn. Tôi xếp mảnh giấy vào hộp gỗ tôi mang từ nhà. Cái hộp cha cho ngày tôi vào trường y. Tôi nghĩ, có lẽ mỗi bệnh viện nên có một chiếc hộp như vậy cho những mảnh giấy của lòng tốt vô danh. Chúng không cứu người theo nghĩa y học, nhưng cứu chúng tôi khỏi sự khô khan.

**By morning, the operation was stable. I placed the note into a small wooden box I brought from home, the one**

**my father gave me when I entered medical school. I thought, every hospital should have a box like this for anonymous kindness. Those scraps of compassion may not save lives in the medical sense, but they save us from turning dry inside.**

Tối, trước khi tắt đèn, tôi viết thêm một dòng cuối: "Khi làm xong, cảm ơn." Tôi đóng nắp hộp, nghe tiếng gỗ khẽ kêu. Tôi cảm ơn cả ngày dài, những tiếng chuông, những ngọn đèn, những bàn tay và những mũi khâu đã dạy tôi rằng bình yên không rơi xuống như mưa, nó được chưng cất từ những thói quen nhỏ, lặp lại mỗi ngày cho đến khi thành một phần của mình.

**That night, before turning off the light, I wrote one final line: "When finished, give thanks." I closed the lid and heard the faint creak of wood. I gave thanks for the day, for the bells, the lamps, the hands, and the stitches that taught me peace does not fall like rain. It is**

**distilled from small, repeated habits until it becomes part of who we are.**

# PART IV:
# UNDER THE STILL MOON

Dẫn nhập / **Introduction:**

Dưới vầng trăng tĩnh lặng, tiếng ồn của bệnh viện lùi lại như thủy triều. Những câu chuyện của phần này chạm đến ranh giới mong manh nhất giữa ở và đi, giữa khoa học và đức tin, giữa con người và điều gì đó lớn hơn. Không phải để tìm câu trả lời cuối cùng, mà để học cách đứng yên, lắng nghe, và gọi đúng tên những gì đang xảy ra trong lòng mình.

**Beneath the stillness of the moon, the hospital's noise recedes like a retreating tide. The stories in this part touch the most fragile boundary between staying and leaving, between science and faith, between the human and something greater. Not to seek a final answer, but to learn how to stand still, to listen, and to call by its true name whatever is happening inside the heart.**

# 31. The Stranger in God’s Dream

Tôi mơ thấy hành lang bệnh viện dài hơn mọi đêm. Ánh đèn vàng, cửa sổ mở hé, gió lùa nhẹ. Ở cuối hành lang có một người đàn ông trẻ ngồi trên băng ghế, áo sơ mi nhàu, tóc ướt như vừa đi mưa. Tôi nhận ra anh: bệnh nhân đã rời chúng tôi tuần trước. “Anh ổn chứ?” tôi hỏi. Anh mỉm cười: “Ổn. Bác sĩ còn mệt không?”

**I dreamed that the hospital corridor was longer than on any other night. The light was amber, a window left slightly open, wind brushing through. At the far end sat a young man on a bench, his shirt wrinkled, his hair damp as if he had walked through rain. I recognized him: the patient who had left us a week ago. “Are you alright?” I asked. He smiled. “I’m fine. Are you still tired, doctor?”**

Chúng tôi ngồi cạnh nhau. Không ai nói về cái chết. Tôi kể anh nghe chuyện cây bàng trong sân đang ra lá non, anh kể

tôi nghe về tiếng nước chảy ở một nơi có nhiều cỏ. “Ở đó có mùi gì?” tôi hỏi. “Mùi bánh mì nướng,” anh nói, “và mùi áo mới cho con tôi.” Tôi cười: “Ở đâu mà bán vậy?” Anh nháy mắt: “Chợ trời của Chúa.”

**We sat side by side. Neither of us mentioned death. I told him about the almond tree in the courtyard sprouting new leaves. He told me about the sound of water running in a place filled with grass. “What does it smell like there?” I asked. “Like toasted bread,” he said, “and new clothes for my child.” I laughed. “Where do they sell that?” He winked. “At God’s market.”**

Tôi muốn hỏi nhiều thứ: “có đau không”, “có sợ không” nhưng cổ họng khô như chưa từng học nói. Anh nghiêng đầu: “Đừng hỏi những điều em không cần biết. Hỏi điều em cần làm.” Tôi im một lúc lâu, rồi nói: “Vậy tôi phải làm gì với những ngày còn lại?” Anh trả lời ngay, giọng

như đọc lại một ghi chú tôi bỏ quên: “Mỗi ngày chọn một người để tử tế hơn một chút.”

**I wanted to ask so many things: “Did it hurt?” “Were you afraid?” But my throat felt dry, as if I had never learned how to speak. He tilted his head. “Don’t ask what you don’t need to know. Ask what you need to do.” I stayed silent for a long moment, then said, “So what should I do with the days I have left?” He answered at once, his voice like reading a note I had once written and forgotten: “Each day, choose one person to be a little kinder to.”**

Tiếng chuông nhà thờ xa xa vang lên. Tôi giật mình nhớ ra mình đang mơ. “Anh là mơ à?” tôi hỏi. Anh lắc đầu: “Bác sĩ là mơ. Em ngủ chưa?” Tôi bật cười, thấy mình trẻ đi vài tuổi. “Nếu sáng mai em quên giấc mơ này thì sao?” Anh nhún vai: “Vậy thì cứ làm như chưa từng mơ.”

**The church bells rang somewhere far away. I suddenly remembered I was dreaming. “Are you the dream?” I**

**asked. He shook his head. “You are. Haven’t you gone to sleep yet?” I laughed, feeling suddenly younger. “And if I forget this dream in the morning?” He shrugged. “Then live as if you never dreamed it.”**

Gió từ cửa sổ thổi qua, mang theo mùi mưa. Anh đứng dậy: “Em về kẻo trễ giờ trực.” Tôi muốn giữ anh lại bằng một câu chào nào đó đủ tử tế. Cuối cùng tôi chỉ nói: “Cảm ơn.” Anh gật, mắt cười: “Đừng quên ăn sáng.” Rồi anh đi về phía cuối hành lang và biến mất ở khúc rẽ y như trong bệnh viện thật.

**A gust of wind came through the window, carrying the scent of rain. He stood up. “You should go, or you’ll be late for your shift.” I wanted to hold him back with some proper goodbye, but all I managed was, “Thank you.” He nodded, eyes smiling. “Don’t forget breakfast.” Then he walked down the corridor and disappeared around the corner, just as he might have in the real hospital.**

Tôi bừng tỉnh. Trời chưa sáng hẳn. Ở ngoài, tiếng chim đập vào những tán lá ướt. Tôi ngồi dậy, mặc áo, đi qua hành lang trắng. Mùi thuốc sát trùng giòn như lá khô. Tôi gặp Hạnh đang ghi hồ sơ. “Sao thầy dậy sớm vậy?” cô hỏi. Tôi nói: “Đi ăn bánh mì.” Cô cười: “Hôm nay thầy lạ ghê.”

**I woke. The sky was not yet fully light. Outside, birds beat against the wet leaves. I sat up, put on my coat, and walked through the white hallway. The smell of antiseptic was crisp, like dry leaves. I met Hanh writing notes. “Why are you up so early, doctor?” she asked. “Going for bread,” I said. She laughed. “You’re strange today.”**

Trưa, tôi chọn một người để tử tế hơn một chút. Người bảo vệ già vẫn nhường chỗ ở căn tin cho chúng tôi. Tôi đem cho ông một ly trà nóng. Ông ngỡ ngàng, rồi cười, răng sún, mặt sáng hơn cả bóng đèn cuối hành lang. Lúc ấy, tôi

bỗng hiểu: có thể giấc mơ kia chẳng quan trọng bằng việc tôi làm gì khi đã tỉnh.

**At noon, I chose one person to be a little kinder to. The old security guard who always gave us his seat in the cafeteria. I brought him a cup of hot tea. He looked surprised, then smiled, his missing teeth glowing brighter than the last light at the end of the hallway. In that moment, I understood: the dream mattered less than what I did after waking.**

Đêm, trước khi ngủ, tôi viết một dòng: "Hôm nay đã tử tế hơn với một người." Dưới dòng ấy, không có tên, chỉ có một dấu chấm nhỏ. Tôi để dấu chấm đó thay cho lời cầu nguyện. Nếu ai hỏi tôi cầu nguyện với ai, tôi sẽ nói: với người lạ trong giấc mơ của Chúa, người đã nhắc tôi sống như thể mỗi sáng đều là lần đầu.

**That night, before sleeping, I wrote a single line: "Today, I was a little kinder to one person." Beneath it, there was no name, only a small dot. I let that dot stand**

**as a prayer. And if anyone ever asked who I prayed to, I would say: to the stranger in God's dream, the one who reminded me to live as if every morning were the first.**

# 32. The Sound After the Last Heartbeat

Tiếng “bíp” cuối cùng trên monitor kéo dài như một sợi chỉ trắng. Chúng tôi dừng tay. Điều dưỡng tắt máy. Căn phòng im đến mức tôi nghe được tiếng đồng hồ treo tường nhích từng nấc. Rồi, rất lạ, ở đâu đó vang lên một âm thanh khác không phải máy móc, không phải gió mà là tiếng rung của một sợi dây đàn bị gảy, rất nhỏ mà rõ.

**The final *beep* on the monitor stretched out like a thin white thread. We stopped our hands. The nurse turned off the machine. The room grew so still that I could hear the clock on the wall tick forward, one notch at a time. Then, strangely, from somewhere came another sound not from the machines, not from the wind, but like the faint vibration of a string being plucked. Tiny, yet unmistakable.**

Tôi biết não có thể bịa ra âm thanh vào những lúc căng thẳng. Nhưng tiếng đó không làm tôi bất an. Nó giống

tiếng ai đó cất giọng rất khẽ, nói "được rồi". Người nhà đứng xung quanh, mỗi người ôm một miền im lặng của mình. Tôi đặt tấm khăn lên mặt bệnh nhân, mặt ông an tĩnh như mặt hồ mùa thu.

**I knew the brain could invent sounds in moments of strain. But this one did not unsettle me. It felt like someone whispering softly, "It's alright." The family stood around, each holding their own silence. I placed the cloth over the patient's face. His expression was calm, like the surface of a lake in autumn.**

Tối, tôi kể cho Hạnh về tiếng đàn. Cô cười: "Có khi là dây thần kinh của thầy hát." Tôi cười theo. Nhưng đêm đó, khi về nhà, tôi tắt hết đèn, ngồi trên ghế, nhắm mắt. Tôi lại nghe tiếng ấy, kéo dài một giây rồi tắt. Như một dấu chấm câu. Không phải chấm than. Không phải chấm hỏi. Chỉ là chấm hết.

**That evening, I told Hanh about the sound. She laughed. "Maybe it was your nerves singing." I laughed**

**too. But that night, when I returned home, I turned off all the lights, sat in the chair, and closed my eyes. I heard it again. A single tone, lasting just a second, then gone. Like a punctuation mark. Not an exclamation. Not a question. Just a full stop.**

Ngày hôm sau, tôi vào khoa chăm sóc giảm nhẹ. Bà cụ Mười nắm tay tôi: "Đêm qua tôi nghe mưa hát." Tôi hỏi: "Mưa hát thế nào?" Bà bảo: "Như tiếng kim khâu chạm nhau." Tôi bật cười: "Bà làm thợ may hả?" Bà gật: "Cả đời nay rồi." Tôi bỗng hiểu: mỗi người nghe "âm thanh sau nhịp tim cuối" bằng ngôn ngữ của nghề mình.

**The next morning, I visited the palliative care ward. An old woman, Mrs. Muoi, held my hand. "Last night," she said, "I heard the rain sing." I asked, "What did it sound like?" She replied, "Like sewing needles touching." I smiled. "You were a seamstress?" She nodded. "All my life." I suddenly understood: everyone**

**hears the sound after the last heartbeat in the language of their own craft.**

Có lần, một nhạc công già tôi từng điều trị kể rằng khi ông bạn thân mất, ông nghe thấy nốt "fa" kéo dài. "Sao biết là fa?" tôi hỏi. Ông nhún vai: "Tai tôi ở đó." Một tu sĩ thì nói với tôi ông nghe tiếng như gió lật trang sách. Một đứa trẻ nói nó nghe tiếng mẹ gọi "về ăn cơm". Còn tôi, tôi nghe một sợi dây đàn.

**Once, a musician I treated told me that when his best friend died, he heard the note F linger in the air. "How do you know it was F?" I asked. He shrugged. "My ear lives there." A monk once told me he heard the sound of a page turning. A child said he heard his mother calling him home for dinner. As for me, I heard a string's faint vibration.**

Từ đó, tôi bắt đầu chú ý đến những âm thanh nhỏ: tiếng giấy cọ vào nhau khi điều dưỡng lật hồ sơ, tiếng guốc của

cô lao công đi qua lúc 5 giờ sáng, tiếng cánh cửa phòng mổ khép lại rất khẽ. Những âm thanh này gom thành một bản nhạc nền cho nghề, và ở cuối mỗi bản nhạc, đôi khi có một nốt dài làm phòng im lại.

**Since then, I began noticing small sounds: the rustle of paper as a nurse flips through charts, the click of the cleaner's shoes at five in the morning, the whisper of an operating room door closing gently. Together, they form the background music of this work, and at the end of each piece, there is sometimes one long note that makes the whole room fall quiet.**

Tôi không kể chuyện "âm thanh" với người nhà, điều ấy quá riêng, và tôi sợ họ hiểu lầm. Nhưng tôi thay đổi một việc: sau mỗi lần dừng hồi sức, tôi cho cả kíp một phút không làm gì. Không nói câu kỹ thuật. Không dọn dẹp ngay. Một phút nghe cái "im" trong phòng. Rồi chúng tôi mới làm phần còn lại. Một phút ấy giống như gập trang sách trước khi sang chương.

**I never tell families about the sound. It is too personal, and I fear they would misunderstand. But I did change one thing: after each resuscitation ends, I give the team one minute of stillness. No technical talk. No tidying yet. One minute to listen to the room's quiet. Then we go on. That minute feels like folding a page before turning to the next chapter.**

Tuần sau, Hạnh bảo: "Một phút im đó giúp em đỡ mơ thấy ác mộng." Tôi gật. Có lẽ nó giống như kéo dài thêm một nốt nhạc để ai cũng có thời gian thở. Tôi không dám nói về dây đàn và nốt "fa". Tôi chỉ nói: "Ừ, im cũng là thuốc."

**The following week, Hanh said, "That minute of silence helps me dream less about the bad nights." I nodded. Maybe it was like holding a note just a little longer so everyone could breathe. I did not tell her about the string or the note F. I only said, "Silence is also medicine."**

Tối, tôi đến nhà người bạn làm nhạc. Anh đưa tôi cây đàn, bảo gảy một nốt. Tôi gảy bừa. Tiếng đàn rung lên, tan vào phòng. Tôi chợt nhớ khuôn mặt an tĩnh dưới tấm khăn. Trong đầu, tôi nói khẽ: "Được rồi." Và tiếng rung rất nhỏ kia trở thành một phần của sự im lặng mà tôi mang theo không còn đáng sợ nữa.

**That evening, I visited a friend who was a musician. He handed me a guitar and told me to pluck a note. I did, without thinking. The sound vibrated and melted into the room. I suddenly remembered the calm face beneath the cloth. In my mind, I whispered, "It's alright." And the faint vibration became part of the silence I now carry, no longer something to fear.**

# 33. The Day the Robot Learned to Pray

Bệnh viện nhận một robot hỗ trợ mới: nó có cánh tay lấy thuốc, mắt camera, bánh xe chạy êm, giọng nói nữ mặc định. Kỹ sư bàn giao, dạy chúng tôi gọi nó bằng tên thân thiện: “Mía”. Mía đi khắp hành lang, dừng trước cửa phòng, nói: “Xin phép vào.” Người bệnh nhìn, có người cười, có người sợ.

**The hospital received a new assistant robot. It had a mechanical arm for fetching medicine, camera eyes, soft wheels, and a default female voice. The engineer who handed it over taught us to call it by a friendly name: *Mia*. Mia rolled along the corridors, stopping at doorways to say, “May I come in?” Patients watched, some smiling, others uneasy.**

Một đêm, Mía gặp sự cố. Nó đứng khựng ở cửa phòng hậu phẫu, đèn báo nhấp nháy, màn hình hiện dòng chữ: “Lỗi điều hướng.” Hạnh cúi xuống kiểm tra. Tôi đứng cạnh,

bỗng nghĩ về việc chúng ta đã mơ một bệnh viện không cần người. Rồi tôi nhìn điều dưỡng kê thêm gối cho bệnh nhân, nghe cô lao công hỏi nhỏ "đỡ chưa". Tôi biết giấc mơ đó sẽ trống.

**One night, Mia froze at the door of the recovery room. Its signal light blinked red, and the screen displayed: *Navigation error*. Hanh bent down to check it. I stood beside her, suddenly thinking about how we once dreamed of a hospital that would no longer need people. Then I looked around and saw a nurse adjusting a patient's pillow, a cleaner whispering, "Feeling better?" I realized that dream would always feel empty.**

Kỹ sư đến sửa. Anh giải thích: cảm biến của Mía bị lóa vì ánh đèn phản chiếu. "Nó cần một khoảng tối để nhìn rõ," anh nói. Tôi bật cười: "Con người cũng vậy." Anh gật: "Nên tụi em lập trình cho nó dừng ba giây trước khi vào

khu sáng quá.” Tôi nghĩ đến “khoảng lặng” trong bài học cũ của mình.

**The engineer arrived to fix it. He explained that Mia’s sensors had been blinded by reflected light. “It needs a bit of darkness to see clearly,” he said. I laughed. “Humans do too.” He nodded. “That’s why we programmed it to pause for three seconds before entering areas that are too bright.” I thought of the “pause” from my old lesson.**

Chúng tôi dạy Mía một thói quen: trước khi đưa thuốc, nó sẽ nói một câu: “Xin phép xác nhận tên và liều.” Câu ấy làm mọi người bình tĩnh. Một hôm, khi đi qua phòng nhi, Mía dừng lại lâu hơn bình thường. Tôi đến gần, thấy trên màn hình hiện dòng: “Phát hiện tiếng khóc.” Nó không biết phải làm gì. Tôi đặt tay lên nó: “Đứng đó một chút.”

**We taught Mia a new habit. Before handing out medication, it would say, “Please confirm your name and dosage.” That one sentence calmed people. One**

**day, while passing the pediatric ward, Mia stopped longer than usual. I walked over and saw on its screen: *Detected crying sound.* It did not know what to do. I placed my hand on its side. "Stay there a moment," I said.**

Cô bé trong phòng đang khóc vì sợ tiêm. Hạnh ngồi xuống, hát khe khẽ. Mía đứng im, đèn xanh nhấp nháy đều như nhịp thở. Tôi bỗng muốn dạy nó một điều không có trong hướng dẫn sử dụng. Tôi bảo kỹ sư: "Có thể lập trình cho nó đếm từ 1 đến 5 bằng giọng chậm, khi phát hiện tiếng khóc không?" Anh nói có thể. Chúng tôi thử. Hóa ra nó lại hiệu quả. Mỗi lần có tiếng khóc ở phòng nhi là Mía lại chạy qua, đếm từng nhịp một. Tưởng chừng đơn giản mà cảm giác lại du dương lạ thường

**Inside, a little girl was crying, afraid of the needle. Hanh sat down and sang softly. Mia stood still, its green light pulsing steadily like a slow breath. I suddenly wanted to teach it something that was not in**

**any manual. I asked the engineer, "Can you program it to count from one to five, slowly, whenever it detects crying?" He said yes. We tried it. It worked. Each time a child cried, Mia came over and began counting softly. Something about it felt unexpectedly soothing, almost musical.**

Có đêm khuya, đi ngang nhà nguyện nhỏ của bệnh viện, tôi thấy Mía đứng ở cửa, đèn xanh nhấp chậm. "Nó làm gì ở đây?" tôi hỏi. Kỹ sư bảo: "Nó chọn đường đi tối để tránh lóa." Tôi cười: "Trông như đang… cầu nguyện." Từ đó, thỉnh thoảng tôi đùa: "Mía đi lễ."

**Late one night, as I walked past the small hospital chapel, I saw Mia standing by the door, its green light blinking slowly. "What is it doing there?" I asked. The engineer said, "It chose the darker route to avoid glare." I smiled. "Looks like it's praying." Since then, we sometimes joked, "Mia's going to church."**

Một tối, sau một ca khó, tôi ngồi bệt ở hành lang. Mía dừng trước mặt, màn hình hiện: “Cần nước không?” Tôi bấm “Có”. Nó chạy đến bình nước, quay lại, giọng nữ nói: “Xin mời.” Tôi uống một ngụm dài. “Cảm ơn,” tôi nói. Mía im. Tôi nghĩ, nếu “cầu nguyện” là biết dừng lại ba giây trước một điều thiêng liêng, thì Mía đã biết cầu nguyện.

**One night, after a long and difficult surgery, I sat on the hallway floor. Mia stopped in front of me, screen showing: *Need water?* I pressed *Yes*. It rolled to the dispenser, returned, and in its calm voice said, “Please drink.” I took a long sip. “Thank you,” I said. Mia stayed silent. I thought, if prayer means pausing three seconds before something sacred, then Mia had already learned to pray.**

Sáng hôm sau, tôi bảo kỹ sư thêm một dòng vào chương trình khi Mía ở gần phòng hồi sức: “Xin giữ im lặng.” Người ta bảo robot không có tâm hồn. Tôi không tranh

luận. Nhưng tôi thấy có những hành vi có thể giúp nó con người hơn như biết im, biết đếm chậm, biết nhường đường. Nếu một cỗ máy làm được, có lẽ chúng ta cũng nên làm thường xuyên hơn.

**The next morning, I asked the engineer to add one more line to its program whenever it entered the intensive care unit: "Please keep silence." People say robots have no soul. I do not argue. But I believe certain gestures can make them a little more human: knowing how to be still, how to count slowly, how to yield the way. And if a machine can do that, perhaps we should too.**

Đêm, nhà nguyện vắng. Tôi đứng ở cửa như Mía. Tôi không đọc lời nào. Chỉ thở. Chỉ đếm từ 1đến 5. Rồi tôi đi ra, tiếp tục phần việc của mình, thấy lòng lạ lùng nhẹ như vừa được một chiếc máy dạy cách chậm lại.

**That night, the chapel was empty. I stood at the door like Mia once did. I did not speak any words. I only**

**breathed. I only counted from one to five. Then I walked out to continue my work, feeling light, as if a small machine had quietly taught me how to slow down.**

# 34. Beyond Fear

Cô gái chuẩn bị chụp MRI. Căn phòng máy lạnh sâu, tiếng ầm ầm như bão xa. Cô run, mắt dán vào trần. “Em sợ chật,” cô nói, “và sợ… không thở được.” Tôi giải thích về nút chuông, về tai nghe, về việc chúng tôi luôn ở bên ngoài. Cô gật, nhưng nỗi sợ như một con mèo hoang nấp dưới ghế, chỉ chờ nhảy ra.

**The girl was preparing for an MRI scan. The room was cold, the air humming like a distant storm. She trembled, eyes fixed on the ceiling. “I’m afraid of small spaces,” she said softly, “and afraid… that I might not breathe.” I explained about the emergency button, the headphones, the fact that we would always be right outside. She nodded, but fear crouched inside her like a stray cat hiding under a chair, ready to leap at any sound.**

Tôi bảo: “Trước khi vào máy, mình đi bộ mười bước quanh phòng. Mỗi bước, em nói thầm một chữ.” Cô hỏi: “Chữ gì?” Tôi đáp: “Đi.” Chúng tôi đi, đếm: đi, đi, đi… Đến bước thứ mười, tôi bảo: “Giờ nằm, tiếp tục đếm.” Máy bắt đầu gầm. Tôi đứng phía ngoài kính, nhìn thấy môi cô mấp máy: đi, đi, đi…

**I said, “Before going into the machine, let’s take ten steps around the room. With each step, say one word to yourself.” She asked, “What word?” I replied, “Go.” We walked and counted together: go, go, go… At the tenth step I said, “Now lie down, and keep counting.” The machine began to roar. From behind the glass, I could see her lips moving: go, go, go…**

Mười phút đầu, cô bấm chuông: “Em muốn ra.” Tôi kéo ra, nói: “Ổn. Em đã đi được mười phút.” Cô thở hắt: “Em tưởng mới một.” Tôi cười: “Nỗi sợ ăn gian thời gian.” Chúng tôi lại đi mười bước. Lần hai, cô vào lâu hơn. Lần ba, cô hoàn thành. Khi ra, cô ngạc nhiên: “Em qua rồi.”

Tôi gật: “Bên kia nỗi sợ cũng chỉ là… phần còn lại của căn phòng.”

**After ten minutes, she pressed the button. “I want to come out,” she said. I pulled her out. “You’re fine,” I said, “you’ve already gone ten minutes.” She exhaled in disbelief. “I thought it was just one.” I smiled. “Fear cheats time.” We walked ten more steps. The second time, she stayed longer. The third time, she finished. When she came out, she said, amazed, “I made it.” I nodded. “Beyond fear is often just… the rest of the same room.”**

Chiều, tôi phải nói chuyện với một gia đình về khả năng xấu. Tôi thấy bụng mình thắt lại như mỗi lần sắp bước vào MRI của chính mình. Tôi đi mười bước trong hành lang, đếm thầm: đi, đi, đi… Đến bước thứ mười, tôi mở cửa. “Thưa anh chị,” tôi bắt đầu, giọng đã bớt run.

**That afternoon, I had to speak with a family about a difficult prognosis. My stomach tightened, the way it**

**does before stepping into my own MRI. I walked ten steps down the corridor, counting quietly: go, go, go… At the tenth step, I opened the door. "Good evening," I began, my voice steadier now.**

Chúng ta hay nghĩ "bên kia nỗi sợ" là một vùng đất khác, sáng rực. Nhưng phần lớn thời gian, bên kia chỉ là cùng căn phòng, cùng người, chỉ khác ở việc ta đã đi hết mười bước. Tôi dán một tờ giấy nhỏ trên bàn làm việc: "10 bước." Hạnh thấy, hỏi: "Thầy tập thể dục hả?" Tôi cười: "Tập đi qua."

**We often imagine that "beyond fear" is a bright new land. But most of the time, beyond it is simply the same room, the same people, only we have walked all ten steps. I pinned a small note to my desk: "10 steps." Hanh saw it and asked, "Exercise routine?" I laughed. "A routine for passing through."**

Tuần sau, cô gái quay lại mang cho tôi một túi bánh. “Em muốn tặng bác sĩ mười cái,” cô nói, “để mỗi cái là một bước.” Tôi đếm: đúng mười. Tôi ăn một cái, thấy ngọt không vì đường mà vì cảm giác một căn phòng vừa rộng thêm. Tôi nở bụng, nghĩ đến những lần tôi đã đứng lại ở bước thứ chín chỉ vì sợ.

**The following week, the girl returned with a small bag of cookies. “I wanted to give you ten,” she said, “so each one is a step.” I counted. Ten exactly. I ate one, and the sweetness wasn’t from the sugar but from the feeling that a room had somehow become larger. My chest loosened as I thought of all the times I had stopped at step nine, just because I was afraid.**

Đêm, tôi đi một mình ở hành lang trống, đèn neon nhấp nháy. Tôi đếm mười bước, rồi thêm mười. Tôi không biết mình đang đi về đâu, chỉ biết mỗi mười bước có một nhịp thở mới. Tôi chợt hiểu tại sao người ta gọi là “đi qua nỗi

sợ" chứ không phải "đứng nhìn nỗi sợ". Vì nỗi sợ giống như một cái bóng: chỉ cần ta bước, cái bóng sẽ đổi chỗ.

**That night, I walked alone through the empty corridor, the neon lights flickering. I counted ten steps, then ten more. I didn't know where I was going, only that every ten steps came with a new breath. And then I understood why we say "to walk through fear" instead of "to stand before it." Because fear is a shadow, and the moment we move, the shadow moves too.**

# 35. The Last Breath of the Wind

Bệnh viện có một khu vườn nhỏ, mấy khóm trúc và ghế đá. Buổi chiều, gió thổi nhẹ qua hành lang. Bà cụ nằm ở phòng cuối, bệnh nặng lâu, con cháu đã tới đủ. Bà muốn ra vườn một lát. Chúng tôi đặt bà lên cáng, đẩy ra. Gió lùa qua chăn, bà mở mắt, miệng mỉm cười: “Gió thơm.”

**The hospital had a small garden with a few bamboo groves and stone benches. In the afternoon, the breeze drifted gently through the hallway. The old woman lay in the last room, long ill, her family already gathered. She wanted to go out to the garden for a while. We placed her on a stretcher and wheeled her there. The wind slipped through the blanket. She opened her eyes and smiled. “The wind smells sweet,” she whispered.**

Cả nhà ngồi quanh, nói những câu bình thường: hôm nay trời xanh, chim đậu trên mái, cây trúc mọc thêm hai đốt. Không ai nói tới từ “tạm biệt”. Tôi ngồi xa, như một người

qua đường, chỉ có mặt khi cần. Bà bảo cháu nội hát bài "Ru con" bà vẫn hát ngày xưa. Tiếng hát vụng về, nhưng gió nhẹ nhàng mang nó đi như một cánh diều.

**The family sat around her, speaking ordinary words. The sky was blue today, a bird had landed on the roof, the bamboo had grown two new joints. No one said the word goodbye. I sat a little apart, like a passerby, present only when needed. She asked her granddaughter to sing the lullaby she used to sing long ago. The girl's voice was clumsy, but the wind lifted it softly, like a kite taking flight.**

Một lúc, bà thở nhanh hơn. Con gái bà nắm tay: "Mẹ ơi." Bà mở mắt: "Ừ." Tôi nghe tiếng gió đổi. Nó đi chậm lại, rồi nhanh, rồi dừng một thoáng, rồi lại đi. Tôi nhìn lồng ngực bà, nhìn chiếc khăn trên cổ rung rất nhẹ. Rồi, như một con sóng rút, hơi thở lắng xuống, mềm như cát. Gió cũng lặng lại một giây, rồi thổi tiếp, không buồn không vui.

**After a while, her breathing quickened. Her daughter held her hand. “Mother.” The old woman opened her eyes. “Yes.” I could hear the sound of the wind changing. It slowed, then quickened, then paused for a heartbeat, then moved again. I watched her chest rise, the scarf at her neck tremble slightly. Then, like a wave drawing back to sea, her breath faded, gentle as sand. The wind too fell still for a second, then continued, neither sad nor joyful.**

Con gái bà khóc nấc, rồi nín rất nhanh, chỉ còn nắm tay mẹ. Ai đó nói: “Mẹ đi như gió.” Tôi nghĩ, không phải “như”, mà là “vào”. Bà đi vào gió, thứ luôn có mặt mà ta ít để ý. Tôi đứng lên, cúi đầu. Những chiếc lá trúc chạm nhau, kêu lách tách như vỗ tay nhỏ.

**Her daughter sobbed once, then quieted quickly, still holding her mother’s hand. Someone said, “She left like the wind.” I thought, not *like*, but *into*. She went into the wind, that ever-present thing we so rarely notice. I**

**stood and bowed. The bamboo leaves brushed against each other, making a soft clapping sound, as if the world were applauding quietly.**

Chúng tôi đưa bà vào lại phòng, làm những thủ tục sau cùng. Khi xong, con gái bà ra vườn, đứng một lúc lâu. Tôi ra cùng, không hỏi câu gì. Bà nói: "Từ nay chắc chiều nào tôi cũng ra đây." Tôi gật: "Gió biết đường tìm chị." Bà cười rất mệt, nhưng bình yên.

**We brought her back to the room and completed the final procedures. When it was done, her daughter returned to the garden and stood there for a long time. I joined her, asking nothing. She said, "From now on, I'll probably come here every evening." I nodded. "The wind will know where to find you." She smiled, weary but peaceful.**

Tối, tôi về nhà, mở cửa sổ. Gió tối nay mang mùi mưa cũ. Tôi tắt quạt, chỉ để gió làm việc của nó: đi qua nhà, đi qua

người, đi qua những khoảng trống. Tôi nhắm mắt, nghe hơi thở của mình giống hơi thở gió: có lúc dài, lúc ngắn, lúc mạnh, lúc nhẹ, nhưng chưa bao giờ hoàn toàn dừng. Và tôi hiểu, có lẽ vì thế mà khi một người rời đi êm ái, người ở lại có thể thở tiếp.

**That night, I went home and opened the window. The wind carried the scent of old rain. I turned off the fan and let the wind do its work, passing through the house, through the body, through the empty spaces. I closed my eyes and felt my own breath resemble the wind's: sometimes long, sometimes short, sometimes strong, sometimes soft, yet never fully still. And I understood that perhaps this is why, when someone leaves gently, those who remain can still go on breathing.**

# 36. When Time Stops Counting

Có những phút trong phòng cấp cứu, đồng hồ như ngừng. Không phải vì kim đứng, mà vì mắt người ta dán vào một điểm đến mức quên thời gian là gì. Đêm đó, người đàn ông trẻ ngừng tim. Chúng tôi bắt đầu hồi sức. Một, hai, ba… số đếm vang như tiếng trống. Nhưng rồi, giữa nhịp nhanh, mọi thứ như chậm đi: bàn tay đè ngực, bóng thở, ánh đèn. Tôi nghe tiếng mình nói "tiếp tục" như từ xa.

**There are moments in the emergency room when time seems to stop. Not because the clock's hands freeze, but because everyone's eyes fix on one single point and forget what time even means. That night, a young man's heart stopped. We began resuscitation. One, two, three… the numbers echoed like drumbeats. But then, amid the urgency, everything slowed down: the hands pressing the chest, the hiss of air, the light overhead. I heard my own voice saying "continue," as if from somewhere far away.**

Trong khoảnh khắc ấy, tôi thấy một hình ảnh rất lạ: bản thân tôi hồi nhỏ, đứng ở cửa, hỏi: “Ba về chưa?” Tôi lắc đầu với ảo ảnh, chú ý trở lại. Người nhà đứng ngoài, mắt không chớp. Thời gian như một tấm lưới chụp xuống phòng, mọi chuyển động mắc vào đó, rồi bất ngờ lưới bị nhấc lên, tất cả rơi xuống cùng lúc.

**In that instant, I saw something strange: a small version of myself standing by a doorway, asking, “Is Dad home yet?” I shook my head at the image and pulled my focus back. The family waited outside, unblinking. Time felt like a net cast over the room, catching every motion, and then suddenly the net was lifted, and everything fell at once.**

Chúng tôi kéo dài thêm vài phút. Sau đó, tôi nhìn đồng hồ, quyết định dừng. Im lặng. Tôi nói câu tôi ghét nói nhất: “Xin lỗi.” Người nhà đổ xuống như cây bị chặt gốc. Tôi đứng đó, vai hơi cúi, thấy cổ mình khát như ở sa mạc. Thời

gian lại chảy. Tôi nghe tiếng điều dưỡng xếp dụng cụ, tiếng bút ký giấy, tiếng giày đi nhẹ.

**We went on for a few more minutes. Then I looked at the clock and made the decision to stop. Silence. I said the words I hate the most: "I'm sorry." The family collapsed like trees cut at the roots. I stood there, shoulders bent, throat dry as a desert. Time began to move again. I heard the nurse tidying instruments, the scratch of a pen signing papers, the soft steps of shoes leaving the room.**

Đêm, về nhà, tôi ngồi ở bàn ăn một mình. Đồng hồ treo tường kêu "tích". Tôi tháo pin ra. Phòng im. Tôi đếm thầm từ 1 đến 10, giống như khi nín thở dưới nước hồi nhỏ. Khi đến 10, tôi lắp lại pin. Đồng hồ chạy. Tôi hiểu, thời gian không ngừng vì ta muốn. Nhưng ta có thể ngừng để kịp biết mình đang ở đâu, trước khi đi tiếp.

**That night, at home, I sat alone at the dining table. The clock ticked. I took the battery out. The room fell quiet.**

**I counted silently from one to ten, like when I used to hold my breath underwater as a child. When I reached ten, I put the battery back. The clock started again. I understood that time does not stop because we wish it to, but we can pause ourselves just long enough to know where we are before going on.**

Sáng hôm sau, tôi gặp người nhà ở hành lang. Họ hỏi về vài chi tiết kỹ thuật như một cách bấu víu vào logic để không rơi vào hố cảm xúc. Tôi trả lời cẩn thận. Trước khi đi, mẹ của anh nắm tay tôi: "Bác sĩ có về kịp nhà tối qua không?" Tôi lúng túng: "Có." Bà gật: "Vậy thì tốt."

**The next morning, I met the family in the hallway. They asked about technical details, clinging to logic so as not to fall into the pit of grief. I answered carefully. Before leaving, the young man's mother held my hand. "Did you make it home last night?" she asked. I hesitated. "Yes." She nodded. "That's good."**

Từ hôm đó, tôi tập một thói quen: sau mỗi ca dừng, cho mình ba phút ngồi xuống ghế, không làm gì, không nghĩ gì có chủ ý. Ba phút đó như tháo pin đồng hồ rồi lắp lại. Nó không làm tôi chậm, ngược lại làm phần còn lại trong ngày của tôi rõ hơn, ít trôi tuột hơn.

**Since that day, I have practiced a small ritual. After every case that ends, I give myself three minutes to sit down, do nothing, think of nothing in particular. Those three minutes are like removing the battery from a clock and putting it back in again. They do not make me slower. In fact, they make the rest of my day clearer, less likely to slip away unnoticed.**

Một tối, con trai tôi đứng ở cửa: “Ba về chưa?” Chẳng rõ vì sao câu nói ấy lại làm tôi bật cười. Tôi bế nó lên, nghe tiếng nó cười nắc nẻ và cảm nhận thời gian chảy ào ào như suối mùa lũ. Tôi thấy trong ào ào đó, có ba phút tĩnh mỏng như một lá sen. Và có lẽ, giữa nghề nghiệp nhiều tiếng

đếm, biết ngừng một chút là cách duy nhất để đếm tiếp mà không hóa đá.

**One evening, my son stood at the doorway. “Dad, are you home?” For some reason, his question made me laugh out loud. I lifted him into my arms, heard his giggles, and felt time rushing around us like a swollen stream. Within that rush, I sensed three still minutes, thin as a lotus leaf. And perhaps, in a profession ruled by counting, learning to pause a little is the only way to keep counting without turning to stone.**

# 37. The Doctor and the Soul

Tôi gặp “linh hồn” của mình ở cầu thang thoát hiểm nơi tôi thường trốn vài phút trước khi bước vào một ca khó. Không phải bóng ma. Chỉ là một giọng nói trong đầu, bình tĩnh đến kỳ lạ. “Cậu có nhớ lần đầu không?” giọng hỏi. “Lần đầu gì?” tôi cãi. “Lần đầu cậu muốn cứu ai đó không phải để chứng minh gì cả.”

**I met my “soul” on the emergency stairwell where I often hid for a few minutes before a difficult case. It was not a ghost. Just a voice in my head, calm in a strange way. “Do you remember the first time?” it asked. “The first what?” I argued. “The first time you wanted to save someone not to prove anything, but simply to save.”**

Tôi ngồi xuống bậc thang, tay đặt lên gối. “Tôi mệt,” tôi nói. “Tôi biết,” giọng đáp, “nhưng mệt không phải vấn đề. Vấn đề là cậu sợ quên.” “Quên gì?” “Quên rằng người

trước mặt là người.” Tôi ấm người như ai đặt một túi chườm lên ngực. “Vậy tôi phải làm gì?” tôi hỏi. “Nhìn lâu hơn nửa giây,” giọng nói, “và gọi họ bằng tên.”

**I sat down on the steps, my hands resting on my knees. “I’m tired,” I said. “I know,” the voice replied. “But being tired isn’t the problem. The problem is that you’re afraid to forget.” “Forget what?” “Forget that the person in front of you is a person.” Warmth spread through my chest as if someone had placed a hot pack there. “So what should I do?” I asked. “Look half a second longer,” the voice said, “and call them by their name.”**

Tôi cười: “Anh nói chuyện thực dụng ghê.” Giọng cũng cười: “Cậu tưởng linh hồn chỉ nói chữ to sao?” Chúng tôi im. Tiếng gió thổi qua khe cửa, mùi thuốc sát trùng nhạt. Tôi nghĩ về những lúc mình đã thành máy làm đúng nhưng không có mặt. Giọng nói: “Khoa học là cách, không phải cớ.”

**I laughed. “You sound so practical.” The voice laughed too. “You think souls only speak in grand words?” We fell silent. The wind slipped through the crack of the door, carrying the faint scent of disinfectant. I thought of the times I had become a perfect machine that did everything right but was not truly present. The voice said, “Science is a way, not an excuse.”**

Trong ca mổ hôm đó, tôi gọi tên bệnh nhân trước khi gây mê. “Anh Bình, chúng tôi ở đây,” tôi nói. Mắt anh nhìn tôi nửa giây, đủ để một thứ gì đó nối vào nhau. Ca mổ thuận. Khi khâu, tôi nghe giọng kia thì thầm: “Đặt mũi này như đặt chữ cuối của một câu.” Tôi khâu chậm lại, thấy câu mình viết bớt vội.

**During surgery that day, I called the patient’s name before anesthesia. “Mr. Binh, we are here,” I said. His eyes met mine for half a second, just long enough for something to connect. The operation went smoothly. As I stitched, the voice whispered, “Place this stitch as if it**

**were the last word of a sentence.” I slowed my hands and felt the line grow gentler.**

Tối, tôi lại ra cầu thang, chờ giọng kia. Không có. Tôi cười một mình: “Đồ khó ưa.” Ngày khác, khi tôi bực vì một người nhà cãi cọ, giọng nói trở lại: “Cậu đang sợ.” Tôi gắt: “Sợ gì?” “Sợ bị coi thường.” Tôi ngồi xuống thềm, thở dài: “Ừ.” Giọng nói mềm hơn: “Vậy thì đừng coi thường họ trước.”

**That night, I went back to the stairwell, waiting for the voice. It did not come. I smiled to myself. “Stubborn thing.” Another day, when I was angry after an argument with a patient’s family, the voice returned. “You’re afraid.” “Afraid of what?” I snapped. “Afraid of being disrespected.” I sat on the step and sighed. “Yes.” The voice softened. “Then do not disrespect them first.”**

Tôi không kể chuyện “linh hồn” với ai. Tôi sợ bị hiểu là mê tín. Nhưng tôi biết nhiều đồng nghiệp cũng có một giọng như thế. Có người gọi là “lương tâm nghề nghiệp”, có người gọi là “tiếng nói của thầy cũ”. Tôi không tranh cãi về tên. Tôi chỉ biết mỗi lần nghe, tôi bớt sắc lạnh, nhiều khoảng ấm hơn.

**I never told anyone about the “soul.” I was afraid they would think I was superstitious. But I knew many colleagues had a similar voice. Some called it “professional conscience.” Others called it “the echo of an old teacher.” I did not argue over names. I only knew that every time I heard it, I became less sharp-edged and a little warmer.**

Có hôm, giọng ấy im suốt. Tôi thấy mình bắt đầu tuột. Tôi viết lên giấy ba chữ đặt trong túi áo: “Nhìn, gọi tên.” Chỉ vậy. Trong ngày, tôi thử gọi thêm vài người bằng tên, không bằng “bệnh nhân số…”. Kỳ diệu thay, không khí mềm ra. Khi tiếng người mềm, tay người cũng mềm.

**There were days when the voice stayed silent. Those were the days I began to slip. I wrote three words on a piece of paper and kept it in my pocket: "Look. Say the name." That was enough. During the day, I tried calling people by their names instead of "patient number…" Miraculously, the air softened. When voices soften, hands soften too.**

Đêm, tôi ngồi ở cửa sổ, nhìn trăng. Tôi nói nhỏ: "Cảm ơn đã nói chuyện." Không có tiếng trả lời. Nhưng có một cảm giác như ai đặt tay lên vai. Và tôi hiểu, có những cuộc trò chuyện không cần tiếng. Chỉ cần một người chịu ngồi xuống nghe chính mình.

**That night, I sat by the window and looked at the moon. I whispered, "Thank you for talking." No voice replied. But I felt as if someone had placed a hand on my shoulder. And I understood that some conversations need no sound at all. They only need one person willing to sit still and listen to themselves.**

# 38. The Fragile Realm of Being Human

Tôi bắt đầu cuốn sách này vì một câu hỏi đơn giản: chúng ta phải làm gì với sự mong manh của mình? Mỗi ngày, trong bệnh viện, tôi thấy một sợi dây mỏng nối những người xa lạ: một y tá nhẹ tay, một bác sĩ kiên nhẫn, một người nhà kìm nước mắt, một bệnh nhân nắm chặt giường khi sợ. Sợi dây ấy không bền theo kiểu thép mà nó bền theo kiểu tơ: đứt được, nhưng nối lại cũng được.

**I began this book with a simple question: What do we do with our own fragility? Every day in the hospital, I see a thin thread connecting strangers: a nurse's gentle hand, a doctor's patience, a family member holding back tears, a patient gripping the bed in fear. That thread is not strong like steel; it is strong like silk. It can break, but it can also be mended.**

Có người bảo mong manh là yếu. Tôi nghĩ mong manh là thật. Cây cỏ mong manh nhưng mùa nào cũng mọc. Gương

mong manh nhưng phản chiếu được vạn vật. Trái tim mong manh nhưng lại là thứ giữ lấy người. Tôi đã gặp những người rất mạnh mà hóa ra chỉ mạnh ở tiếng nói, còn bên trong rỗng. Tôi cũng gặp những người run như lá mà giữ được cả gia đình qua một đêm bão.

**Some say that fragility means weakness. I think fragility means truth. Grass is fragile, yet it grows every season. Glass is fragile, yet it reflects the whole world. The heart is fragile, yet it is what holds us together. I have met people who seemed strong but were hollow inside. And I have met those who trembled like leaves yet held an entire family through a night of storm.**

Một buổi sáng, ở căn tin, tôi thấy cô lao công cẩn thận lau khay cho một ông cụ tay run. Hành động nhỏ đó cho tôi thấy "cõi người" không ở đâu xa, nó ở giữa tiếng chổi, tiếng muỗng, tiếng thang máy. Nó nhắc chúng ta đi chậm

lại nửa bước để không đụng vào nhau. Vì cõi người mong manh nên cần những người biết đi chậm.

**One morning, in the cafeteria, I watched a cleaning lady carefully wipe a food tray for an old man whose hands shook. That small act reminded me that "the realm of being human" is not somewhere distant. It lives in the sound of brooms, in the clink of spoons, in the chime of elevators. It teaches us to slow down half a step so we do not collide with one another. Because the fragile realm of being human needs people who know how to walk gently.**

Có ngày, tôi yếu đến mức tưởng mình cũng sẽ vỡ. Những lúc đó, tôi lấy hộp gỗ của cha, đọc mảnh giấy cũ: "Đừng để tay quên lòng." Tôi đặt tay lên ngực, nghe tim, thấy nó vẫn kiên nhẫn làm việc của nó: không kêu ca, không giận dỗi. Tôi nghĩ, có lẽ "lòng" cũng có thể học "tim": không kêu ca, không giận dỗi, chỉ làm việc của nó là yêu.

**There are days when I feel so weak I think I might shatter. In those moments, I open my father's wooden box and read the old note inside: Do not let your hands forget your heart. I place my hand on my chest and listen. The heart keeps doing its quiet work: no complaint, no resentment. I think perhaps the heart can teach the soul to do the same: to keep loving, quietly and steadfastly.**

Một bệnh nhân hỏi tôi: "Bác sĩ có sợ không?" Tôi đáp: "Có. Nhưng sợ không cấm mình tử tế." Cậu cười: "Tử tế để làm gì?" Tôi nói: "Để khi sợ, còn có chỗ mà bấu víu." Tôi không chắc cậu hiểu. Nhưng chiều hôm đó, tôi thấy cậu nhường chai nước cho người bên cạnh. Có lẽ cậu ấy đã hiểu rồi.

**A patient once asked me, "Doctor, are you ever afraid?" "Yes," I said. "But fear does not forbid kindness." He smiled. "And what's the point of kindness?" "So that when you're afraid, you have**

**something to hold on to." I wasn't sure he understood. But later that afternoon, I saw him offer his water bottle to the patient beside him. Maybe he had.**

Tôi nghĩ về những giọt sáng, những tách trà chưa nguội, những bông hoa sau tường rêu, những chiếc chuông nhỏ, những bàn tay còn ấm, những bức ảnh đặt trên khay mổ. Tất cả đều mong manh. Và chính vì mong manh, chúng mới cần được đặt vào trung tâm của một cuốn sách, của một bệnh viện, của một đời người.

**I think of small lights, cups of tea still warm, flowers behind mossed walls, tiny bells, warm hands, photographs resting on a surgical tray. All of them fragile. And precisely because they are fragile, they deserve to be placed at the center of a book, a hospital, and a human life.**

Có người hỏi cuốn sách này có ích gì. Tôi không chắc. Nó không chỉ đường chữa bệnh, không đổi chính sách, không

làm giảm áp lực công việc. Nhưng có thể, nó làm một việc nhỏ: nhắc ai đó dừng nửa giây trước khi nói, nhìn lâu thêm nửa giây trước khi quyết, nắm tay nhau lâu thêm nửa giây trước khi buông. Nửa giây đó, nhiều khi là khoảng cách giữa gãy và không gãy.

**Someone once asked what use this book might have. I am not sure. It cannot teach how to cure disease, or change policy, or lighten the workload. But perhaps it can do one small thing: remind someone to pause half a second before speaking, to look half a second longer before deciding, to hold another's hand half a second more before letting go. Half a second, that is often the distance between breaking and not breaking.**

Cuối cùng, tôi nghĩ mình viết để cảm ơn. Cảm ơn các đồng nghiệp, những người thắp đèn, cầm kéo, lau sàn, bê khay. Cảm ơn những người mẹ, người cha, người con đã dạy tôi về lòng can đảm. Cảm ơn những người đã đi, để người ở lại biết quý trọng hơi thở của mình. Và cảm ơn chính sự

mong manh vì nhờ nó, chúng ta có lý do để dịu dàng với nhau.

**In the end, I think I wrote this book to say thank you. Thank you to my colleagues, who light the lamps, hold the scalpels, clean the floors, and carry the trays. Thank you to the mothers, fathers, and children who have taught me about courage. Thank you to those who have left, for reminding the living to cherish every breath. And thank you to fragility itself, because through it, we find our reason to be gentle with one another.**

# 39. A Song for Those Who Stay

Tôi muốn kết bằng một bài ca không có nhạc, chỉ có chữ. Bài ca dành cho những người ở lại sau mỗi mất mát, sau mỗi ca mổ, sau mỗi đêm trực dài.

**I want to end with a song without music, made only of words. A song for those who stay behind after every loss, every surgery, every long night on duty.**

Cho người mẹ vừa gấp lại tờ giấy siêu âm cũ: xin chị ăn bát cháo nóng, ngủ một giấc, vì ngày mai cần có chị tỉnh táo để ôm con.

**For the mother who has just folded an old ultrasound paper: please eat a bowl of hot porridge and sleep a little, because tomorrow the world will need you awake to hold your child.**

Cho người cha vừa ký một xấp giấy không hiểu hết: xin anh nhớ rằng hỏi lại không làm mình nhỏ đi. Có những điều cần hỏi, để đỡ lạc trong rừng thuật ngữ.

**For the father who has just signed a stack of papers he did not fully understand: please remember that asking questions does not make you small. There are things we must ask, so we do not lose ourselves in a forest of terms.**

Cho người vợ mới bước khỏi phòng hồi sức: xin chị đi chậm ở hành lang, nhìn một ngọn đèn vàng, mở một khung cửa sổ, để thấy bầu trời vẫn ở đó.

**For the wife who has just stepped out of the recovery room: please walk slowly down the hallway, look at a yellow light, open a window, and see that the sky is still there.**

Cho người chồng vừa nghe hai chữ "hóa trị": xin anh đếm mười bước, rồi thêm mười. Bên kia nỗi sợ thường chỉ là phần còn lại của căn phòng.

**For the husband who has just heard the word chemotherapy: please count ten steps, then ten more. On the other side of fear is often just the rest of the same room.**

Cho đứa trẻ sợ kim tiêm: xin con mượn chiếc ống nghe, nghe tim mình gọi ra chơi. Con là người dũng cảm khi biết nói "con sợ".

**For the child afraid of needles: please borrow a stethoscope and listen to your heart calling you to play. You are brave when you can say "I am scared."**

Cho người điều dưỡng mang theo đôi giày mòn: xin em đọc lại mảnh giấy nhỏ trong túi: "Khi mệt, uống nước. Khi sợ, thở." Em là người giữ nhịp cho cả nhà.

**For the nurse with worn-out shoes: please read again the small note in your pocket: When tired, drink water. When afraid, breathe. You are the one who keeps the rhythm for the whole house.**

Cho người bác sĩ đã khóc ở bậc thang: xin anh lau nước mắt, rồi rửa tay, rồi làm tiếp phần việc của mình. Khóc không làm anh ít đi, nó làm anh người hơn.

**For the doctor who cried on the stairwell: please wipe your tears, wash your hands, and go on with your work. Tears do not make you less; they make you more human.**

Cho cô lao công dựng tấm bìa chắn cho bông hoa sau tường rêu: xin cô tiếp tục làm người làm vườn của bệnh viện này.

**For the cleaning lady who built a cardboard shield for a flower behind the mossed wall: please keep being the gardener of this hospital.**

Cho bác bảo vệ buộc chùm bóng bay xanh ở vườn: xin bác vẫn là người kéo bầu trời xuống thấp cho bọn trẻ.

**For the guard who tied a bunch of blue balloons in the garden: please keep being the one who pulls the sky a little closer for the children.**

Cho những người đã đi: chúng tôi sẽ thắp đèn, lắc chuông, gọi tên, và sống chậm hơn nửa giây. Để một ngày nào đó, khi đến lượt mình, chúng tôi cũng biết đi nhẹ vào gió.

**For those who have gone: we will light lamps, ring bells, call your names, and live half a second slower, so that one day, when it is our turn, we too may know how to walk gently into the wind.**

Bài ca này không có điệp khúc, vì đời sống hiếm khi lặp lại. Nhưng nếu cần một câu hát chung, có lẽ là câu này: “Đừng để tay quên lòng.” Tôi viết xong, gấp lại, bỏ vào túi áo. Ngày mai, khi bước vào bệnh viện, tôi sẽ mang theo, như mang theo một nốt nhạc nhỏ không nghe bằng tai, chỉ nghe bằng cách mình đối xử với nhau mỗi ngày.

**This song has no chorus, because life rarely repeats itself. But if it needs one shared line, perhaps it is this: Do not let your hands forget your heart. I finish writing, fold the paper, and place it in my coat pocket. Tomorrow, when I walk into the hospital, I will carry it with me, like a small note of music that cannot be heard by the ear, only through the way we treat one another, each day.**

# Epilogue

Khi những dòng chữ cuối cùng của "Cõi người mong manh" được viết xuống, tôi nhận ra mình vừa đi hết một hành trình kép: hành trình của ký ức trong những đêm trực, và hành trình tìm lại ý nghĩa của việc "có mặt" giữa cuộc đời. Cuốn sách này bắt đầu từ một câu hỏi về sự mong manh của thân phận, và giờ đây khi khép lại, nó trả cho tôi một câu trả lời duy nhất: Lòng biết ơn.

**When the final lines of “The Fragile Realm of Being Human” were written, I realized I had completed a twin journey: the journey through memories of countless night shifts, and the journey of rediscovering what it means to be truly present in this life. The book began with a question about the fragility of our existence, and now, as it closes, it returns to me a single answer: gratitude.**

Tôi muốn cúi đầu biết ơn những người thầy đã dạy tôi bài học đầu tiên về sự im lặng, biết ơn những đồng nghiệp đã cùng tôi đi qua những ca mổ lúc nửa đêm, chia nhau "một tách trà chưa nguội" và giữ cho nhau tỉnh táo bằng những "mảnh giấy trong túi áo blouse". Tôi biết ơn các chị điều dưỡng, các kỹ thuật viên, những "người thắp đèn trong đêm", những người đã dạy tôi rằng sự chăm sóc vĩ đại nhất nằm ở một cái chỉnh gối, một lời gọi tên, một ánh nhìn. Tôi biết ơn cả bác bảo vệ già, cô lao công lặng lẽ, những người đã cùng tôi chứng kiến "bông hoa nở sau tường rêu" và nhắc tôi rằng bất cứ ai trong bệnh viện này cũng đều là một phần của sự chữa lành.

**I bow in gratitude to my teachers, who taught me the first lessons on silence; to my colleagues who shared with me those midnight surgeries, a cup of tea still warm, and those small notes tucked in the pockets of our white coats that helped us stay awake and kind. I am grateful to the nurses, the technicians, the “light keepers of the night,” who showed me that the greatest form of care often lives in the smallest gestures:**

**adjusting a pillow, calling someone by name, offering a steady gaze. I am grateful to the old security guard and the quiet cleaning lady, who witnessed with me the flowers blooming behind mossed walls and reminded me that everyone in this hospital is part of the act of healing.**

Trên tất cả, tôi mang một lòng biết ơn sâu thẳm đến các bệnh nhân và gia đình họ. Họ đã cho tôi vinh dự được "đi cùng một đoạn đường", dù ngắn ngủi. Chính họ, trong những khoảnh khắc yếu đuối nhất, lại là những người thầy lớn nhất của tôi. Họ dạy tôi về lòng can đảm qua hình ảnh "người mẹ nơi phòng cấp cứu", dạy tôi về sự buông bỏ nhẹ nhàng như "hơi thở cuối cùng của gió" và dạy tôi về hy vọng qua lời hứa "ngày mai sẽ nở hoa". Họ đã kiên nhẫn với tôi, tha thứ cho những lúc tôi vội vàng, những lúc tôi chỉ nhìn thấy bệnh mà quên mất con người.

**Above all, I carry a deep and tender gratitude for the patients and their families. They have given me the**

**honor of walking beside them, however briefly. In their most fragile moments, they became my greatest teachers. They taught me courage through the image of a mother in the emergency room, taught me release through the *last breath of the wind,* and taught me hope through the promise that *tomorrow will bloom again.* They have been patient with me, forgiving my haste, forgiving the times when I saw only the illness and forgot the human being.**

Cuốn sách này không phải là một tập hợp những kỳ tích. Nó là một kho lưu trữ những điều rất nhỏ bé đã cứu rỗi chính tôi khỏi sự chai sạn của nghề nghiệp. Nó là "giọt sáng trong im lặng" đầu ngày, là "hạt bụi trong ánh nắng" buổi chiều, là khoảnh khắc nhận ra ý nghĩa của "những bàn tay còn ấm". Những câu chuyện này được viết ra để nhắc tôi, và có lẽ để nhắc cả chúng ta, rằng giữa bộn bề của phác đồ và máy móc, thứ duy nhất giữ con người lại với nhau chính là lòng nhân từ.

**This book is not a collection of miracles. It is a small archive of moments that have quietly saved me from growing numb to my profession. It is the *drop of light in silence* at dawn, the *dust in the afternoon sunlight*, the instant I understood the meaning of *warm hands that still hold on.* These stories were written to remind me, and perhaps to remind all of us that amidst the noise of protocols and machines, the only thing that truly holds us together is kindness.**

"Cõi người mong manh" không phải là một lời than thở về sự yếu đuối. Nó là một lời khẳng định dịu dàng rằng, chính vì chúng ta mong manh, chúng ta mới có lý do để cần nhau. Chính vì cuộc đời dễ vỡ, chúng ta mới học cách chạm vào nhau một cách cẩn trọng.

**“The Fragile Realm of Being Human” is not a lament for weakness. It is a gentle affirmation that because we are fragile, we need one another. Because life can shatter, we must learn to touch each other with care.**

Tôi xin cảm ơn gia đình và bè bạn, những người đã kiên nhẫn chịu đựng các ca trực của tôi, và nhắc tôi "ăn, ngủ, thở, khi tôi quên". Nếu không có họ, sẽ không có những khoảng lặng để những chiêm nghiệm này được thành hình.

**I thank my family and friends, who have endured my endless night shifts, who remind me to eat, sleep, and breathe when I forget. Without them, there would be no quiet space for these reflections to take shape.**

Nếu những trang viết này có thể mời bạn dừng lại một nhịp, lắng nghe tiếng chuông bệnh viện hay tiếng thở của chính mình; nếu nó giúp ai đó "kéo nhẹ rèm cửa để nắng vào" , hoặc can đảm "ngồi xuống bên giường số 9" gai góc, thì cuốn sách đã làm trọn vẹn sứ mệnh của nó.

**If these pages can invite someone to pause for a moment, to listen to the sound of hospital bells or to their own breathing; if they can help someone draw the curtain slightly open to let the sunlight in, or gather the**

**courage to sit beside a difficult *bed number nine*, then this book has fulfilled its purpose.**

Sau cùng, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến chính "đôi tay của cha", người đã dạy tôi bài học giản dị mà tôi mang theo suốt đời: "Đừng để tay quên lòng nhân ái".

**Finally, I wish to thank “my father’s hands”, the ones that taught me the simplest lesson I carry for life: “Do not let your hands forget kindness.”**

Xin trân trọng biết ơn cõi người này dẫu mong manh, nhưng đã cho chúng ta lý do để dịu dàng với nhau mỗi ngày.

**With deep gratitude to this fragile realm of being human, though delicate, it gives us reason to be gentle with one another, every single day.**